

## MỤC LỤC

<b>Chương 1: PHƯƠNG PHÁP LUẬN XÂY DỰNG VÀ TÍNH TOÁN CHỈ SỐ DDCI</b> .....	1
1.1. Quy trình xây dựng chỉ số DDCI Phú Yên 2020.....	2
1.2. Phương pháp thu thập số liệu.....	2
1.3. Làm sạch dữ liệu, nhập phiếu, xử lý dữ liệu, tính điểm và xếp hạng.....	3
<b>Chương 2: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2020</b> .....	5
2.1. Xếp hạng DDCI khối Sở, Ban, Ngành tỉnh Phú Yên.....	5
2.2. Chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Sở, Ban, Ngành.....	11
2.3. Chỉ số thành phần Tính năng động của Sở, Ban, Ngành.....	13
2.4. Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của Sở, Ban, Ngành.....	15
2.5. Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của Sở, Ban, Ngành.....	17
2.6. Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của Sở, Ban, Ngành.....	19
2.7. Chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của Sở, Ban, Ngành.....	21
2.8. Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của Sở, Ban, Ngành.....	23
2.9. Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu của Sở, Ban, Ngành.....	25
<b>Chương 3: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH KHỐI ĐỊA PHƯƠNG TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2020</b> .....	27
3.1. Xếp hạng DDCI khối Địa phương tỉnh Phú Yên.....	27
3.2. Chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Địa phương.....	32
3.3. Chỉ số thành phần Tính năng động của Địa phương tỉnh Phú Yên.....	33
3.4. Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của khối Địa phương.....	34
3.5. Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của Địa phương.....	35
3.6. Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của Địa phương.....	36
3.7. Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của khối Địa phương... ..	37
3.8. Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của Địa phương.....	38
3.9. Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu của Địa phương.....	39
3.10. Chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất của Địa phương.....	40
<b>Chương 4: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH KHỐI CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2020</b> .....	41

4.1. Xếp hạng DDCI khối cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh Phú Yên ...	41
4.2. Chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối CQTW ...	45
4.3. Chỉ số thành phần Tính năng động của khối CQTW .....	46
4.4. Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của khối CQTW .....	47
4.5. Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của khối CQTW .....	49
4.6. Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của khối CQTW .....	50
2.7. Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của khối CQTW .....	51
4.8. Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của khối CQTW .....	52
2.9. Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu của khối CQTW .....	53
KẾT LUẬN .....	54

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Lượng phiếu phát ra.....	1
Bảng 2: Tỷ lệ hồi đáp DDCI tỉnh Phú Yên năm 2020 .....	1
Bảng 3: Điểm số DDCI năm 2020 với 2019 .....	6
Bảng 4: Thứ hạng và điểm số DDCI khối Địa phương năm 2020 với 2019 .....	28
Bảng 5: Điểm số DDCI khối CQTW năm 2020 với 2019.....	42

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI khối Sở, Ban, Ngành tỉnh Phú Yên năm 2020 .....	5
Hình 2: So sánh điểm số DDCI khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 với 2019.....	7
Hình 3: Chỉ số thành phần DCI khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 .....	8
Hình 4: So sánh điểm số Chỉ số thành phần khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 với năm 2019 .....	8
Hình 5: So sánh 07 chỉ số thành phần của DDCI năm 2020 so với điểm PCI Phú Yên 2019 .....	9
Hình 6: Điểm trung vị 08 chỉ số thành phần của DDCI Phú Yên 2019 khối Sở, Ban, Ngành và điểm trung vị 07 chỉ số thành phần PCI 2019 toàn quốc .....	9
Hình 7: So sánh 07 chỉ số thành phần của khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 so với điểm trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	10
Hình 8: Điểm số và xếp hạng chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin .....	11
Hình 9: So sánh chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Sở, Ban, Ngành năm 2020 so với trung vị PCI 2019 toàn quốc.....	12
Hình 10: Điểm số và xếp hạng chỉ số Tính năng động .....	13
Hình 11: So sánh chỉ số Tính năng động DDCI 2020 khối Sở, Ban, Ngành.....	14
so với trung vị PCI 2019 toàn quốc.....	14
Hình 12: Điểm số và xếp hạng chỉ số Chi phí thời gian .....	15
Hình 13: So sánh chỉ số Chi phí thời gian của Sở, Ban, Ngành năm 2020 so với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	16
Hình 14: Điểm số và xếp hạng chỉ số Chi phí không chính thức .....	17
Hình 15: So sánh chỉ số Chi phí không chính thức của Sở, Ban, Ngành năm 2020 so với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	18
Hình 16: Điểm số và xếp hạng chỉ số Cạnh tranh bình đẳng.....	19
Hình 17: So sánh chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của Sở, Ban, Ngành năm 2020 so với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	20
Hình 18: Điểm số và xếp hạng chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp .....	21
Hình 19: So sánh chỉ số dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp của Sở, Ban, Ngành năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	22
Hình 20: Điểm số và xếp hạng chỉ số Thiết chế pháp lý .....	23
Hình 21: So sánh chỉ số Thiết chế pháp lý của Sở, Ban, Ngành năm 2020 so với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	24
Hình 22: Điểm số và xếp hạng chỉ số Vai trò người đứng đầu của Sở, Ban, Ngành .....	25

Hình 23: So sánh chỉ số Vai trò người đứng đầu của Sở, Ban, Ngành năm 2019 so với trung vị DDCI 2019 toàn quốc .....	26
Hình 24: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI khối Địa phương .....	27
Hình 25: So sánh điểm số DDCI khối Địa phương tỉnh Phú Yên năm 2020 với năm 2019 .....	28
Hình 26: Chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương năm 2020.....	29
Hình 27: So sánh điểm chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương tỉnh Phú Yên năm 2020 với năm 2019 .....	29
Hình 28: So sánh 08 chỉ số thành phần của DDCI khối Địa phương năm 2020 so với điểm PCI Phú Yên 2019 toàn quốc.....	30
Hình 29: Điểm trung vị 09 chỉ số thành phần của DDCI Phú Yên 2019 khối Sở, Ban, Ngành và điểm trung vị 08 chỉ số thành phần PCI 2019 toàn quốc.....	30
Hình 30: So sánh 08 chỉ số thành phần của khối Địa phương năm 2020 so với điểm trung vị PCI 2019 .....	31
Hình 31: Điểm số và xếp hạng chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Địa phương.....	32
Hình 32: So sánh điểm chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Địa phương năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc.....	32
Hình 33: Điểm số và xếp hạng tính năng động Khối Địa phương.....	33
Hình 34: So sánh chỉ số tính năng động của Địa phương với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	33
Hình 35: Điểm số và xếp hạng chỉ số chi phí thời gian khối Địa phương.....	34
Hình 36: So sánh chỉ số chi phí thời gian khối Địa phương với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	34
Hình 37: Điểm và xếp hạng chỉ số Chi phí không chính thức khối Địa phương	35
Hình 38: So sánh chỉ số chi phí không chính thức khối Địa phương năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	35
Hình 39: Điểm và xếp hạng chỉ số Cạnh tranh bình đẳng khối Địa phương.....	36
Hình 40: So sánh chỉ số Cạnh tranh bình đẳng khối Địa phương với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	36
Hình 41: Điểm và xếp hạng chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khối Địa phương.....	37
Hình 42: So sánh chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khối Địa phương với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	37
Hình 43: Điểm và xếp hạng chỉ số Thiết chế pháp lý khối Địa phương.....	38
Hình 44: So sánh chỉ số Thiết chế pháp lý khối Địa phương 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	38

Hình 45: Điểm và xếp hạng chỉ số Vai trò người đứng đầu khối Địa phương...	39
Hình 46: So sánh chỉ số Vai trò người đứng đầu khối Địa phương 2020 với trung vị DDCI 2020 toàn quốc .....	39
Hình 48: So sánh chỉ số Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất của khối Địa phương năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc.....	40
Hình 49: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI khối cơ quan Trung ương .....	41
trên địa bàn tỉnh Phú Yên.....	41
Hình 50: So sánh điểm số DDCI khối CQTW trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020 với năm 2019.....	42
Hình 51: Chỉ số thành phần DDCI khối CQTW năm 2020.....	43
Hình 52: Điểm số DDCI khối CQTW năm 2020 và năm 2019.....	43
Hình 53: So sánh 07 chỉ số thành phần của DDCI khối CQTW năm 2020 với điểm PCI Phú Yên 2019.....	44
Hình 54: So sánh 07 chỉ số thành phần của khối CQTW năm 2020 .....	44
với điểm trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	44
Hình 55: Điểm 07 chỉ số thành phần của DDCI Phú Yên 2020 khối CQTW và điểm trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	45
Hình 56: Điểm số và xếp hạng chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin .....	45
Hình 57: So sánh chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối CQTW năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	46
Hình 58: Điểm số và xếp hạng chỉ số Tính năng động của khối CQTW .....	46
Hình 59: So sánh chỉ số Tính năng động của khối CQTW năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	47
Hình 60: Điểm số và xếp hạng chỉ số Chi phí thời gian của khối CQTW.....	47
Hình 61: So sánh chỉ số Chi phí thời gian của khối CQTW năm 2020.....	48
với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	48
Hình 62: Điểm số và xếp hạng chỉ số Chi phí không chính thức của CQTW ....	49
Hình 63: So sánh chỉ số Chi phí không chính thức khối CQTW.....	49
năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	49
Hình 64: Điểm số và xếp hạng chỉ số Cạnh tranh bình đẳng khối CQTW.....	50
Hình 65: So sánh chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối CQTW .....	50
với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	50
Hình 66: Điểm số và xếp hạng chỉ số Dịch vụ hỗ trợ DN khối CQTW .....	51
Hình 67: So sánh chỉ số Dịch vụ hỗ trợ DN của khối CQTW năm 2020.....	51
với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	51

Hình 68: Điểm số và xếp hạng chỉ số Thiết chế pháp lý của khối CQTW.....	52
Hình 69: So sánh chỉ số Thiết chế pháp lý của khối CQTW năm 2020 ..... với trung vị PCI 2019 toàn quốc .....	52
Hình 70: Điểm số và xếp hạng chỉ số Vai trò người đứng đầu khối CQTW.....	53
Hình 71: So sánh chỉ số Vai trò người đứng đầu khối CQTW năm 2020 ..... với trung vị DDCI 2019 toàn quốc.....	53

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BQL Khu KT	Ban Quản lý khu Kinh tế
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BQL Khu NN UDCNC	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
CCHQ	Chi cục Hải quan
CQTW	Cơ quan trung ương
DDCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, Ngành và Địa phương
KBNN	Kho bạc Nhà nước
DN	Doanh nghiệp
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
QLTT	Quản lý thị trường
Sở GTVT	Sở Giao thông vận tải
Sở KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ
Sở KH-ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Sở LĐ,TB&XH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
Sở TT&TT	Sở Thông tin và Truyền thông
Sở VH,TT&DL	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
UBND	Ủy ban nhân dân



## Chương 1:

### PHƯƠNG PHÁP LUẬN XÂY DỰNG VÀ TÍNH TOÁN CHỈ SỐ DDCI

DDCI được xây dựng như một công cụ đánh giá phản ánh sát thực tế kinh doanh và cơ sở thông tin tích lũy qua nhiều năm, từ đó xây dựng các biện pháp, giải pháp thiết thực cho các cơ quan đơn vị tham gia đánh giá nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Năm thứ 3 triển khai DDCI, với mong muốn đánh giá nhìn nhận lại những mặt tích cực cũng như những mặt còn hạn chế trong công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh Phú Yên thông qua các chỉ số thành phần. Từ đó có những chỉ đạo sâu sát hơn, thực tiễn hơn để tạo điều kiện cho cộng đồng doanh nghiệp (DN) của tỉnh thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến.

Trong khuôn khổ nghiên cứu DDCI, DN là khái niệm chỉ các tổ chức kinh tế bao gồm công ty, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Phú Yên. DDCI đồng nghĩa với trao quyền thực tế cho cộng đồng DN trong nước và quốc tế chung tay với hệ thống hành chính các cấp kiến tạo môi trường thuận lợi, sức hút mạnh mẽ bền vững cho tỉnh Phú Yên.

Nhóm nghiên cứu và các đơn vị của tỉnh đã nỗ lực chuẩn bị kỹ các khâu từ xác minh thông tin DN, làm sạch dữ liệu đầu vào và dữ liệu phiếu thu về.

**Bảng 1: Lượng phiếu phát ra**

TT	Loại phiếu	Số lượng phiếu
1	Phiếu 01: đánh giá 26 Sở, ban, ngành	2.300
2	Phiếu 02: đánh giá 09 Địa phương	900
3	Tổng số phiếu phát ra	<b>3.200</b>

Do yêu cầu gấp rút về tiến độ cũng như thời điểm điều tra diễn ra vào cuối năm, nên nhóm nghiên cứu trực tiếp tiếp xúc với các DN để điều tra, khảo sát ghi vào bảng hỏi. Một số DN chỉ có thể phản hồi qua thư điện tử (email) do người trực tiếp trả lời đi công tác xa, nhóm nghiên cứu đã gửi file mềm bảng hỏi qua email để người trả lời dễ dàng điền hoặc lựa chọn các phương án trả lời.

Kết quả khảo sát DDCI tỉnh Phú Yên 2020 cho thấy những đón nhận tích cực từ cộng đồng DN với tỷ lệ hồi đáp rất cao đạt 78,23%. Trong đó, tỷ lệ hồi đáp đối với khối Sở, Ban, Ngành là 78,3%, đối với khối Địa phương là 78,0%.

**Bảng 2: Tỷ lệ hồi đáp DDCI tỉnh Phú Yên năm 2020**

	Khối Sở, Ngành	Khối Địa phương	Tổng số
Số phiếu phát ra	2.300	900	<b>3.200</b>
Số phiếu thu về	1.801	702	<b>2.503</b>
Tỷ lệ hồi đáp (%)	78,3	78,0	<b>78,23</b>

## **1.1. Quy trình xây dựng chỉ số DDCI Phú Yên 2020**

Chỉ số DDCI được xây dựng theo quy trình sau:

- Thu thập dữ liệu điều tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên bằng phiếu khảo sát;
- Làm sạch phiếu điều tra, nhập dữ liệu phiếu điều tra vào chương trình tính toán;
- Tính toán 8 chỉ số thành phần với khối Sở, Ban, Ngành; 9 chỉ số thành phần với khối địa phương, và chuẩn hóa kết quả theo thang điểm 10;
- Tính chỉ số DDCI dựa trên tổng 8 chỉ số thành phần đối với khối sở, ban, ngành và tổng 9 chỉ số thành phần đối với khối địa phương
  - i) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin
  - ii) Tính năng động của hệ thống Sở, ban, ngành/địa phương
  - iii) Chi phí thời gian
  - iv) Chi phí không chính thức
  - v) Cạnh tranh bình đẳng
  - vi) Hỗ trợ DN
  - vii) Thiết chế pháp lý
  - viii) Vai trò của người đứng đầu
- iv) Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất (áp dụng cho khối địa phương)

## **1.2. Phương pháp thu thập số liệu**

### ***Phương pháp chọn mẫu khảo sát***

Mẫu khảo sát DDCI Phú Yên 2020 được cung cấp bởi các Sở, Ban, Ngành và địa phương mà các DN có thực hiện các thủ tục hoặc các giao dịch có liên quan trong quá trình hoạt động. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, nhóm nghiên cứu sẽ điều tra thêm các DN đang hoạt động trên địa bàn của từng địa phương để đảm bảo đủ mẫu khảo sát.

### ***Phương pháp triển khai khảo sát***

Dựa trên nguyên tắc độc lập khách quan và bảo mật thông tin của DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia đánh giá các đơn vị Sở, Ban, Ngành và Địa phương, nhóm nghiên cứu sử dụng 02 kênh sau:

- Khảo sát đánh giá thực địa tại từng địa phương.
- Khảo sát bằng bảng hỏi điện tử (e-form) qua hệ thống thư điện tử/email: song song với việc khảo sát trực tiếp, nhóm khảo sát sẽ tiến hành gửi bảng hỏi điện tử qua email do DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh cung cấp như một kênh độc lập và kênh dự phòng song song.

Để bổ khuyết cho các vấn đề trên nhóm nghiên cứu đã thiết lập hệ thống tổng đài hỗ trợ và giải đáp thắc mắc (call center), với mục đích hỗ trợ và giải đáp các thắc mắc về thông tin khảo sát và phiếu khảo sát hạn chế tối đa những ảnh hưởng tới lựa chọn phương án của người trả lời.

### **1.3. Làm sạch dữ liệu, nhập phiếu, xử lý dữ liệu, tính điểm và xếp hạng**

- **Làm sạch bảng hỏi đã điền thông tin:** Ngay khi nhận được phiếu phản hồi, nhóm nghiên cứu tiến hành làm sạch bảng hỏi thông qua việc rà soát nội dung thông tin trên cơ sở ba vấn đề chính: đầy đủ thông tin, đúng quy tắc bảng hỏi, làm rõ các câu trả lời dễ gây nhầm lẫn.

- **Nhập phiếu:** Trong bước này bao gồm nhiều quá trình: như nhập số liệu, kiểm tra chéo tính đúng sai trong quá trình nhập liệu, nối số liệu, xuất số liệu.

- **Xử lý dữ liệu:** Nhóm nghiên cứu thực hiện các thao tác kiểm tra dữ liệu, khắc phục vấn đề giá trị khuyết và xử lý các điểm dị biệt trong dữ liệu. Đồng thời, để đảm bảo khách quan, nhóm nghiên cứu sẽ kiểm tra chéo dữ liệu. Nếu phát hiện dữ liệu “xấu”, nhóm nghiên cứu sẽ cân nhắc một trong 3 cách cơ bản để xử lý tình huống này là gọi điện hỏi lại người được phỏng vấn để làm sáng tỏ vấn đề; suy luận từ các câu trả lời khác hoặc loại toàn bộ câu trả lời có vấn đề. Dữ liệu điều tra DDCI sau mã hóa sẽ được tiến hành nhập liệu thông qua phần mềm nhập liệu và xử lý dữ liệu được thiết kế dựa trên nền tảng chương trình xử lý số liệu đã được xây dựng. Dữ liệu được xử lý song song tại phần mềm nhập liệu và xử lý dữ liệu. Song song với quá trình nhập liệu, với sự hỗ trợ của chương trình xử lý số liệu thống kê, có thể phát hiện những lỗi tinh vi hơn của dữ liệu đã thu thập. Các thống kê mô tả và các biểu đồ của các biến là công cụ hữu ích để phát hiện các giá trị (thông tin) cá biệt - ngoại lai. Giá trị trung vị, nhỏ nhất, lớn nhất sẽ cho biết vùng dữ liệu quan sát được của mỗi biến. Đây chính là thông tin quan trọng xác định một biến nào đó có trường hợp ngoại lai không. Cũng cần chú ý là giá trị ngoại lai không nhất thiết là thông tin sai, nhưng trong một số trường hợp, có thể cần loại các giá trị này trong một số tính toán vì chúng có thể làm sai lệch đặc trưng chung của tổng thể nghiên cứu. Ngoài ra, quá trình xử lý dữ liệu nghiên cứu thông qua kiểm định độ tin cậy của các biến số cũng sẽ hỗ trợ cho việc hiệu chỉnh lại các tiêu chí đánh giá cấu thành nên các chỉ số thành phần trong DDCI một cách phù hợp. Bên cạnh các dữ liệu thu được từ khảo sát cảm nhận của các đối tượng cơ sở SXKD (dữ liệu sơ cấp) thì nhóm nghiên cứu cũng thực hiện việc thu thập thêm các dữ liệu thứ cấp phục vụ cho đánh giá.

#### **- Tính điểm:**

Nhóm nghiên cứu đưa ra cách thức chuẩn hóa điểm cho các chỉ số DDCI theo thang điểm từ 1-4 theo mức độ cảm nhận từ *Rất xấu* đến *Tốt* (cảm nhận tốt dần lên). Các thông số đều được sắp xếp theo hướng tích cực tăng dần (giá trị càng cao càng tốt).

Các câu hỏi trong bảng điều tra là chỉ tiêu thuận có nghĩa là nếu các sở, ban, ngành và địa phương được đánh giá ở mức Đồng ý (4) trở lên, thì chỉ tiêu

này hiện tại đang ở mức tốt theo góc nhìn của cộng đồng DN, HTX và HKD trên địa bàn tỉnh. Như vậy, tỷ lệ Đồng ý càng cao đồng nghĩa là sở, ban, ngành và địa phương đó có mức điểm càng cao trong các chỉ tiêu thành phần của DDCI. Vì là xếp hạng theo tính chất cạnh tranh nên sở, ban, ngành và địa phương có tỷ lệ đồng ý thấp nhất thì mức điểm nhận được sẽ là 1 điểm và ngược lại sở, ban, ngành và địa phương có tỷ lệ đồng ý cao nhất thì mức điểm nhận được sẽ là 10 điểm theo từng câu hỏi. Điểm của các đơn vị còn lại nằm trong khoảng thấp nhất đến cao nhất sẽ được tính theo công thức:  $(10 * (\text{Điểm cao nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm thấp nhất của tất cả các đơn vị}) - (\text{Điểm cao nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm của đơn vị đánh giá})) * (10 - 1) / (\text{Điểm cao nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm thấp nhất của tất cả các đơn vị})$ . Điểm thành phần của 1 chỉ tiêu thành phần sẽ là trung bình cộng của tất cả các câu hỏi trong chỉ tiêu đó.

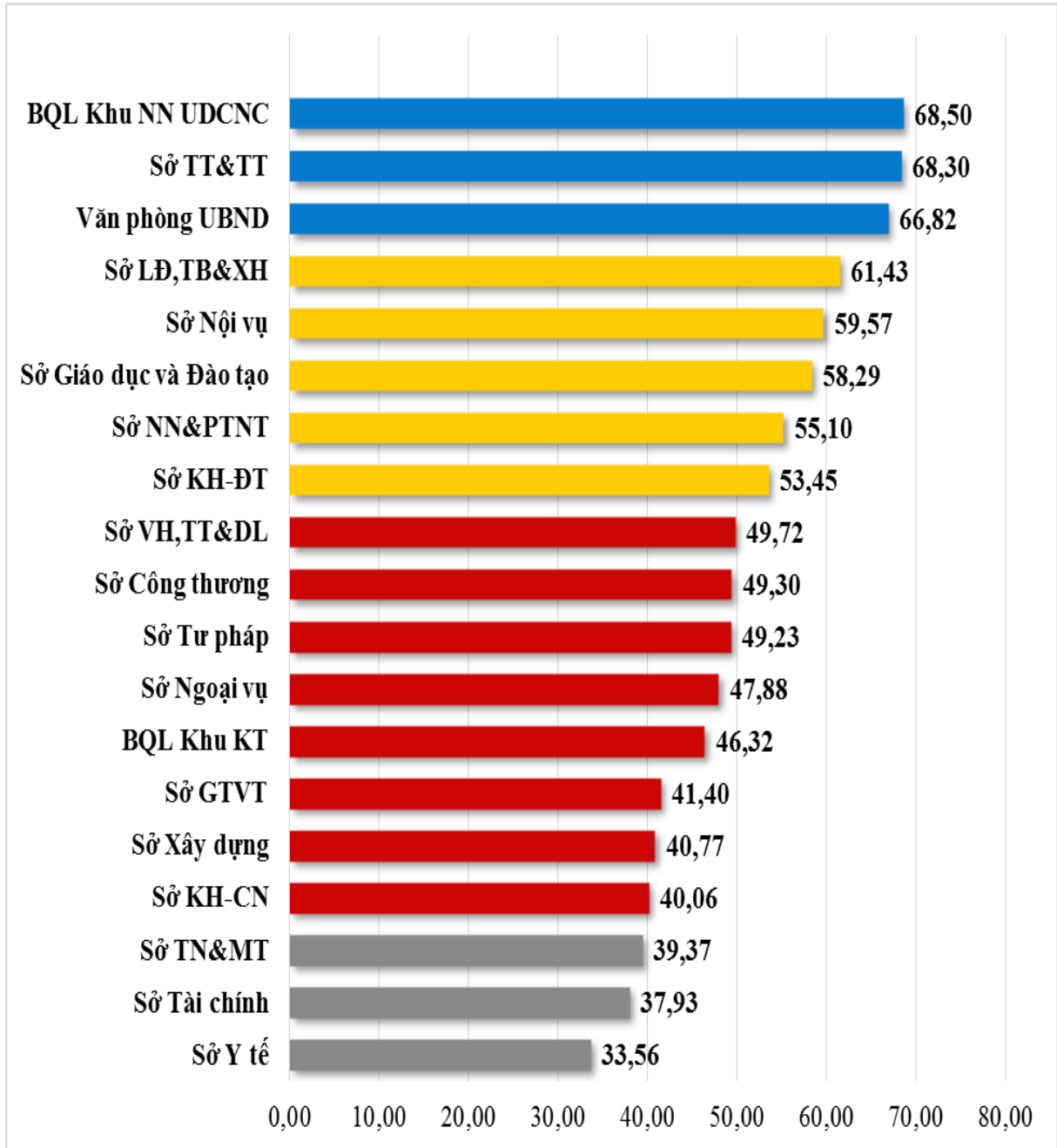
Các câu hỏi trong bảng điều tra là chỉ tiêu nghịch có nghĩa là nếu các sở, ban, ngành và địa phương được đánh giá ở mức Đồng ý (4) trở lên, thì chỉ tiêu này hiện tại đang ở mức không tốt theo góc nhìn của cộng đồng DN, HTX và HKD trên địa bàn tỉnh. Như vậy, tỷ lệ Đồng ý càng cao đồng nghĩa là sở, ban, ngành và địa phương đó có mức điểm càng thấp trong các chỉ tiêu thành phần của DDCI. Vì là xếp hạng theo tính chất cạnh tranh nên sở, ban, ngành và địa phương có tỷ lệ đồng ý thấp nhất thì mức điểm nhận được sẽ là 10 điểm và ngược lại sở, ban, ngành và địa phương có tỷ lệ đồng ý cao nhất thì mức điểm nhận được sẽ là 1 điểm theo từng câu hỏi. Điểm của các đơn vị còn lại nằm trong khoảng thấp nhất đến cao nhất sẽ được tính theo công thức:  $(10 * (\text{Điểm thấp nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm cao nhất của tất cả các đơn vị}) - (\text{Điểm thấp nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm của đơn vị đánh giá})) * (10 - 1) / (\text{Điểm thấp nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm cao nhất của tất cả các đơn vị})$ . Điểm thành phần của 1 chỉ tiêu thành phần sẽ là trung bình cộng của tất cả các câu hỏi trong chỉ tiêu đó.

- **Xếp hạng:** DDCI sẽ được quy đổi về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp

**Chương 2:**  
**CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH**  
**TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2020**

**2.1. Xếp hạng DDCI khối Sở, Ban, Ngành tỉnh Phú Yên**

**2.1.1. Tổng điểm và thứ hạng**



**Hình 1: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI khối Sở, Ban, Ngành tỉnh Phú Yên năm 2020**

Kết quả xếp hạng cho thấy năng lực cạnh tranh của tỉnh đại diện bởi khối Sở, Ban, Ngành có điểm trung vị đạt 49,3 điểm tương đương mức 61,61 điểm (quy chuẩn hệ 10 chỉ số thành phần), tiệm cận dưới mức điểm số PCI 2019 của tỉnh là 64,14 điểm.

Xét về tính đồng đều giữa 19 đơn vị tham gia đánh giá, điểm số của đơn vị dẫn đầu đạt 68,5 điểm và điểm số của đơn vị xếp cuối đạt 33,56 điểm, khoảng cách điểm của đơn vị đứng đầu và cuối chênh lệch 34,94 điểm (tương đương 104% điểm tối thiểu). Điều này cho thấy chất lượng điều hành của các đơn vị đang có khoảng cách tương đối lớn từ góc nhìn DN.

Năm 2020 khẳng định sự đánh giá cao của cộng đồng DN với đơn vị dẫn đầu khối Sở, Ban, Ngành là BQL Khu NN UDCNC với điểm số 68,5 điểm, chênh lệch tới 19,2 điểm so với mặt bằng chung toàn tỉnh. 2 đơn vị tiếp theo trong nhóm 3 đơn vị dẫn đầu bảng xếp hạng DDCI Phú Yên 2020 theo thứ tự là Sở TT&TT, Văn phòng UBND tỉnh, đều có mức điểm lần lượt là 68,3 và 66,82 điểm.

5 đơn vị thuộc nhóm thứ 2, với điểm số và xếp hạng loại khá gồm: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nhóm này có điểm số đạt từ 53,45 điểm đến 61,43 điểm theo thang đo 80 điểm.

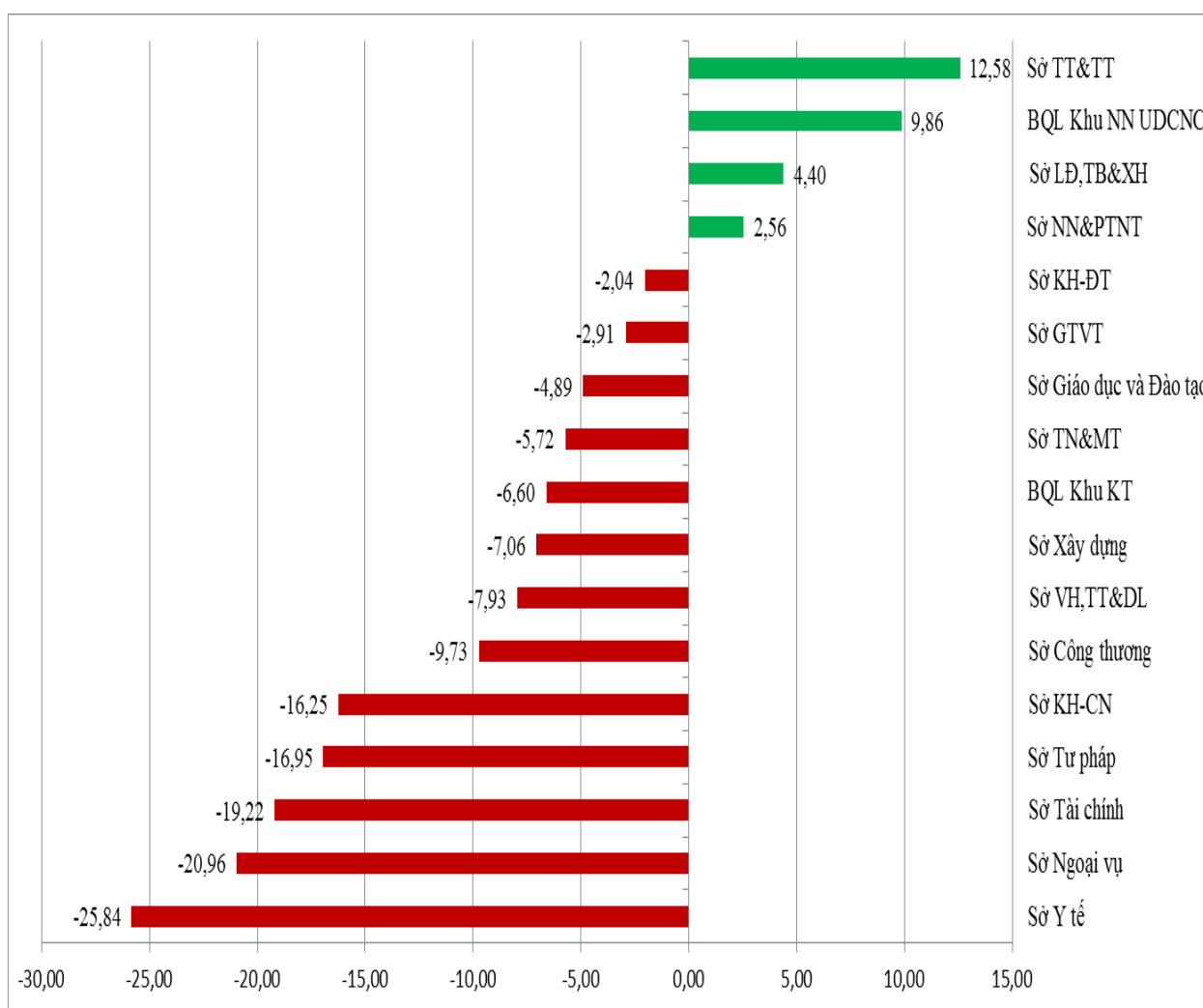
3 đơn vị xếp cuối của bảng xếp hạng là Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Sở Giao thông vận tải với mức điểm thấp từ 33,56 đến 39,37 điểm trên thang đo 80 điểm.

Các đơn vị xếp cuối cũng là những đơn vị có nhiều các thủ tục và hoạt động có liên quan tới DN phần nào giải thích thứ hạng chưa cao của tỉnh trong bảng xếp hạng PCI quốc gia lĩnh vực thu hút sự quan tâm và thắc mắc của DN trên cả nước và địa bàn tỉnh.

**Bảng 3: Điểm số DDCI năm 2020 với 2019**

Xếp hạng 2020	Sở, Ban, Ngành	Điểm số DDCI	
		2020	2019
1	BQL Khu NN UDCNC	68,50	58,63
2	Sở TT&TT	68,30	55,72
3	Văn phòng UBND	66,82	Không đánh giá
4	Sở LĐ, TB&XH	61,43	57,03
5	Sở Nội vụ	59,57	Không đánh giá
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	58,29	63,19
7	Sở NN&PTNN	55,10	52,54
8	Sở KH-ĐT	53,45	55,49
9	Sở VH, TT&DL	49,72	57,65
10	Sở Công thương	49,30	59,03
11	Sở Tư pháp	49,23	66,18
12	Sở Ngoại vụ	47,88	68,84
13	BQL Khu KT	46,32	52,92

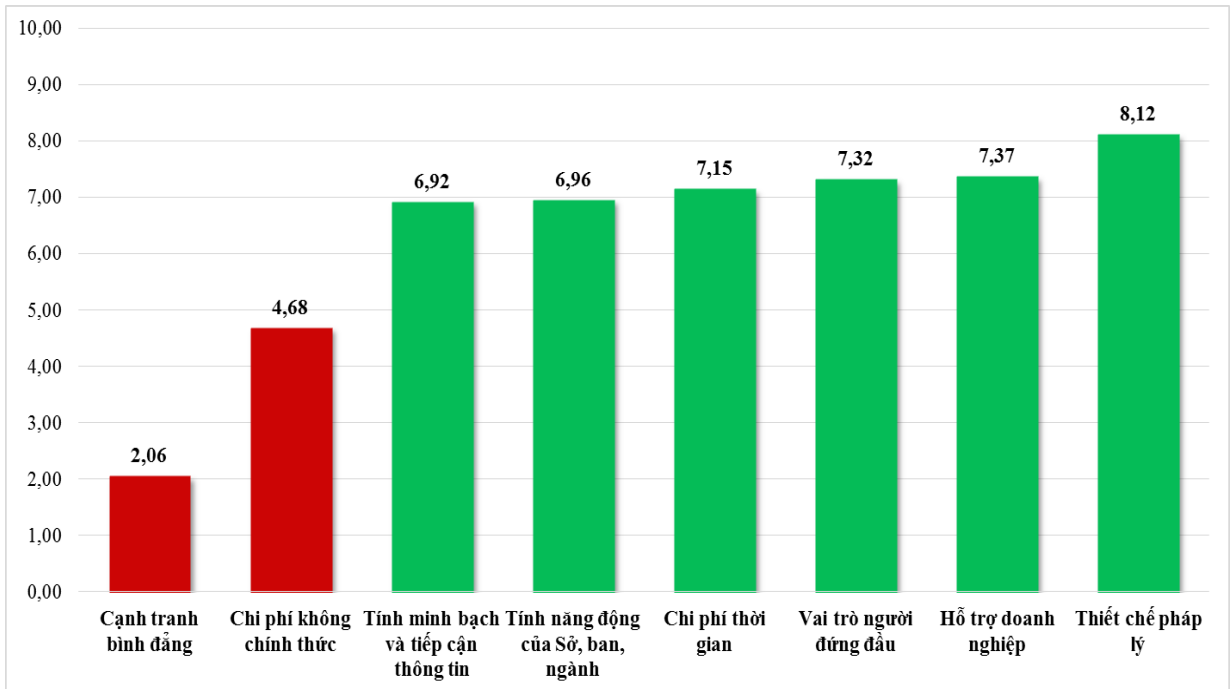
Xếp hạng 2020	Sở, Ban, Ngành	Điểm số DDCI	
		2020	2019
14	Sở GTVT	41,40	44,31
15	Sở Xây dựng	40,77	47,83
16	Sở KH&CN	40,06	56,31
17	Sở TN&MT	39,37	45,09
18	Sở Tài chính	37,93	57,16
19	Sở Y tế	33,56	59,39



**Hình 2: So sánh điểm số DDCI khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 với 2019**

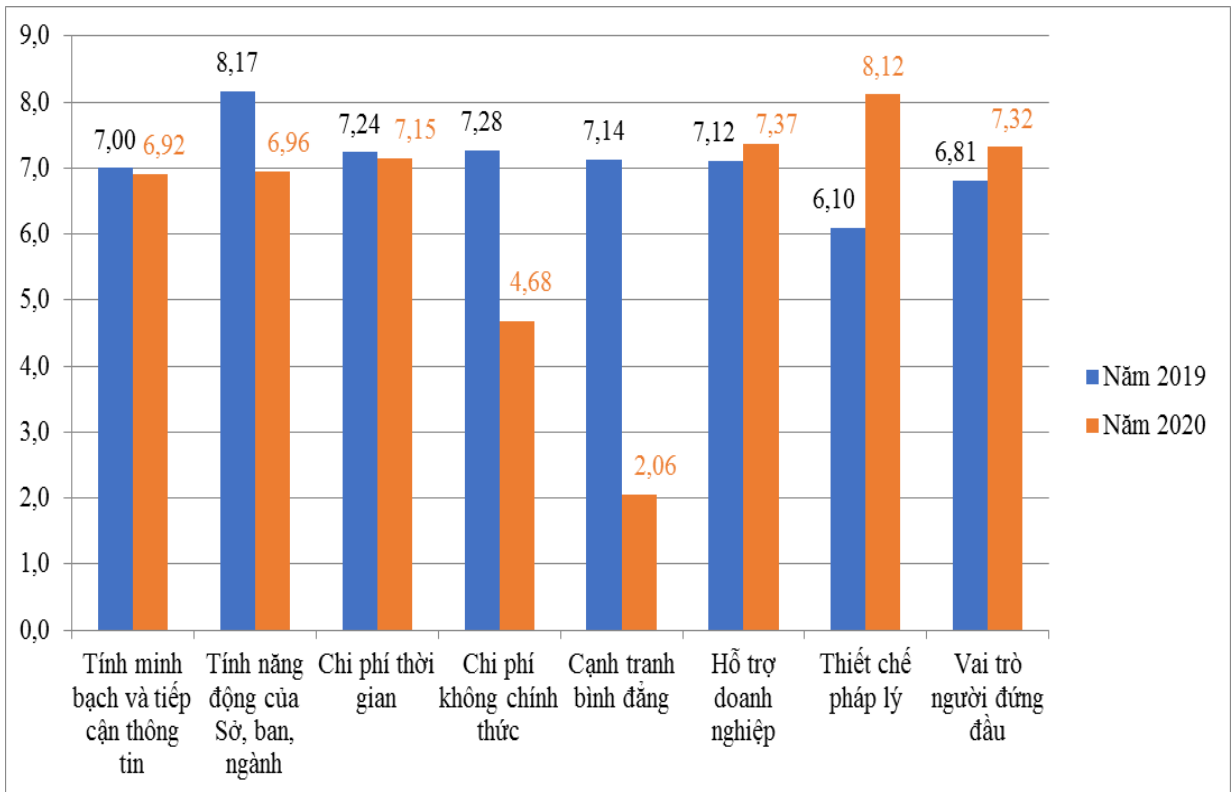
Kết quả trên cho thấy điểm số DDCI năm 2020 của 15/19 Sở, Ban, Ngành giảm sút nhiều so với năm 2019. Như vậy các Sở, Ban, Ngành có sự giảm sút cần có mức cải thiện mạnh mẽ năng lực và trách nhiệm điều hành trong năm 2021, nhất là các sở, ban, ngành có điểm giảm sút trên 2 con số.

### 2.1.2. Điểm chỉ số thành phần



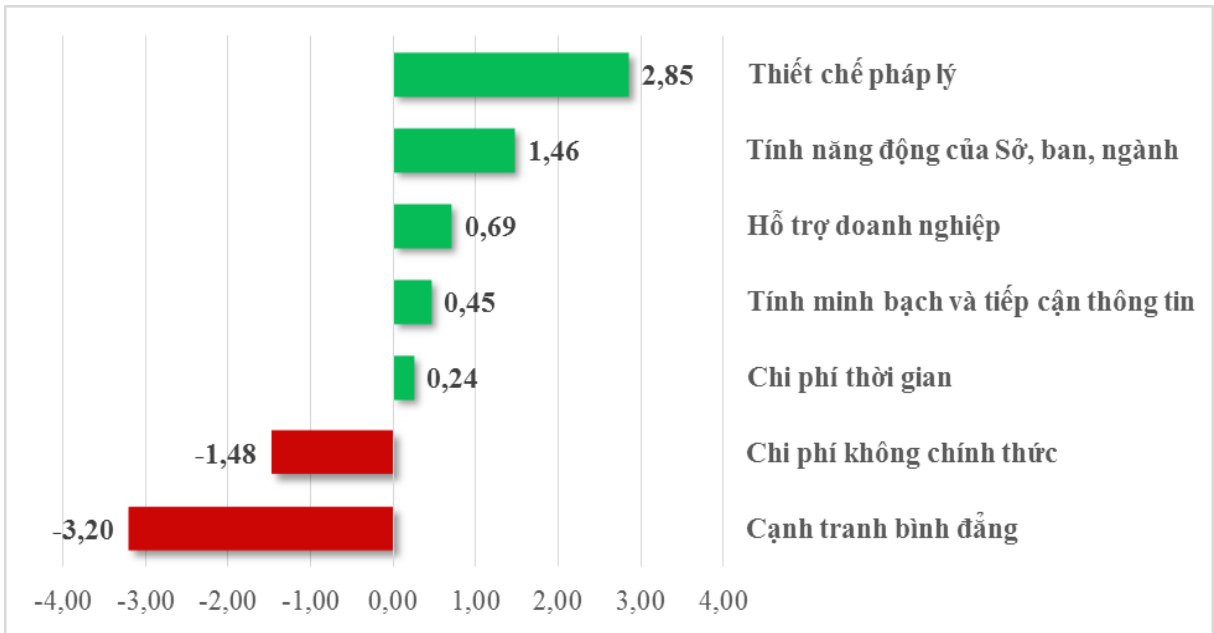
**Hình 3: Chỉ số thành phần DCI khối Sở, Ban, Ngành năm 2020**

Xét các chỉ số thành phần có thể thấy DDCI chỉ rõ “Cạnh tranh bình đẳng”, và “Chi phí không chính thức” là hai điểm thấp nhất của hệ thống Sở, Ban, Ngành tỉnh Phú Yên năm 2020.



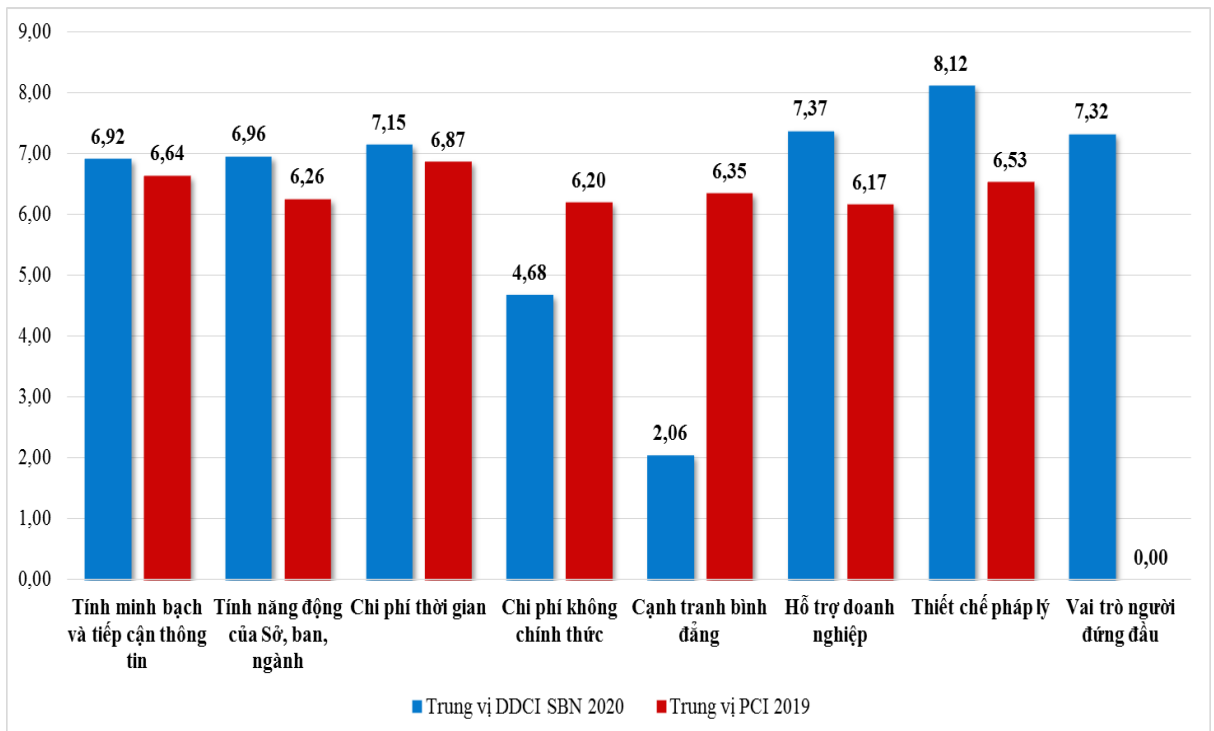
**Hình 3: So sánh điểm số Chỉ số thành phần khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 với năm 2019**



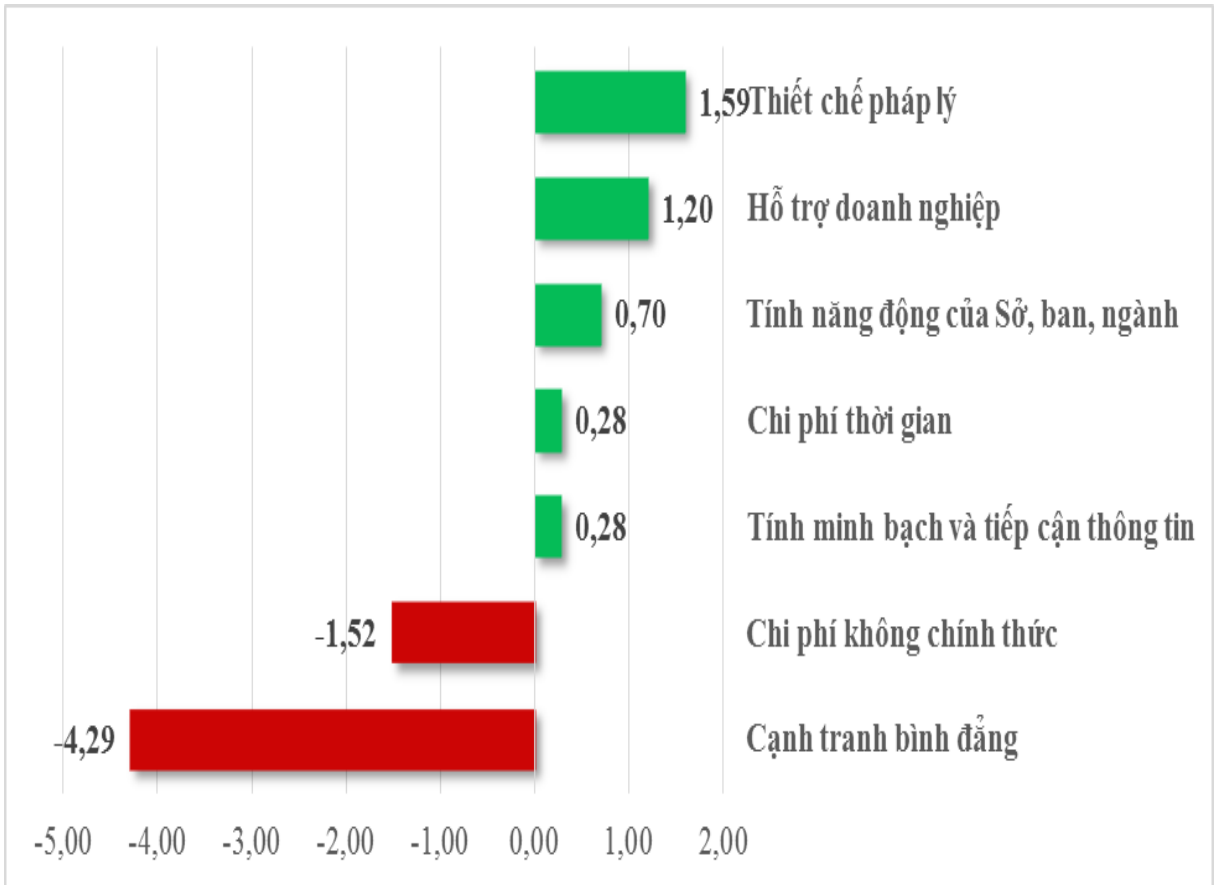


**Hình 4: So sánh 07 chỉ số thành phần của DDCI năm 2020 so với điểm PCI Phú Yên 2019**

So sánh với 07 chỉ số thành phần tương ứng của PCI 2019 cho thấy 5 chỉ số cải thiện so với PCI 2019 tỉnh Phú Yên là: “Thiết chế pháp lý”, “Tính năng động”, “Dịch vụ hỗ trợ DN”, “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” và “Chi phí thời gian” và 2 chỉ số “Chi phí không chính thức” và “Cạnh tranh bình đẳng” sút giảm so với PCI 2019. Phát hiện từ những đánh giá của DN cho thấy tương quan mạnh/yếu và mức độ cải thiện rất khác nhau giữa các trụ cột điều hành kinh tế của tỉnh.



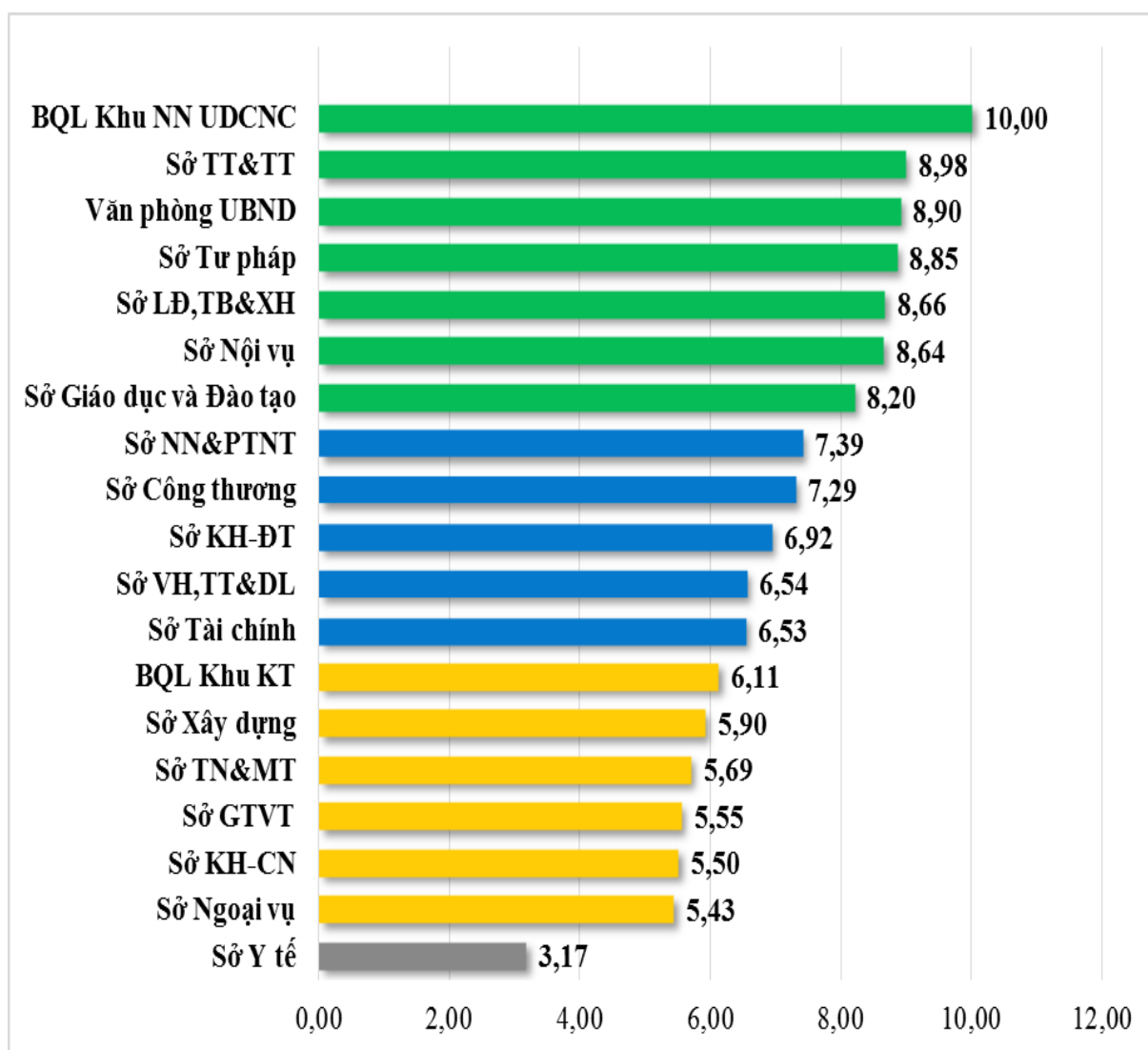
**Hình 5: Điểm trung vị 08 chỉ số thành phần của DDCI Phú Yên 2020 khối Sở, Ban, Ngành và điểm trung vị 07 chỉ số thành phần PCI 2019 toàn quốc**



**Hình 6: So sánh 07 chỉ số thành phần của khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 với điểm trung vị PCI 2019 toàn quốc**

So sánh với điểm trung vị của PCI 2019 với điểm số DDCI 2020 khối Sở, Ban, Ngành của tỉnh Phú Yên cho thấy tín hiệu đáng mừng 05/07 chỉ số thành phần đều vượt trung vị PCI cả nước năm 2019. Chỉ 02 chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” và “Cạnh tranh bình đẳng” là dưới mức trung vị PCI 2019.

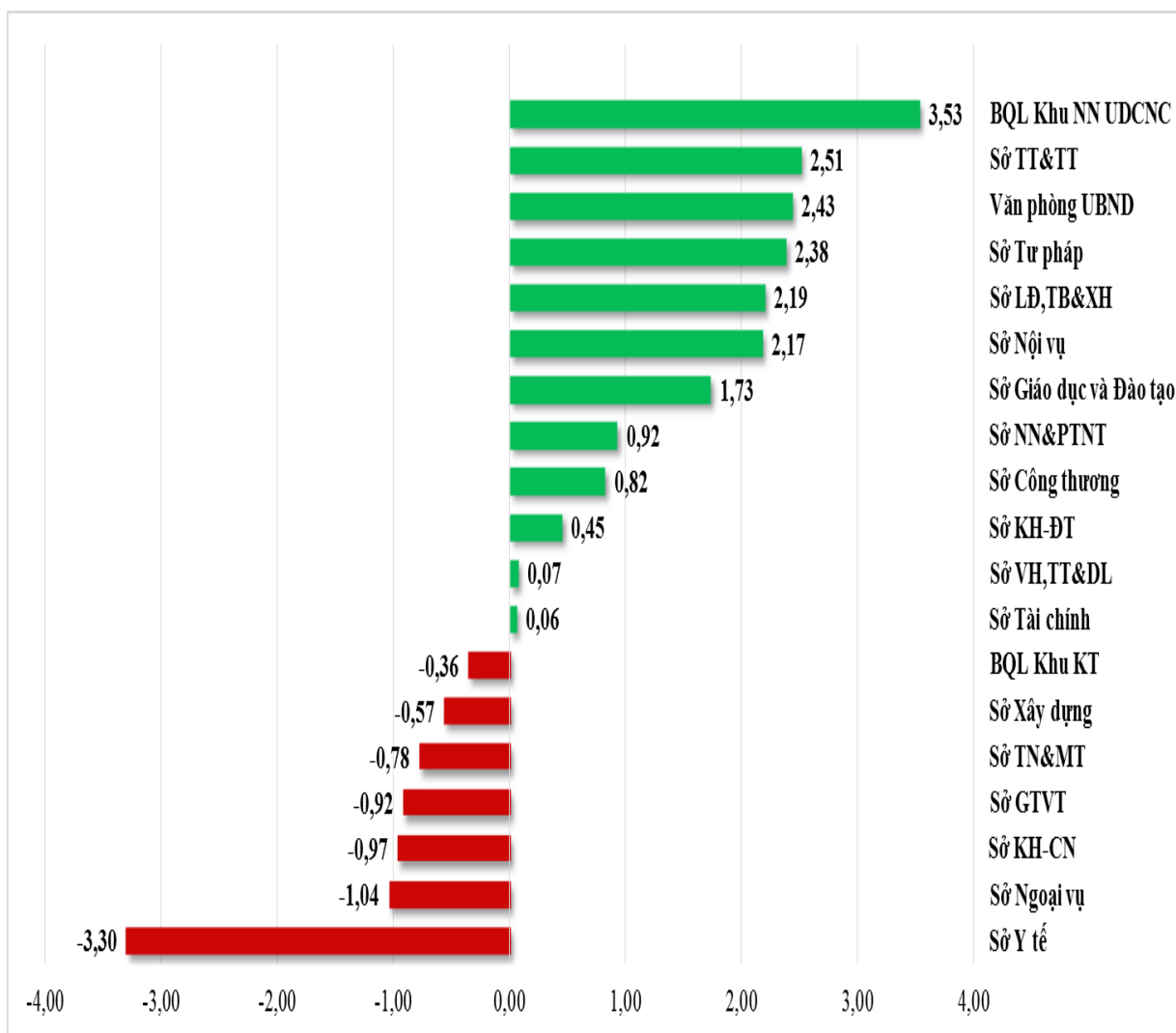
## 2.2. Chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Sở, Ban, Ngành



**Hình 7: Điểm số và xếp hạng chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

Chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” năm 2020 ghi nhận đơn vị dẫn đầu là BQL Khu NN UDCNC với 10 điểm. Nhóm 3 đơn vị dẫn đầu bao gồm BQL Khu NN UDCNC, Sở TT&TT và Văn phòng UBND với mức điểm trung bình của nhóm 9,29 điểm. 3 đơn vị xếp cuối là Sở Y tế, Sở Ngoại vụ. Sở KH&CN có mức điểm thấp từ 3,17 đến 5,5 điểm cho thấy cộng đồng DN không hài lòng về hiệu quả minh bạch, công khai của 3 đơn vị này.

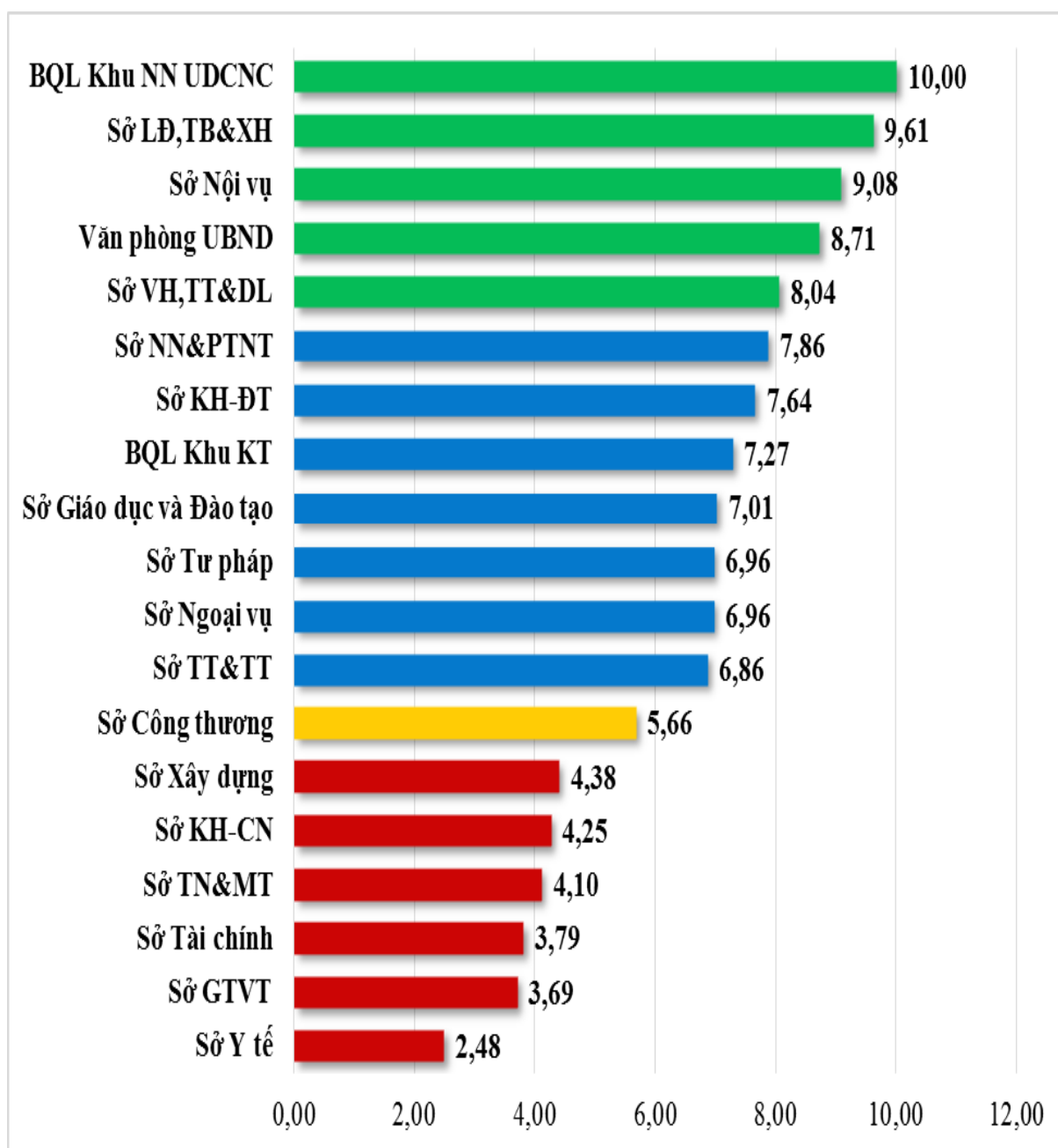
Khoảng cách điểm giữa đơn vị đứng đầu và đơn vị xếp cuối của chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” DDCI 2020 là 6,83 điểm.



**Hình 8: So sánh chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Sở, Ban, Ngành năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

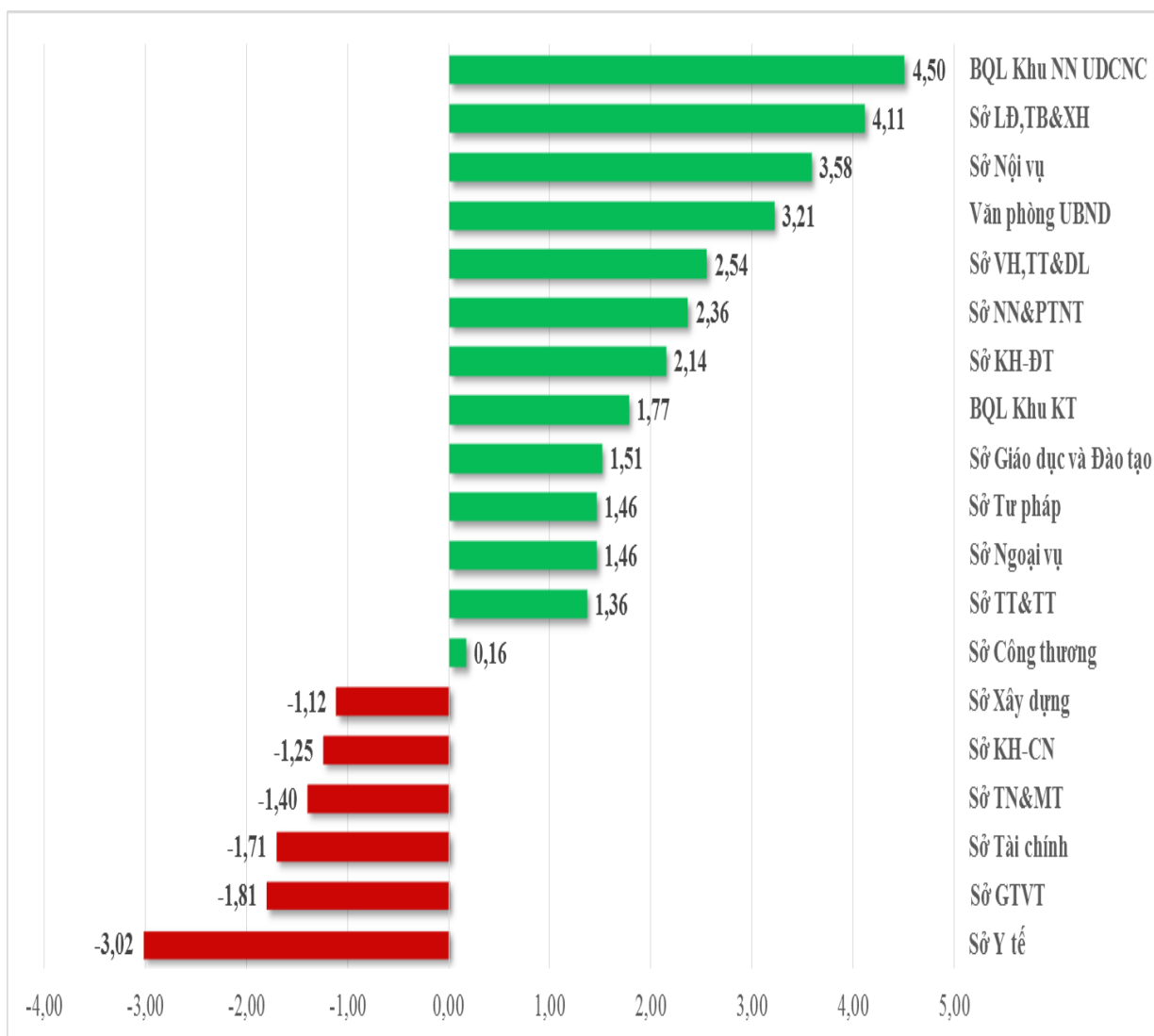
13/19 đơn vị có điểm số cao hơn so với trung vị PCI 2019 về tính năng động trong năm 2020. Điều này cho thấy, trong thời gian tới các Sở, Ban, Ngành cần quan tâm cải thiện chỉ số này.

### 2.3. Chỉ số thành phần Tính năng động của Sở, Ban, Ngành



**Hình 9: Điểm số và xếp hạng chỉ số Tính năng động**

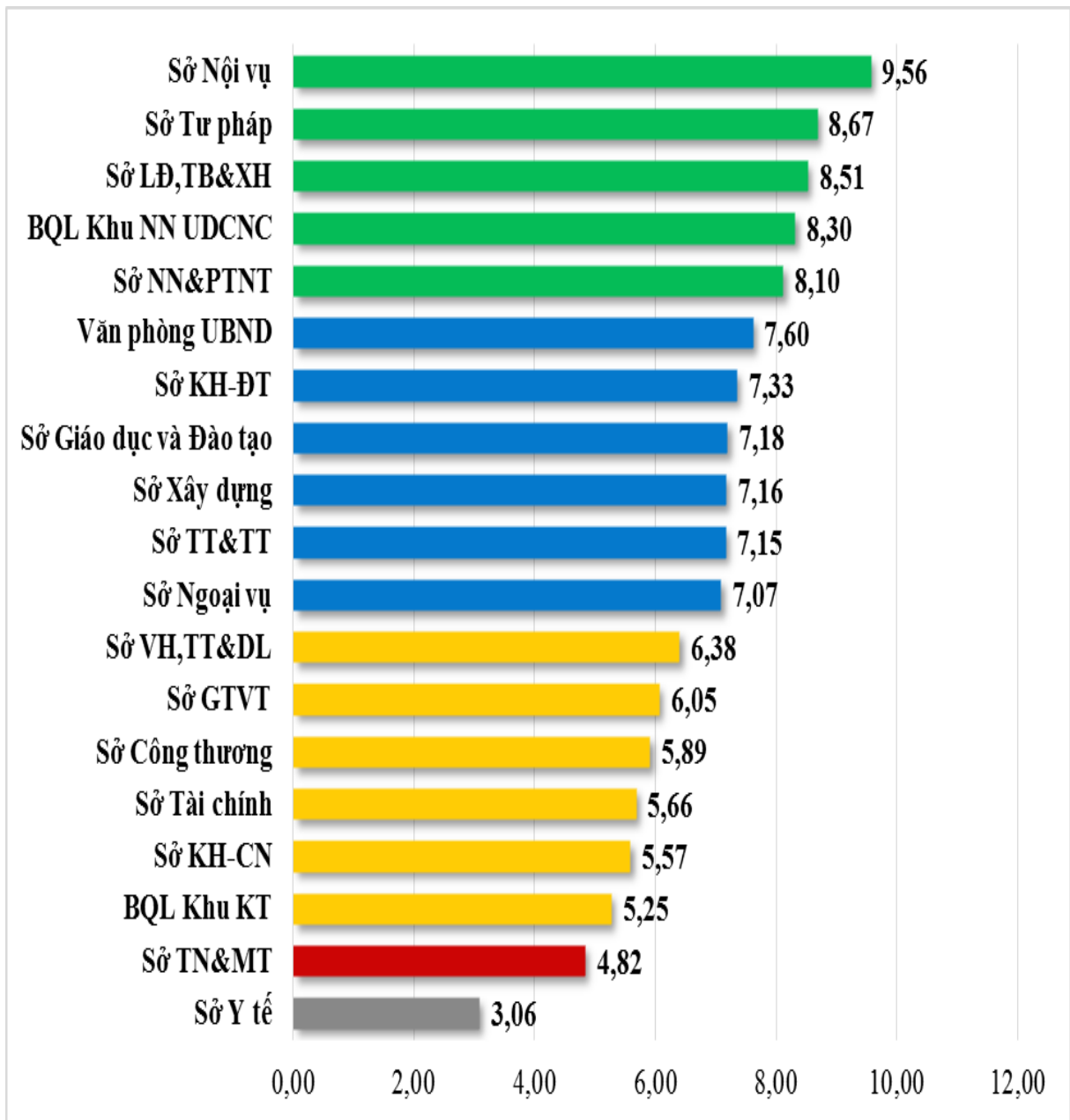
BQL Khu NN UDCNC, Sở LD, TB&XH, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh và Sở VH, TT&DL là 5 đơn vị dẫn đầu xếp hạng chỉ số “Tính năng động” của khối Sở, Ban, Ngành năm 2020. Với nhóm này, điểm số trung bình đạt mức cao trên 9,09 điểm. Nhóm thứ 2 bao gồm 7 đơn vị từ Văn phòng UBND đến Sở TT&TT với mức điểm đạt gần 7,5 điểm. Nhóm xếp cuối bao gồm 6 đơn vị từ Sở Xây dựng đến Sở Y tế có mức điểm trung bình đạt dưới 5 điểm.



**Hình 10: So sánh chỉ số Tính năng động DDCI 2020 khối Sở, Ban, Ngành với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

13/19 đơn vị có điểm số cao hơn, 6/19 đơn vị có điểm số thấp hơn so với trung vị PCI 2019 về tính năng động trong năm 2020. Các Sở, Ban, Ngành có điểm số thấp từ hơn 1 điểm đến hơn 3 điểm, do đó trong thời gian tới cần quan tâm cải thiện chỉ số này.

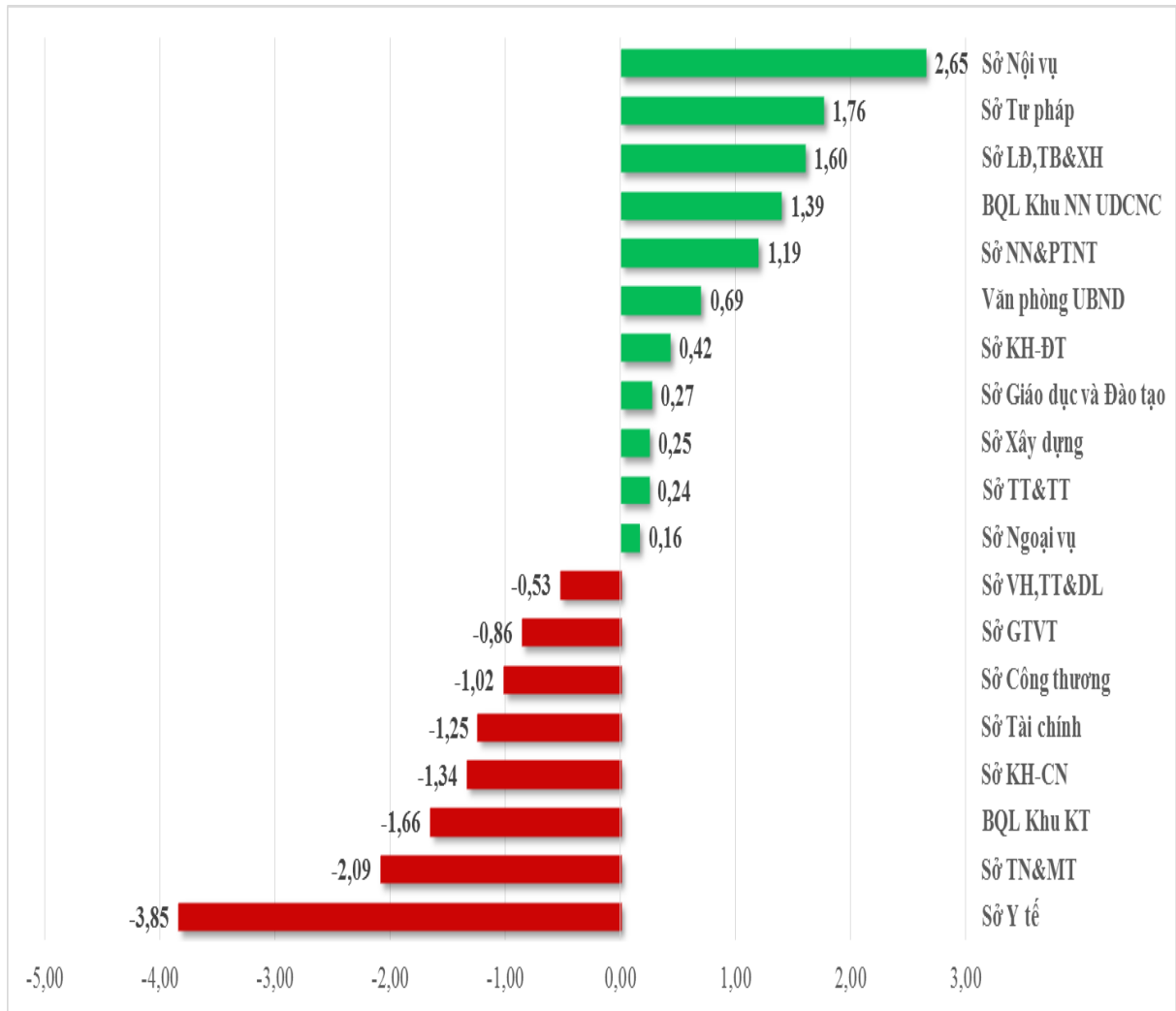
## 2.4. Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của Sở, Ban, Ngành



**Hình 11: Điểm số và xếp hạng chỉ số Chi phí thời gian**

Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và Sở LĐ,TB&XH là 3 đơn vị dẫn đầu xếp hạng chỉ số “Chi phí thời gian” của DDCI khối Sở, Ban, Ngành năm 2020. Với nhóm này, điểm số trung bình đạt khá cao 8,91 điểm. Nhóm thứ 2 bao gồm 8 đơn vị từ Sở Ngoại vụ đến BQL Khu NN UDCNC với điểm trung bình đạt 7,49 điểm. Nhóm thứ 3 bao gồm 6 đơn vị từ BQL Khu KT đến Sở VH,TT&DL mức điểm trung bình đạt 5,8 điểm. Nhóm xếp cuối bao gồm 2 đơn vị Sở TN&MT và Sở Y tế có mức điểm trung bình đạt 3,94 điểm.

Bảng xếp hạng DDCI 2020 chỉ rõ hầu hết các Sở, Ban, Ngành có quan hệ mật thiết đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của DN đều không đạt kỳ vọng của DN về chi phí thời gian bao gồm cả các sở, ngành quan trọng và cơ bản lẫn các đơn vị quản lý chuyên ngành.

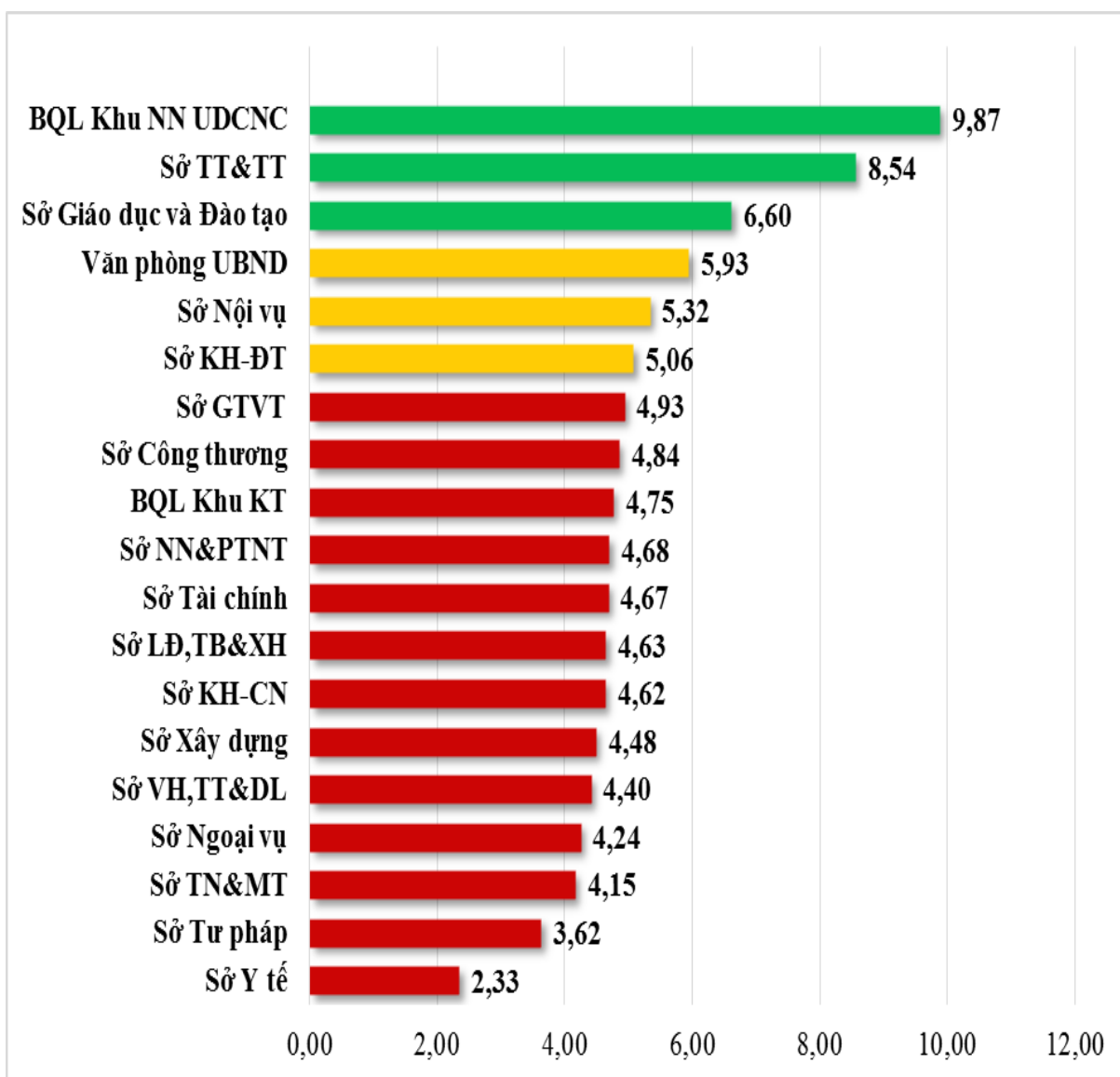


**Hình 12: So sánh chỉ số Chi phí thời gian của Sở, Ban, Ngành năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

So sánh với trung vị PCI 2019 có 8/19 đơn vị có điểm số thấp hơn trung vị PCI 2019. Trong đó, Sở TN&MT và Sở Y tế có mức điểm chênh lệch khá cao, do đó 2 đơn vị này cần phải quan tâm cải cách chỉ số này trong năm tới.

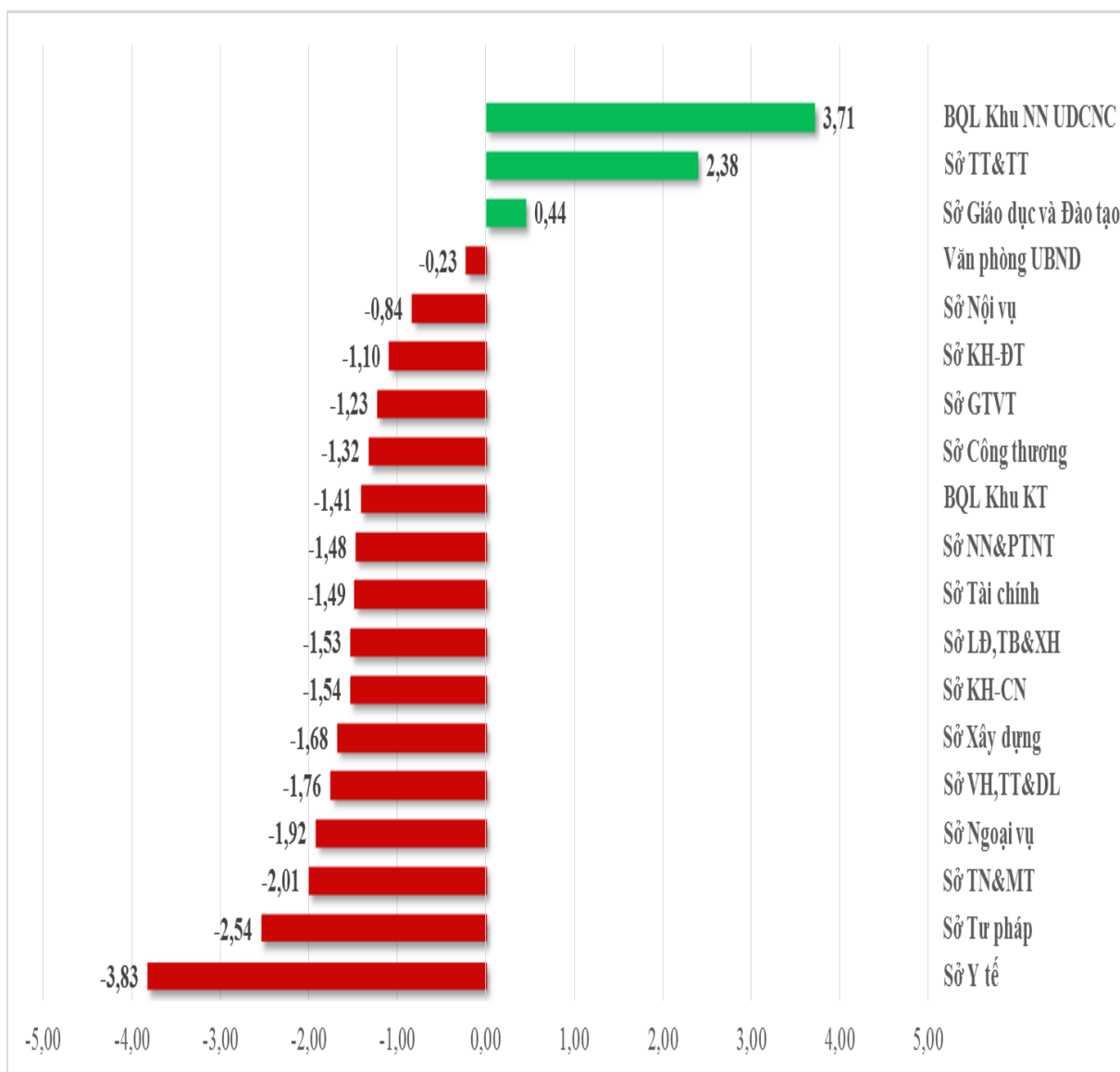


## 2.5. Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của Sở, Ban, Ngành



**Hình 13: Điểm số và xếp hạng chỉ số Chi phí không chính thức**

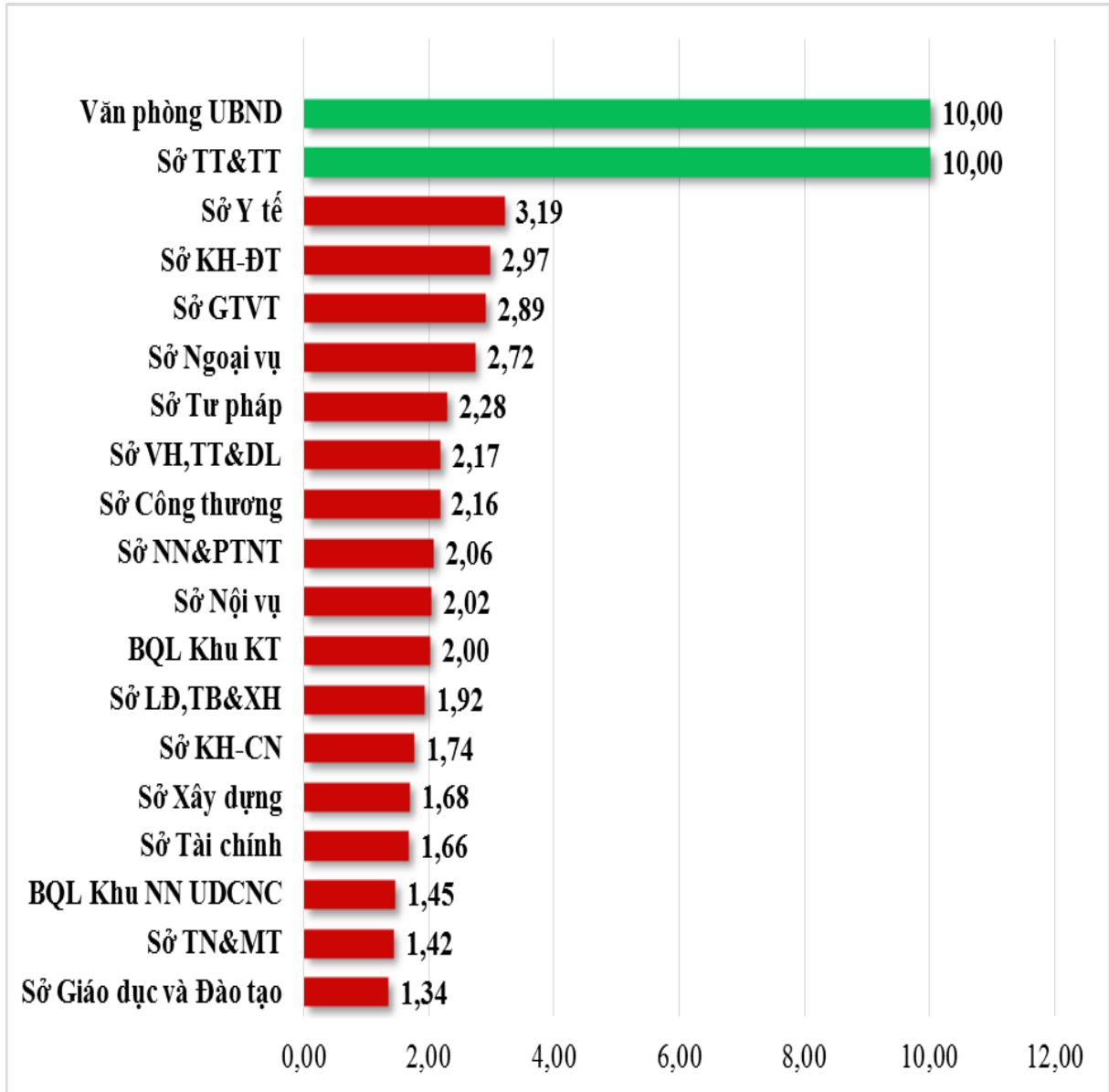
Chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” năm 2020 ghi nhận 3 đơn vị dẫn đầu là BQL Khu NN UDCNC, Sở TT&TT và Sở GD&ĐT có điểm trung bình đạt 8,34 điểm. 3 đơn vị xếp cuối là Sở TN&MT, Sở Tư pháp và Sở Y tế với mức điểm trung bình đạt 3,37 điểm. Trong đó, đáng chú ý là có 13/19 đơn vị có điểm số thấp hơn 5 điểm.



**Hình 14: So sánh chỉ số Chi phí không chính thức của Sở, Ban, Ngành năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

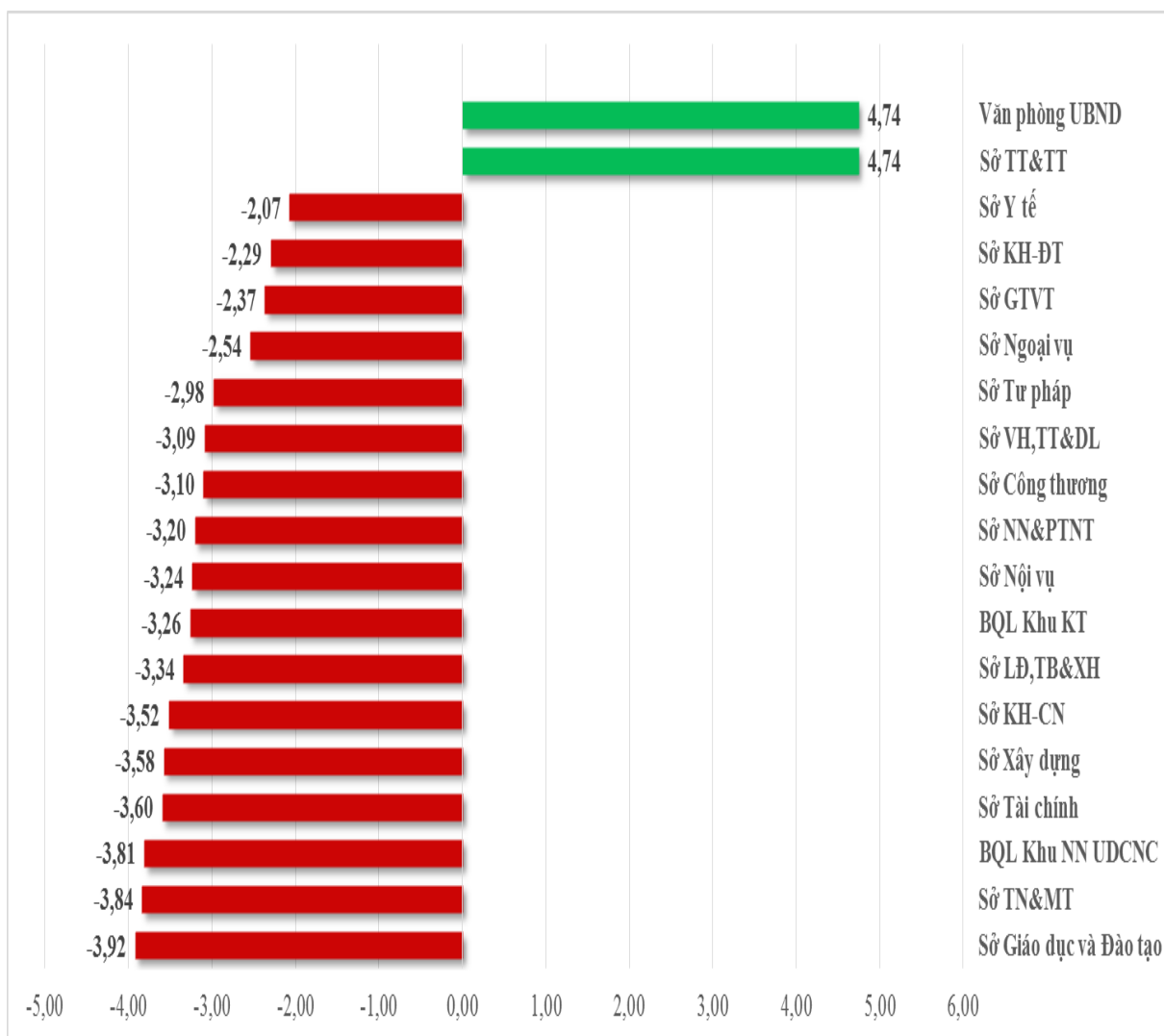
So sánh với trung vị PCI 2019 có 16/19 đơn vị đều có điểm số thấp hơn mức trung vị, đây là tín hiệu cảnh báo quá trình điều hành của tỉnh. Do đó, trong thời gian tới tỉnh cần quan tâm hơn nữa chỉ số này.

## 2.6. Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của Sở, Ban, Ngành



**Hình 15: Điểm số và xếp hạng chỉ số Cạnh tranh bình đẳng**

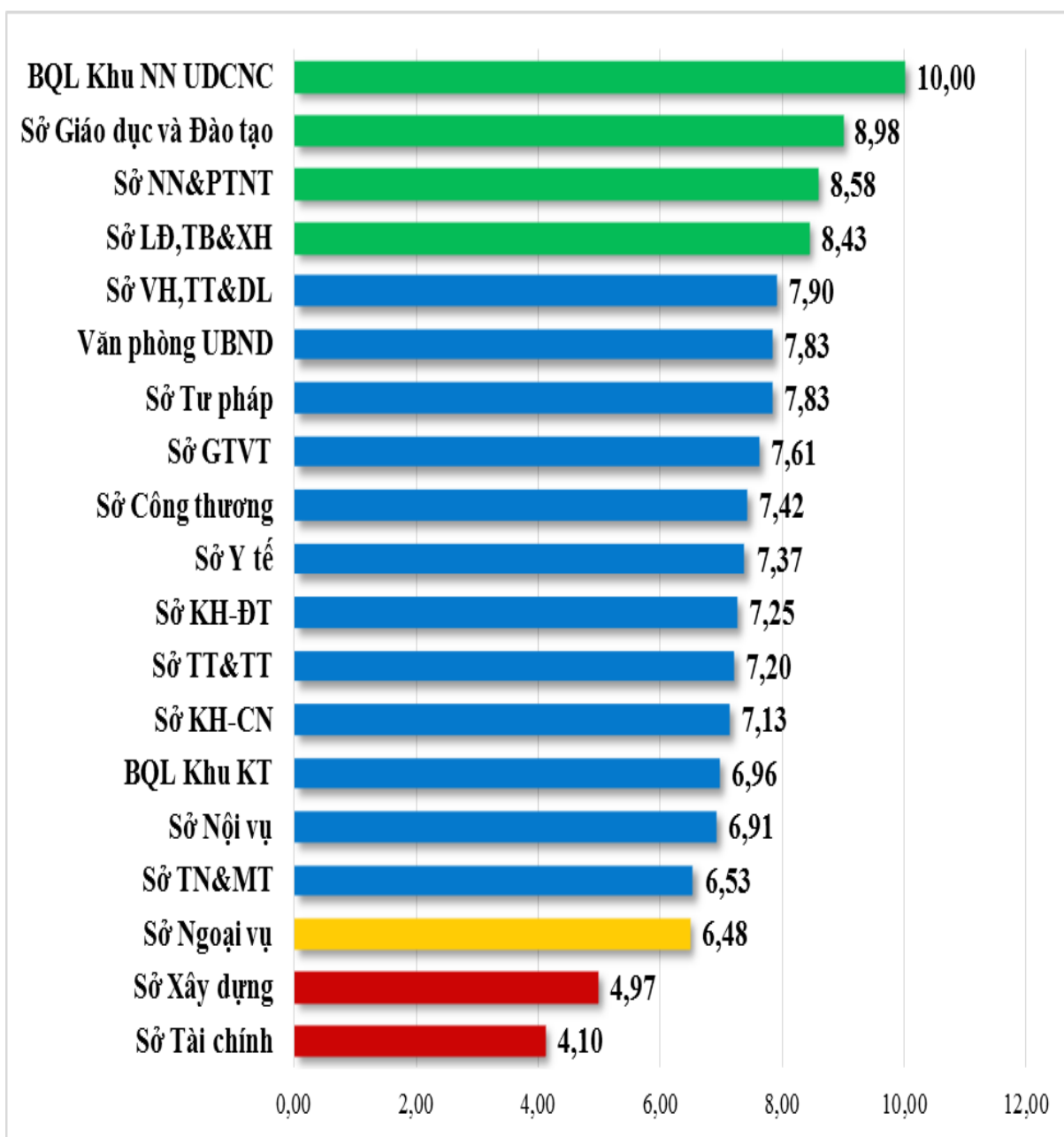
Chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” ghi nhận 2 đơn vị dẫn đầu bao gồm Sở TT&TT và Văn phòng UBND tỉnh với mức điểm tối đa là 10 điểm. Điểm đáng lưu ý là 2 đơn vị dẫn đầu đạt điểm rất cao thì các đơn vị còn lại có điểm số rất thấp. Có thể nói năm 2020, cạnh tranh bình đẳng là một trong những mặt hạn chế của khối Sở, Ban, Ngành tỉnh Phú Yên.



**Hình 16: So sánh chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của Sở, Ban, Ngành năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

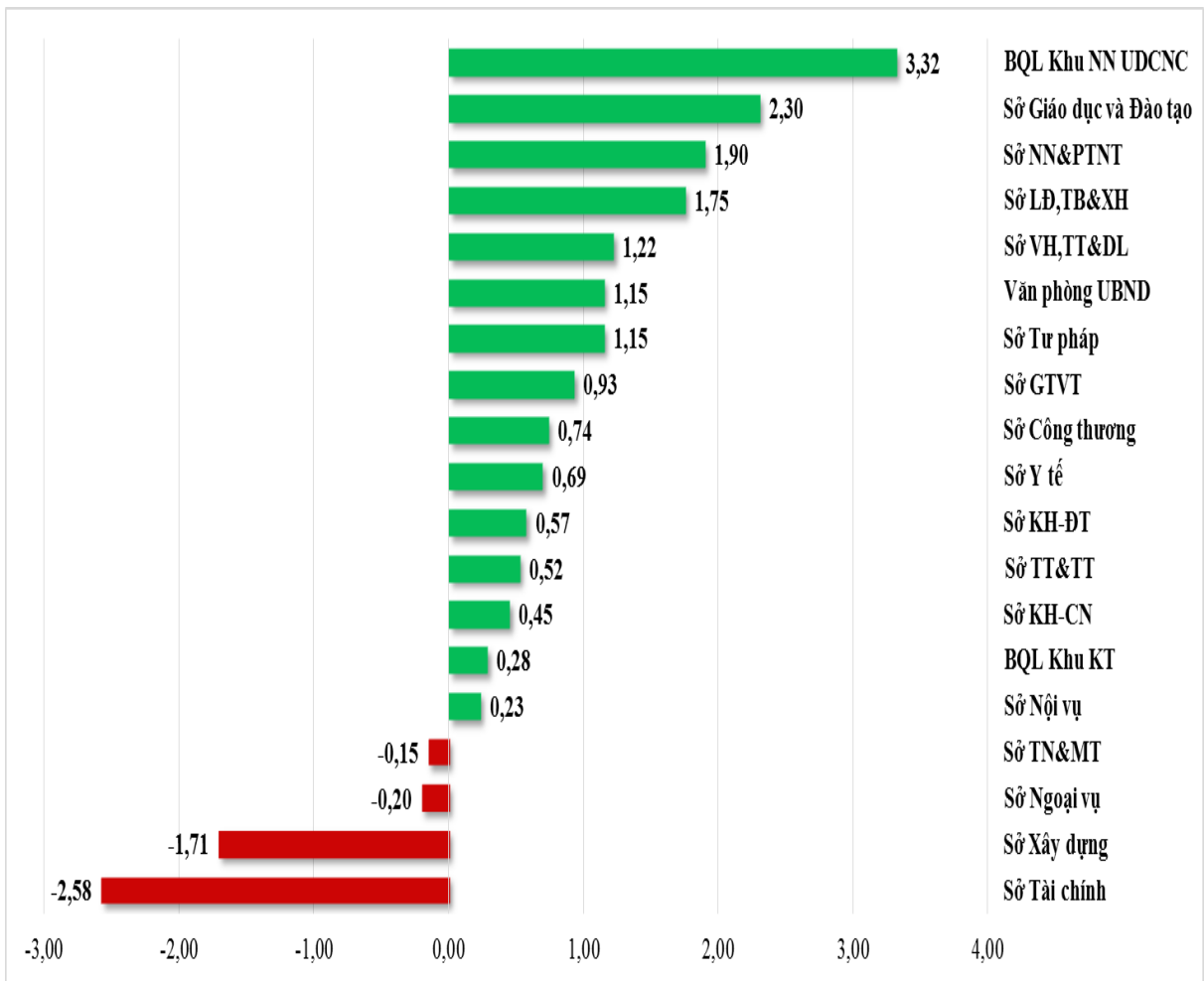
Xét riêng về điểm số của các đơn vị so với trung vị PCI 2019, có tới 17/19 đơn vị có điểm số thấp hơn trung vị PCI 2019 và có mức chênh lệch khá lớn từ trên 2 đến gần 4 điểm. Điều này cho thấy, trong thời gian tới các đơn vị cần tập trung cải thiện chỉ số này để tạo điều kiện cho các DN phát triển.

## 2.7. Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của Sở, Ban, Ngành



**Hình 17: Điểm số và xếp hạng chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp**

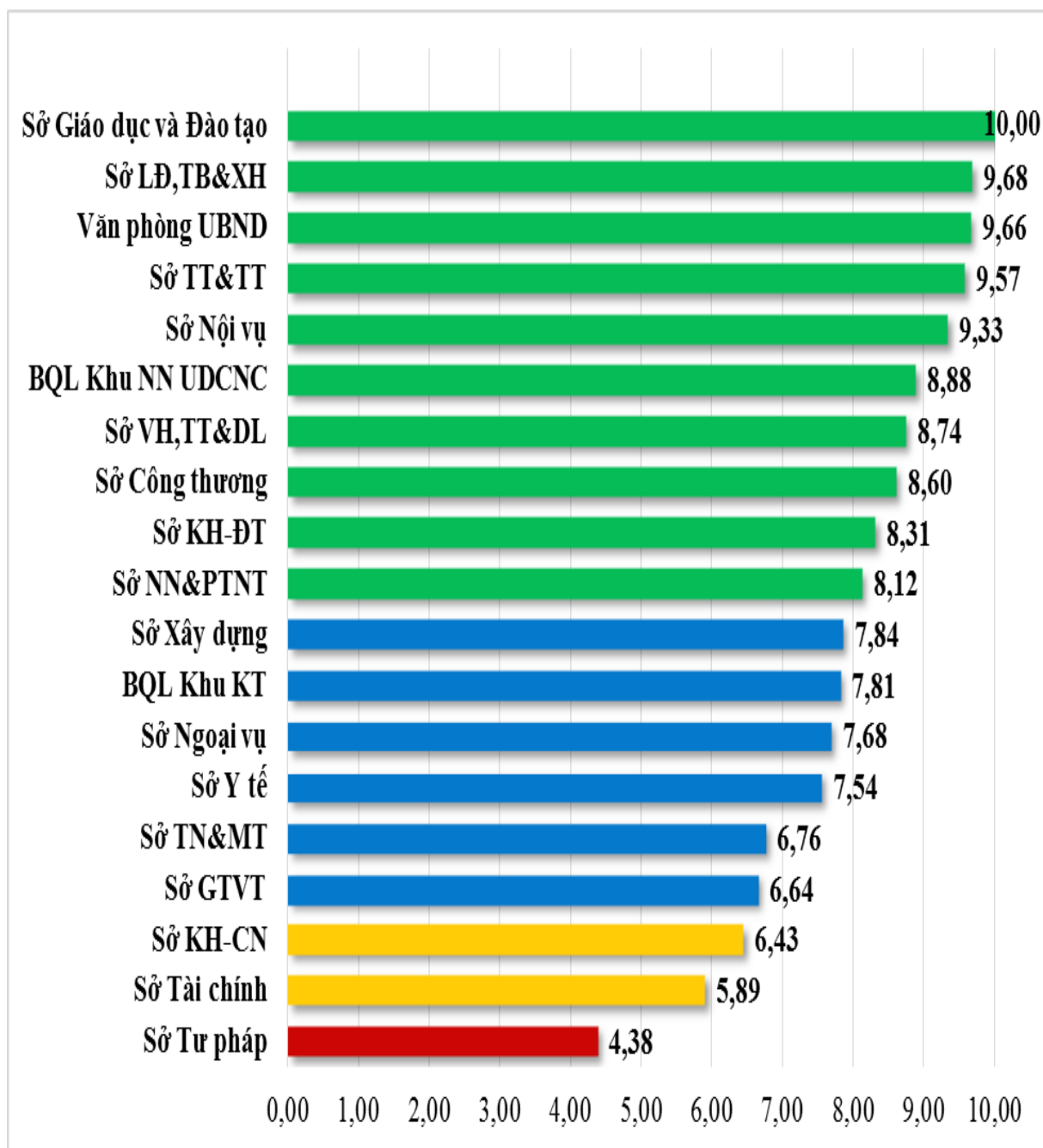
Chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ DN” của khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 ghi nhận hoạt động hỗ trợ DN của các đơn vị: BQL Khu NN UDCNC, Sở GD&ĐT, Sở NN&PTNT và Sở LĐ,TB&XH ở mức tốt đến rất tốt. Nhóm thứ hai bao gồm 12 đơn vị từ Sở VH,TT&DL đến Sở TN&MT ở mức khá, với mức điểm trung bình đạt 7,33 điểm. 2 đơn vị xếp cuối bao gồm Sở Xây dựng và Tài chính với điểm trung bình 4,54 điểm.



**Hình 18: So sánh chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của Sở, Ban, Ngành năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

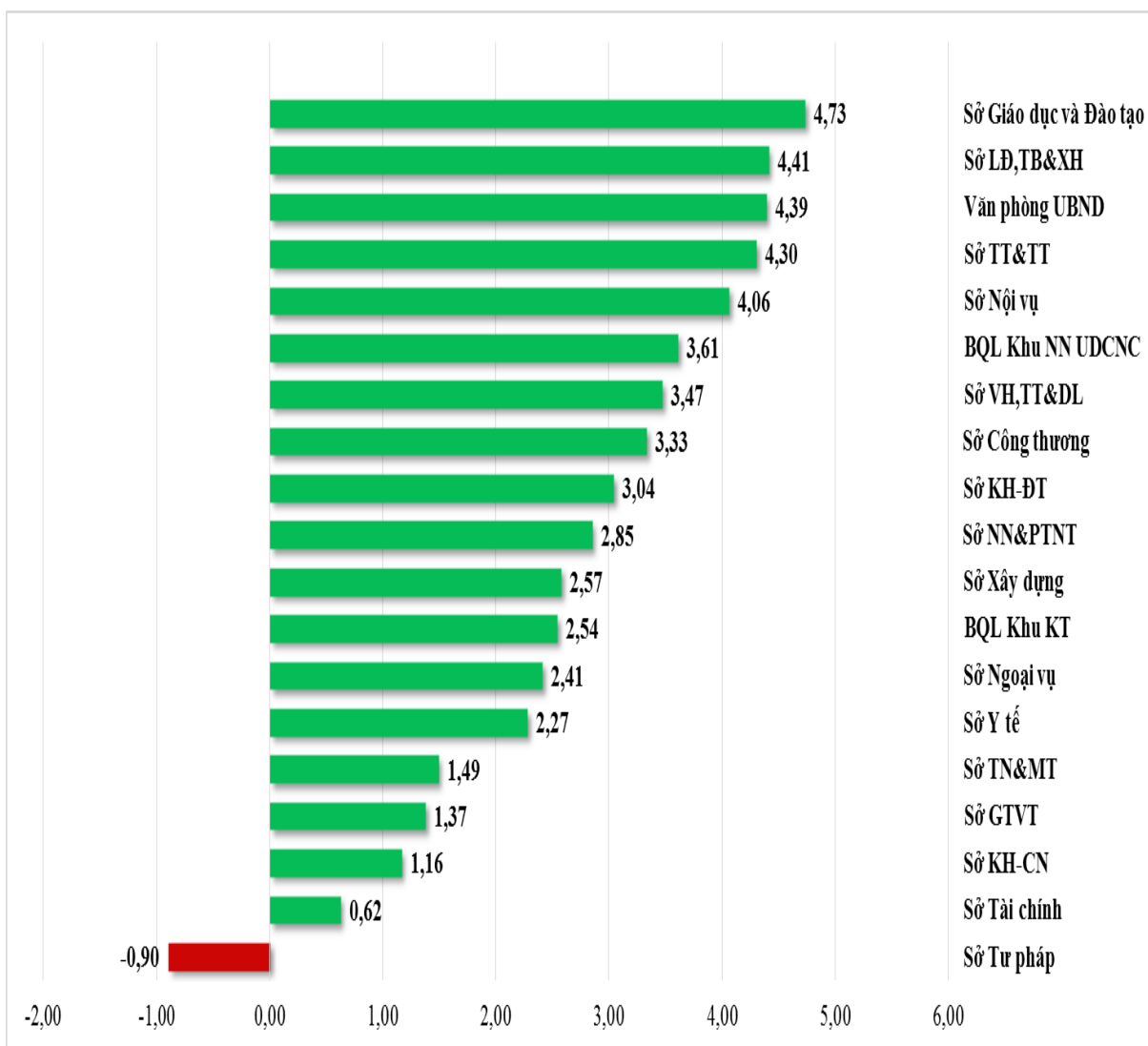
So sánh với trung vị PCI 2019 có 15/19 đơn vị có điểm số cao hơn mức trung vị. Đây là tín hiệu cho thấy hoạt động dịch vụ hỗ trợ DN trong năm qua đã được các đơn vị quan tâm cải thiện so với năm 2019. Tuy nhiên 2 đơn vị là Sở Xây dựng và Sở Tài chính cần quan tâm hơn trong việc cải thiện dịch vụ hỗ trợ cho DN.

## 2.8. Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của Sở, Ban, Ngành



**Hình 19: Điểm số và xếp hạng chỉ số Thiết chế pháp lý**

Chỉ số “Thiết chế pháp lý” của khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 được cộng đồng DN ghi nhận rất tốt, có 10/19 đơn vị đạt từ 8,12 điểm trở lên. 3 đơn vị dẫn đầu bảng xếp hạng thành phần với điểm trung bình đạt 9,78 điểm gồm Sở GD&ĐT, Sở LĐ,TB&XH và Văn phòng UBND tỉnh. Nhóm xếp cuối bao gồm 3 đơn vị Sở KH&CN, Sở Tài chính và Sở Tư pháp với trung bình 5,57 điểm, trong đó Sở Tư pháp có mức điểm dưới trung bình (4,38 điểm).

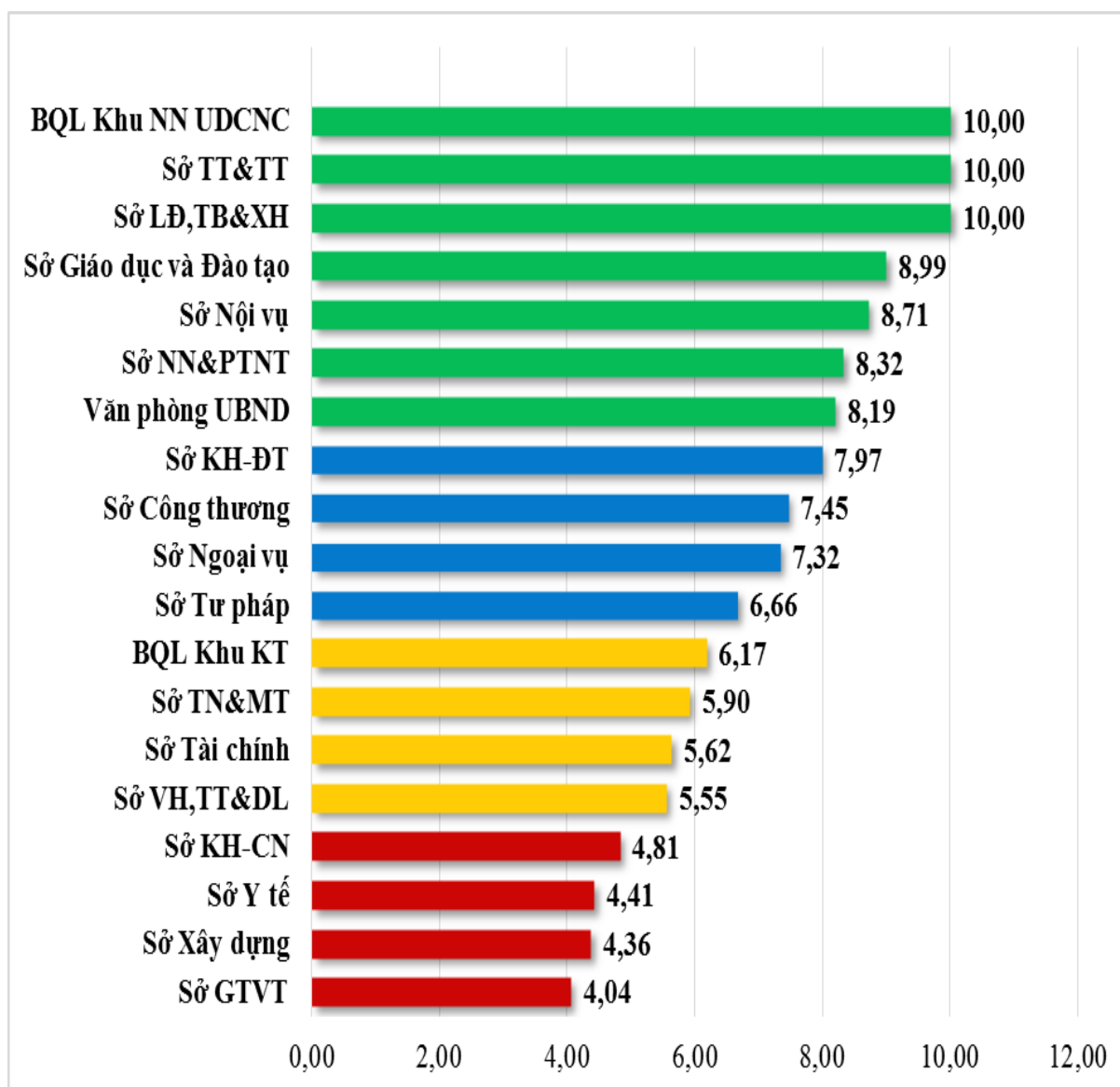


**Hình 20: So sánh chỉ số Thiết chế pháp lý của Sở, Ban, Ngành năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

So sánh với trung vị PCI 2019 có 18/19 đơn vị có điểm số cao hơn mức trung vị, đây là tín hiệu khả quan trong hoạt động của các sở, ban, ngành trong năm 2020.

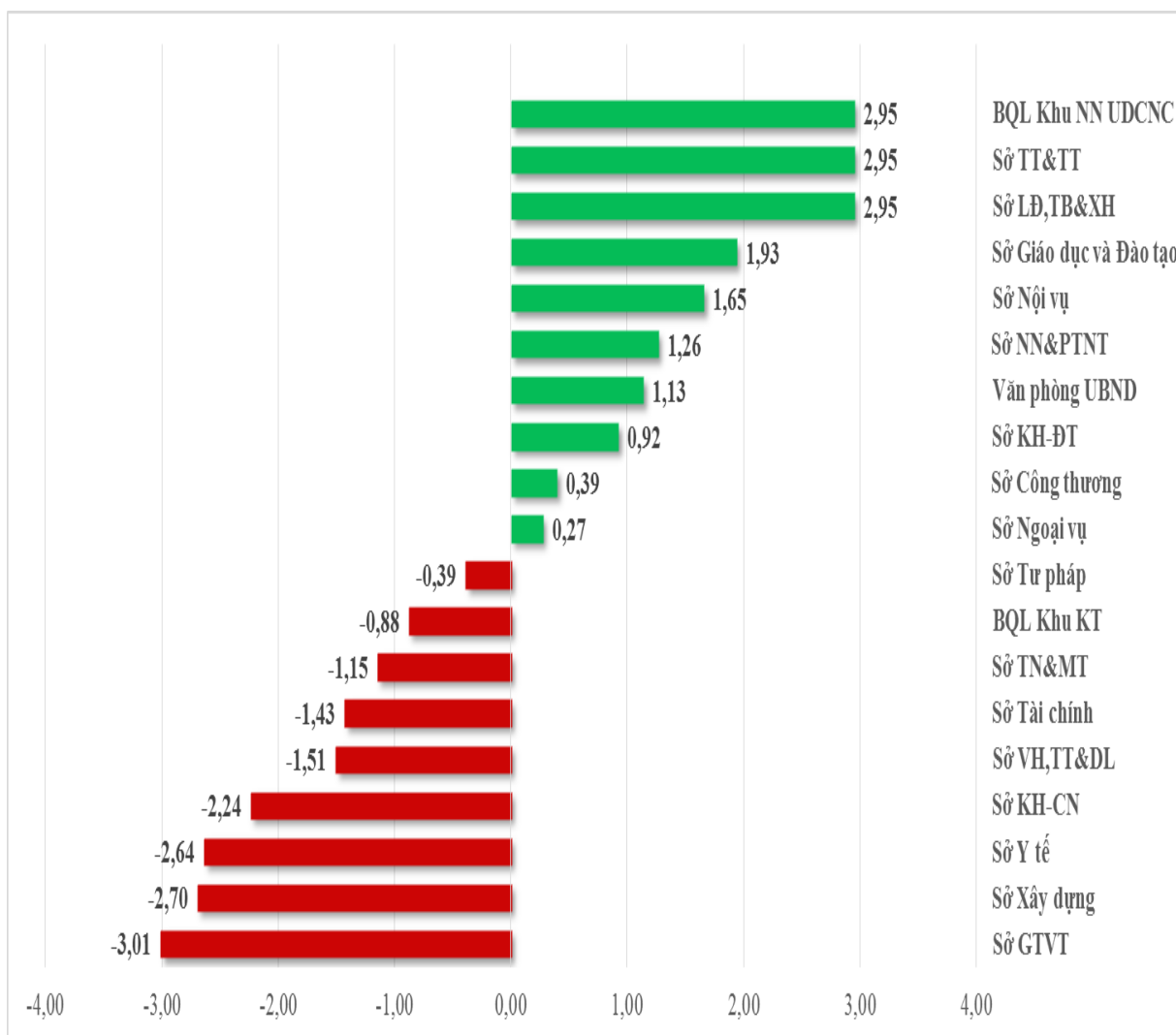


## 2.9. Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu của Sở, Ban, Ngành



**Hình 21: Điểm số và xếp hạng chỉ số Vai trò người đứng đầu của Sở, Ban, Ngành**

Năm 2020, cộng đồng DN ghi nhận vai trò lãnh đạo của 7 đơn vị từ mức tốt trở lên với mức điểm trung bình đạt 9,17 điểm gồm: Văn phòng UBND tỉnh, Sở NN&PTNT, Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT, BQL Khu NN UDCNC, Sở TT&TT và Sở LĐ,TB&XH. Trong đó 3 đơn vị BQL Khu NN UDCNC, Sở TT&TT và Sở LĐ,TB&XH đạt điểm tuyệt đối 10/10. Nhóm thứ 2 gồm 4 đơn vị từ Sở Tư pháp đến Sở KH&ĐT với điểm trung bình đạt 7,35 điểm. Nhóm thứ 3 gồm 4 đơn vị từ Sở VH,TT&DL đến BQL Khu KT với điểm trung bình đạt 5,81 điểm. 4 đơn vị xếp cuối bảng xếp hạng chỉ số thành phần này là Sở KH&CN, Sở Y tế, Sở Xây dựng và Sở GTVT với trung bình chỉ đạt 4,41 điểm. Khoảng cách điểm giữa đơn vị đứng đầu và cuối chênh lệch rất cao, gần 6 điểm. Điều này cho thấy vai trò người đứng đầu khối Sở, Ban, Ngành có biên độ dao động rộng tại Phú Yên.



**Hình 22: So sánh chỉ số Vai trò người đứng đầu của Sở, Ban, Ngành năm 2019 với trung vị DDCI 2019 toàn quốc**

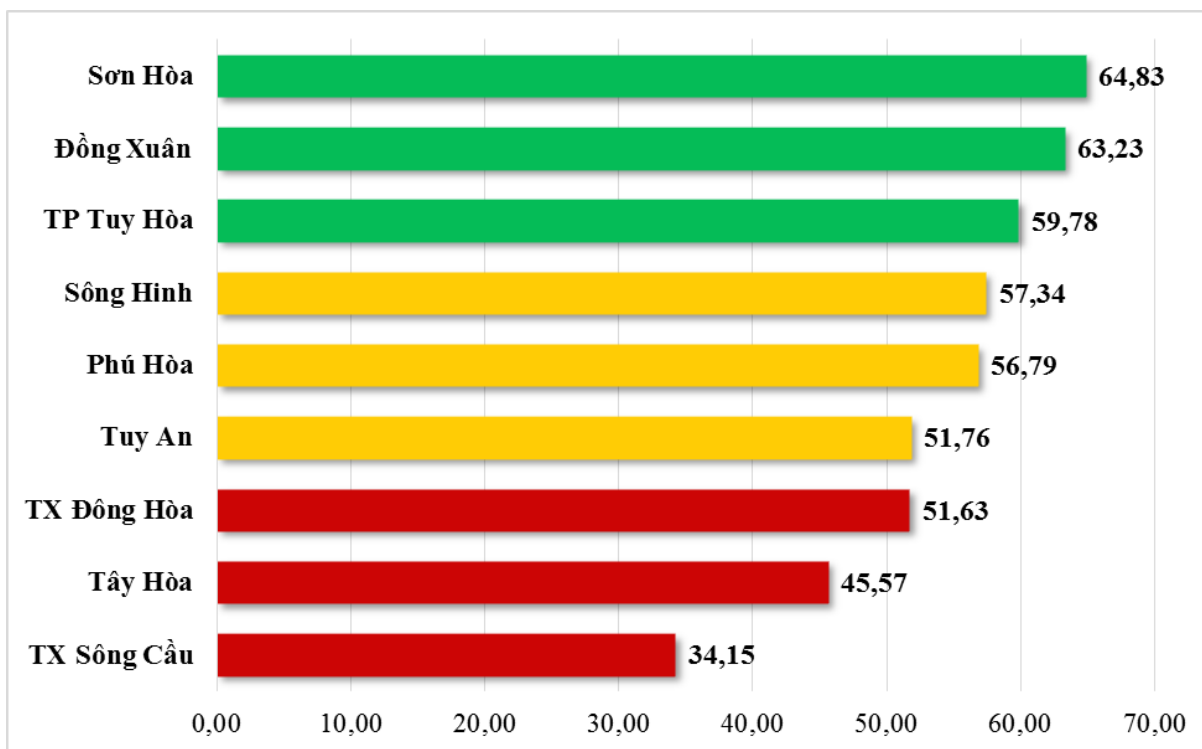
Chia nhóm các vị lãnh đạo 19 Sở, Ban, Ngành làm 2 nhóm với điểm trung vị ta có thể thấy DN yêu cầu lãnh đạo các đơn vị: Sở Tư pháp, BQL Khu KT, Sở TN&MT, Sở Tài chính, Sở VH,TT&DL, Sở KH&CN, Sở Y tế, Sở Xây dựng và Sở GTVT cần có mức cải thiện mạnh mẽ năng lực và trách nhiệm điều hành trong năm 2021.

### Chương 3:

## CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH KHỐI ĐỊA PHƯƠNG TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2020

### 3.1. Xếp hạng DDCI khối Địa phương tỉnh Phú Yên

#### 3.1.1. Tổng điểm và thứ hạng



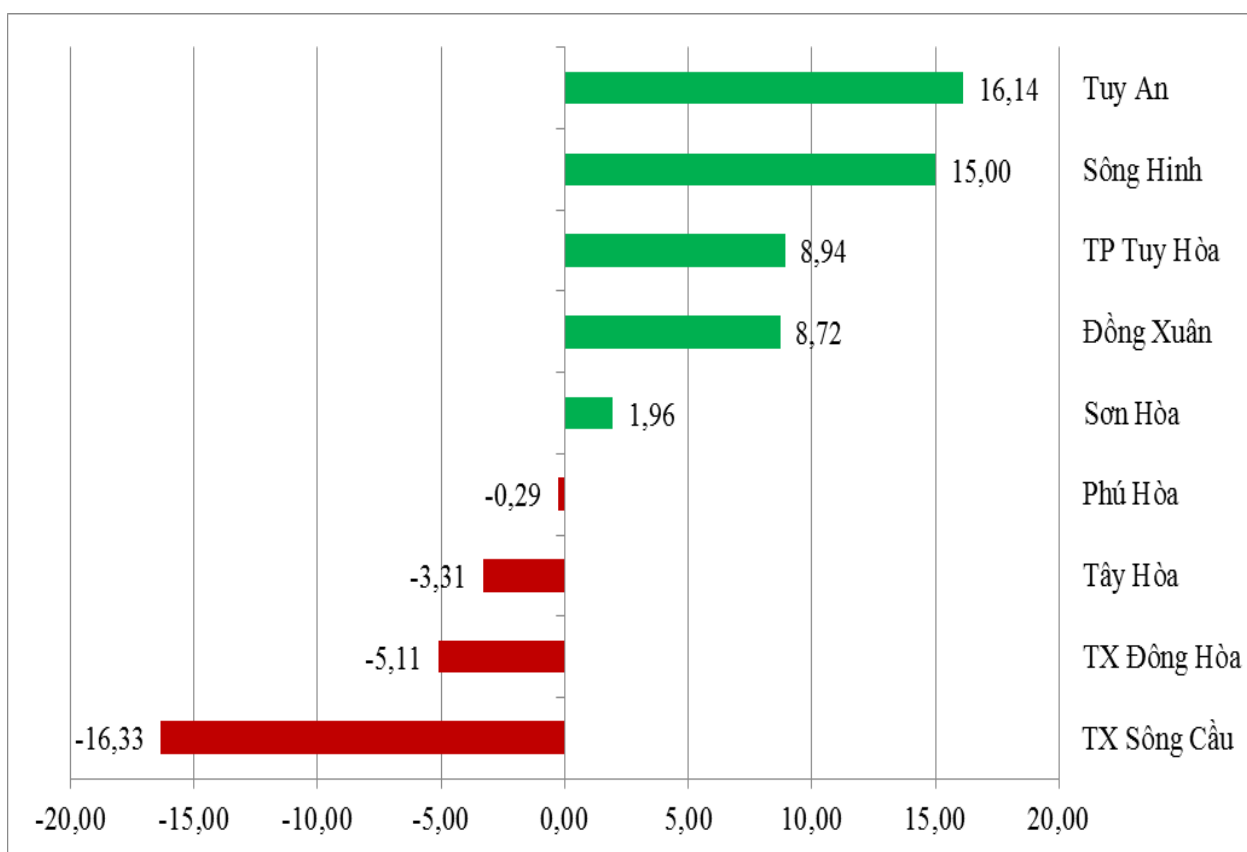
**Hình 23: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI khối Địa phương**

Bảng xếp hạng DDCI Phú Yên 2020 khối Địa phương gồm 09 đơn vị được khảo sát đánh giá, ghi nhận mức độ nỗ lực và hành động, cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của môi trường đầu tư kinh doanh địa phương với điểm trung vị của cả khối là 56,79 điểm. Điểm số này cao hơn trung vị của khối Sở, Ban, Ngành (49,3) nhưng thấp hơn điểm số PCI 2019 của tỉnh (sau khi quy chuẩn hệ 10 chỉ số). Đây là điểm chuyển biến tích cực của khối Địa phương trong quá trình điều hành của cấp địa phương khi đã nhận được sự đánh giá tích cực hơn khối Sở, Ban, Ngành từ cộng đồng DN so với năm 2019.

Khoảng cách điểm giữa đơn vị đứng đầu và đơn vị đứng cuối là 30,68 điểm trong năm 2020 phản ánh chất lượng điều hành kinh tế giữa các địa phương không đồng nhất. Bảng xếp hạng DDCI Phú Yên 2020 khối Địa phương xếp Sơn Hòa thứ 1 với điểm số đạt 64,83 điểm. Đơn vị đứng thứ 2 trong bảng xếp hạng khối Địa phương là huyện Đông Xuân với điểm số 63,23 điểm. Thành phố Tuy Hòa xếp thứ 3 với tổng điểm 59,78 điểm. 3 địa phương xếp nhóm giữa bao gồm Sông Hinh, Phú Hòa và Tuy An, trung bình đạt 55,3 điểm. 3 địa phương xếp cuối là TX Đông Hòa, Tây Hòa và TX Sông Cầu với điểm số rất thấp, trung bình đạt 43,78 điểm.

**Bảng 4: Thứ hạng và điểm số DDCI khối Địa phương năm 2020 với 2019**

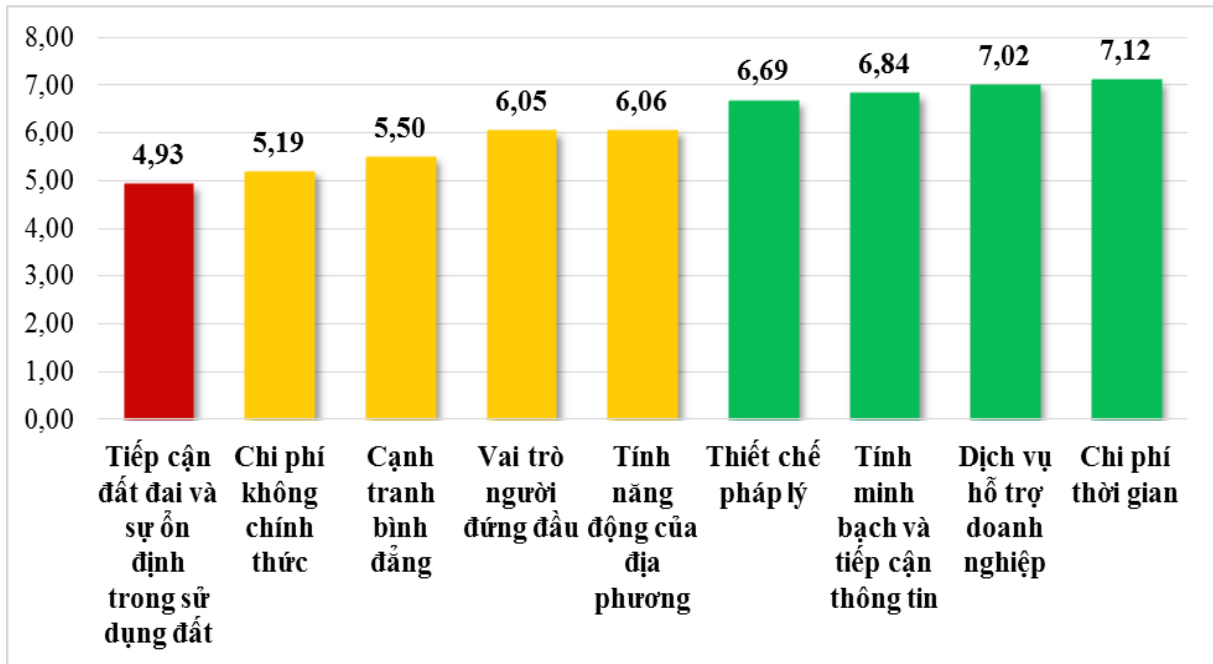
Xếp hạng	Huyện/Thị xã/Thành phố	Điểm số DDCI	
		2020	2019/Thứ hạng
1	Sơn Hòa	64,83	62,87/1
2	Đồng Xuân	63,23	54,51/4
3	Thành phố Tuy Hòa	59,78	50,85/5
4	Sông Hinh	57,34	42,34/8
5	Phú Hòa	56,79	57,08/2
6	Tuy An	51,76	35,62/9
7	Thị xã Đông Hòa	51,63	56,73/3
8	Tây Hòa	45,57	48,89/7
9	Thị xã Sông Cầu	34,15	50,49/6



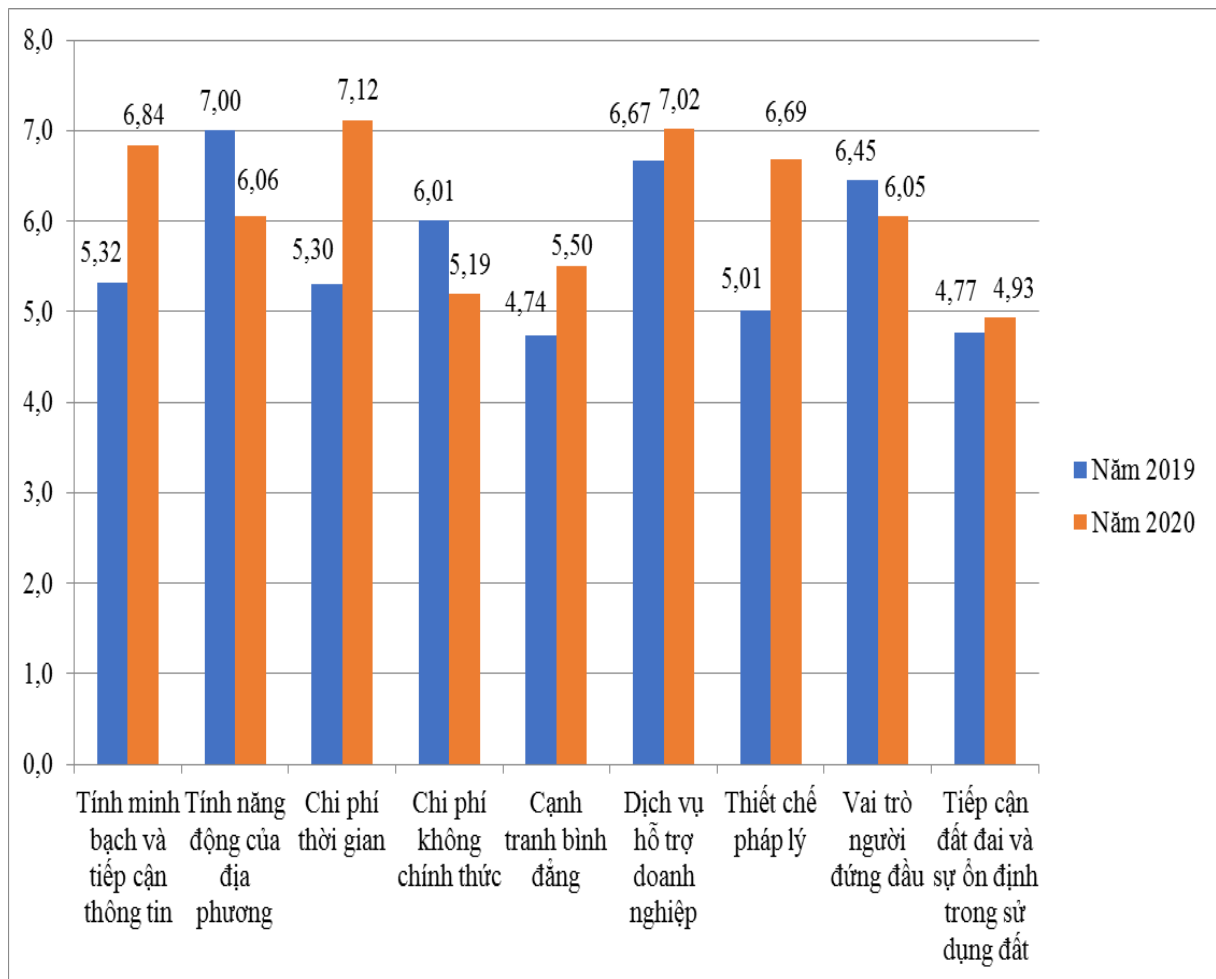
**Hình 24: So sánh điểm số DDCI khối Địa phương tỉnh Phú Yên năm 2020 với năm 2019**

Qua hình trên cho thấy điểm số DDCI năm 2020 của 4/9 địa phương giảm sút so với năm 2019, trong đó TX Sông Cầu là địa phương có điểm sút nhiều nhất. Bên cạnh đó, cũng ghi nhận sự nỗ lực cải thiện chỉ số DDCI của 2 địa phương là huyện Tuy An và Sông Hinh.

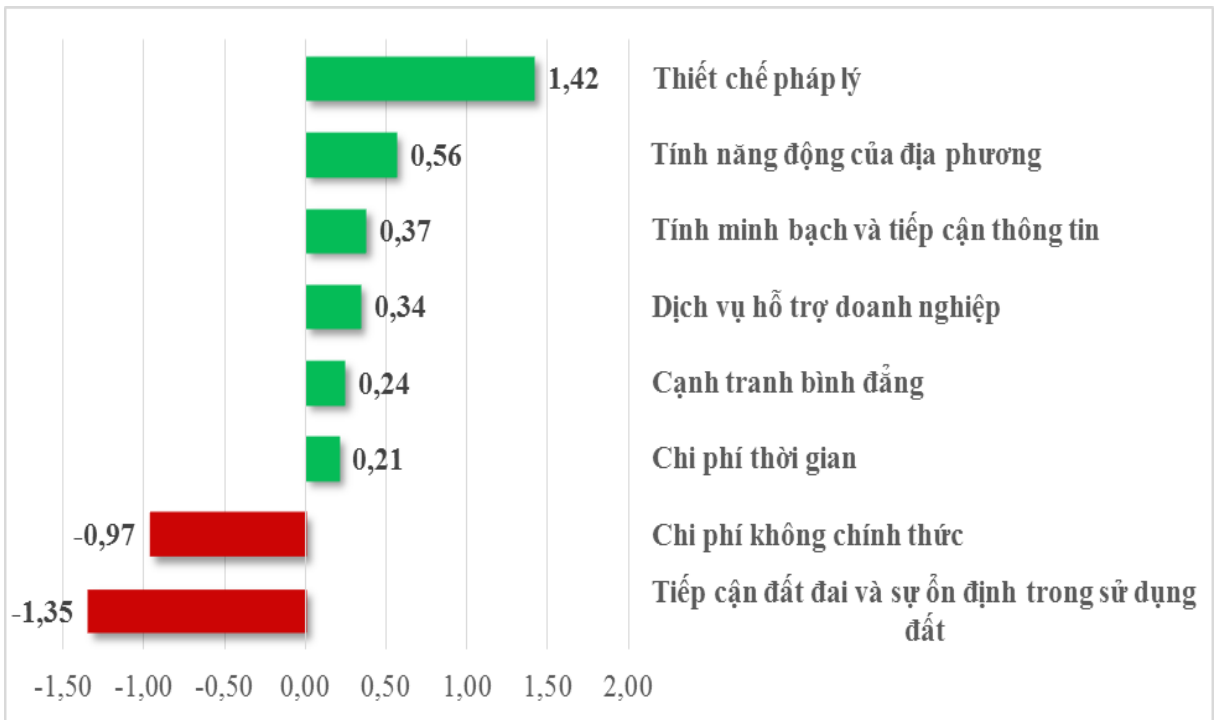
### 3.1.2. Điểm chỉ số thành phần



**Hình 25: Chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương năm 2020**

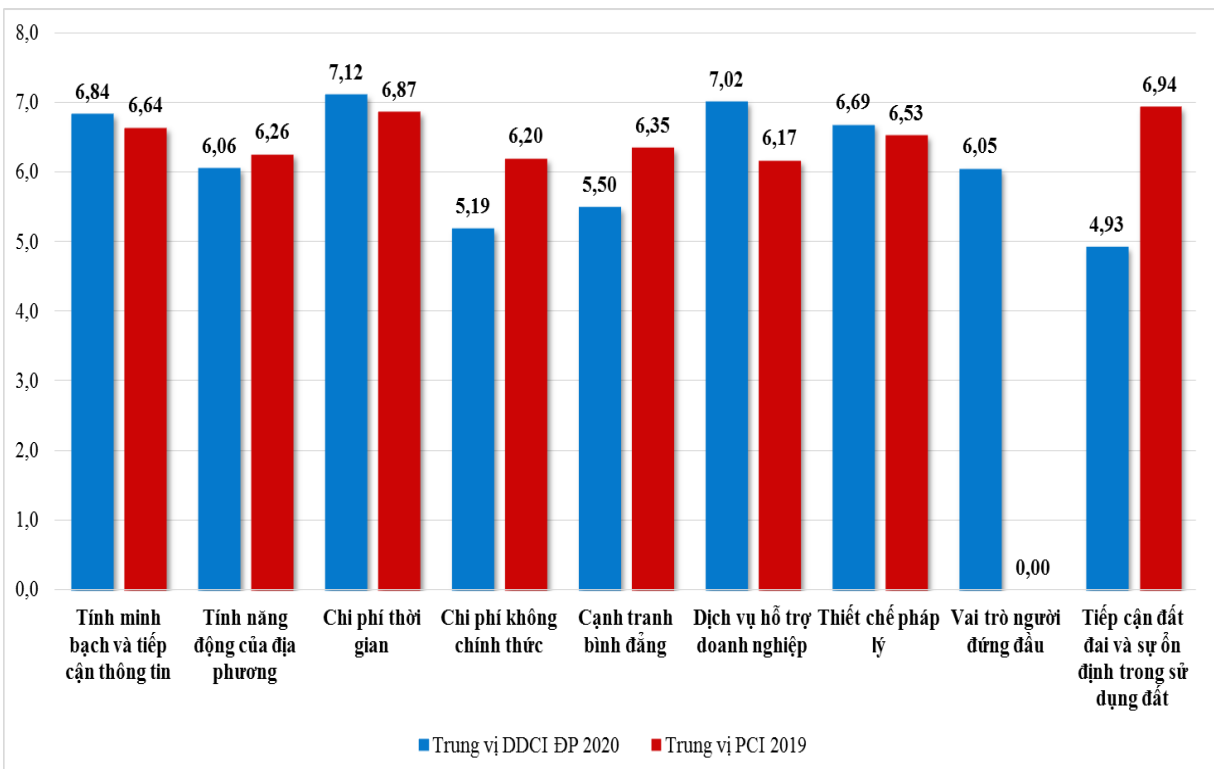


**Hình 26: So sánh điểm chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương tỉnh Phú Yên năm 2020 với năm 2019**

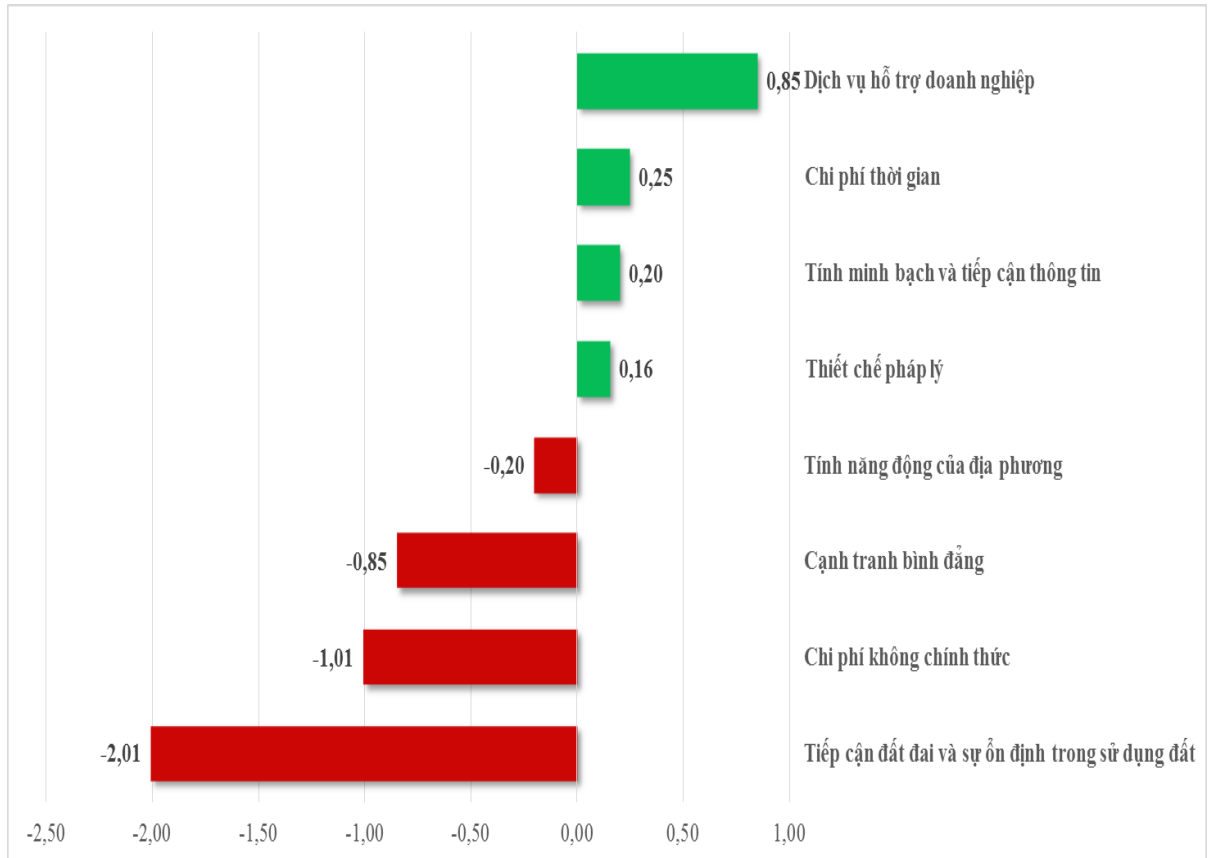


**Hình 27: So sánh 08 chỉ số thành phần của DDCI khối Địa phương năm 2020 với điểm PCI Phú Yên 2019**

6/8 chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương cao hơn điểm PCI Phú Yên năm 2019, cho thấy có sự chuyển biến tích cực trong điều hành kinh tế của cấp địa phương trong năm 2020. Tuy nhiên, thông qua sự chênh lệch điểm số cho thấy mức độ cải thiện là chưa nhiều nên trong thời gian tới địa phương cần nhiều nỗ lực hơn nữa.



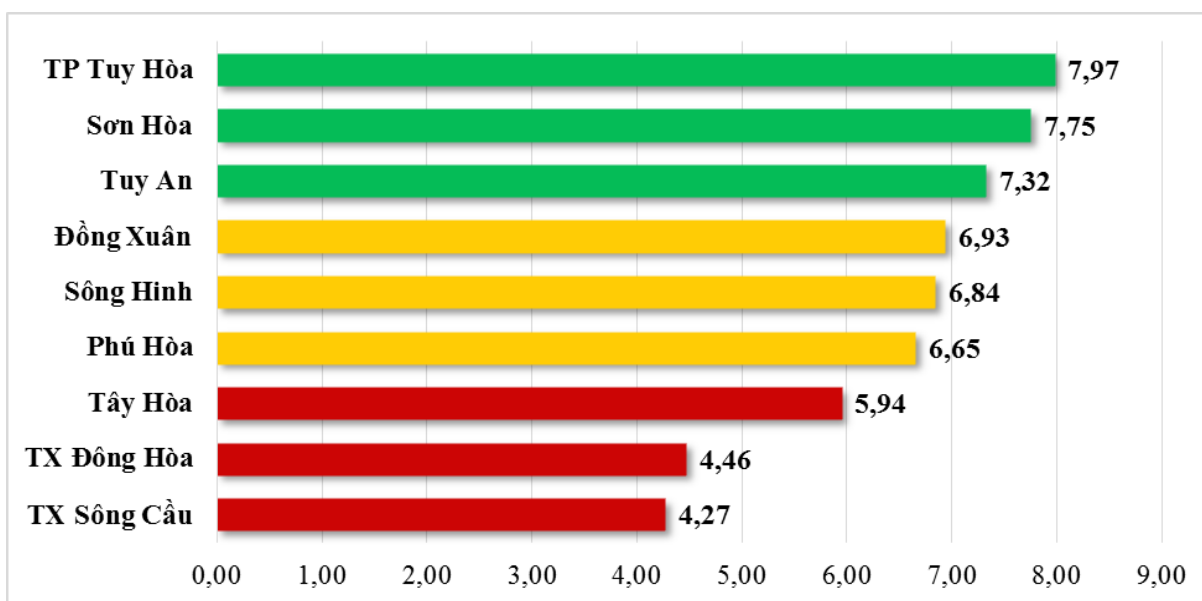
**Hình 28: Điểm trung vị 09 chỉ số thành phần của DDCI Phú Yên 2020 khối Địa phương và điểm trung vị 08 chỉ số thành phần PCI 2019 toàn quốc**



**Hình 29: So sánh 08 chỉ số thành phần của khối Địa phương năm 2020 với điểm trung vị PCI 2019 toàn quốc**

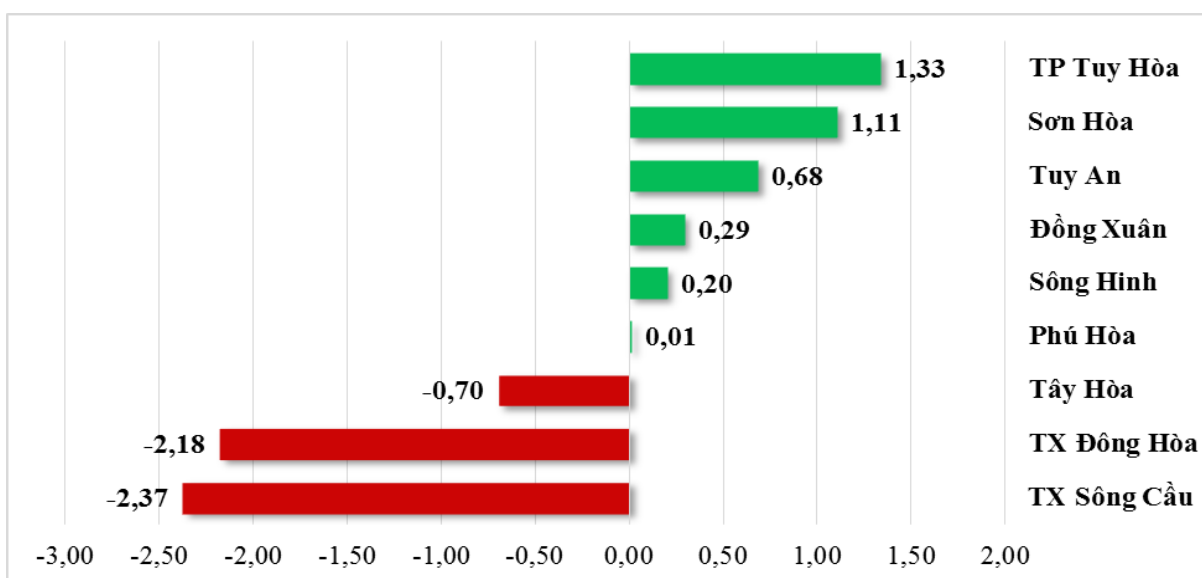
So với trung vị PCI 2019 cả nước, khối địa phương Phú Yên có sự cân bằng về sự chênh lệch các chỉ số thành phần. Tuy nhiên, xét về giá trị tuyệt đối thì điểm số của các chỉ số thành phần vượt thấp hơn các chỉ số thành phần thua sút.

### 3.2. Chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Địa phương



**Hình 30: Điểm số và xếp hạng chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Địa phương**

Năm 2020 điểm số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin minh bạch khối địa phương có sự cải thiện so với năm 2019, điểm trung bình 6,46 điểm. 3 đơn vị dẫn đầu là Tp Tuy Hòa, Sơn Hòa và Tuy An có điểm trung bình đạt 7,68 điểm. Nhóm thứ 2 bao gồm: Đồng Xuân, Sông Hinh và Phú Hòa đạt điểm trung bình 6,81 điểm. Nhóm xếp cuối gồm: Tây Hòa, TX Đông Hòa và TX Sông Cầu chỉ đạt điểm trung bình 4,89 điểm. Trong đó, TX Đông Hòa và TX Sông Cầu cần quan tâm cải thiện chỉ số này trong thời gian tới.

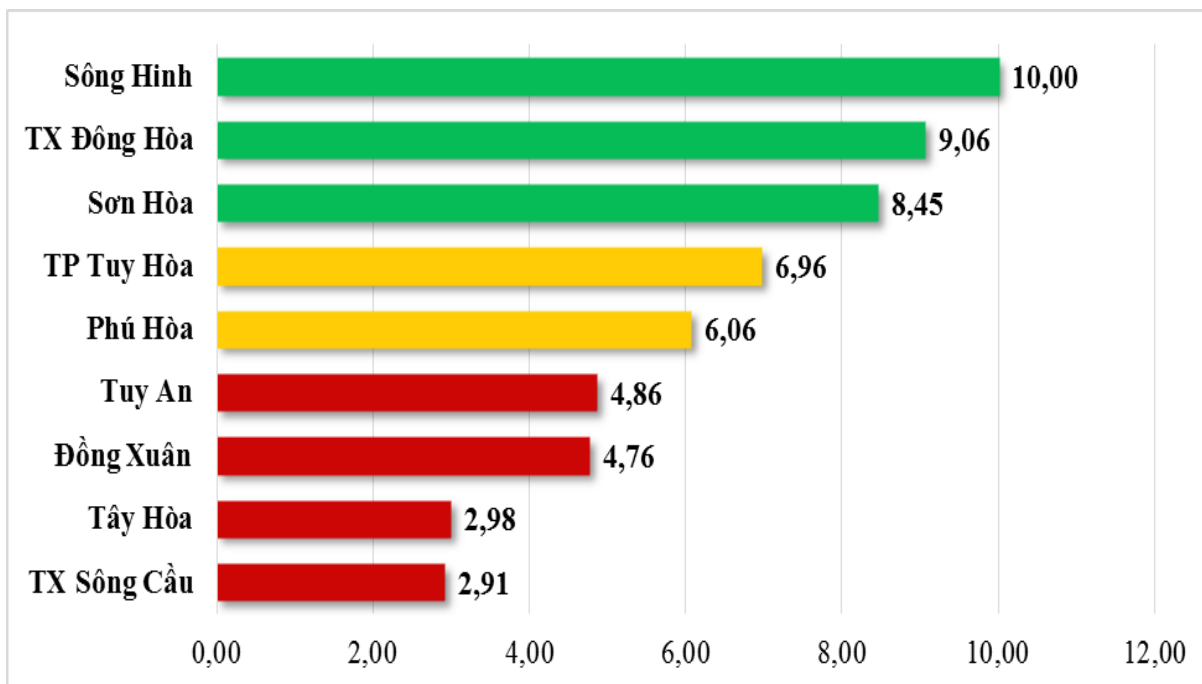


**Hình 31: So sánh điểm chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Địa phương năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

Có 6/9 địa phương có điểm số cao hơn trung vị PCI 2019 toàn quốc gồm: Tp Tuy Hòa, Sơn Hòa, Tuy An, Đồng Xuân, Sông Hinh và Phú Hòa.

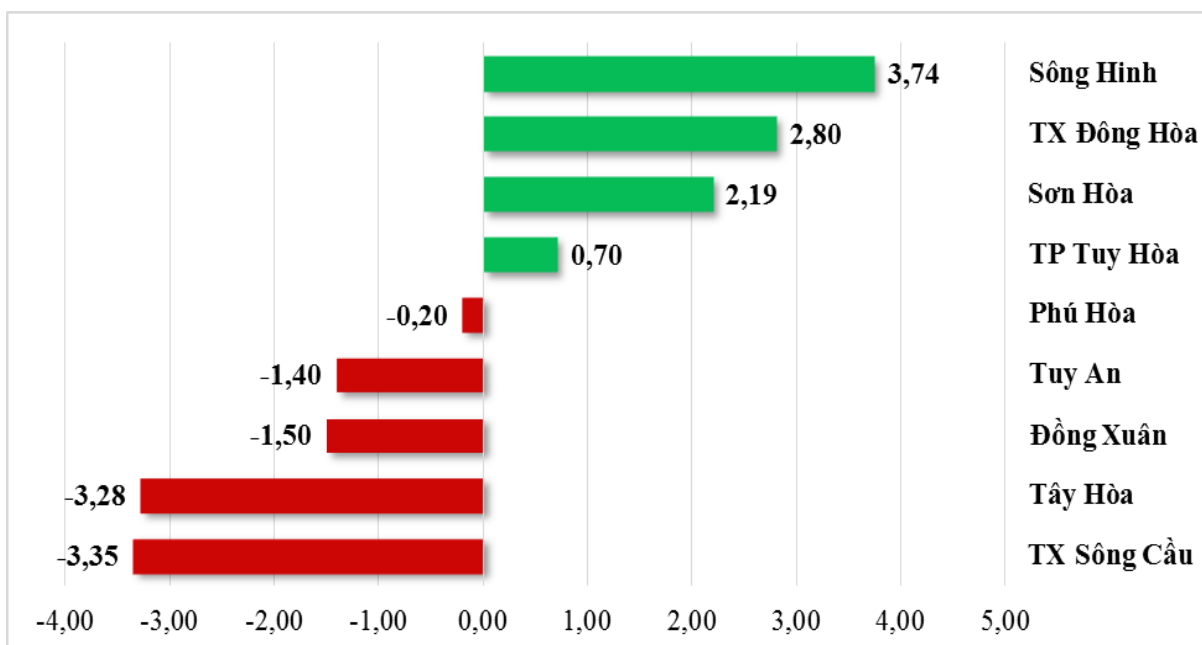


### 3.3. Chỉ số thành phần Tính năng động của khối Địa phương



**Hình 32: Điểm số và xếp hạng tính năng động khối Địa phương**

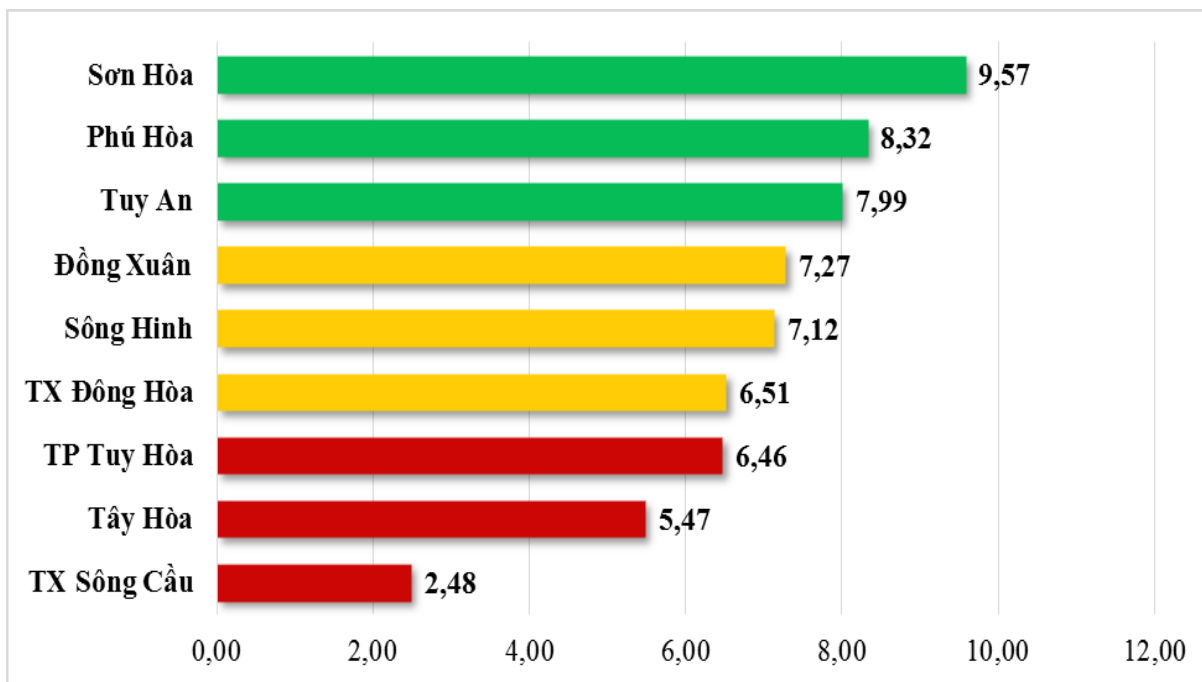
Về chỉ số thành phần Tính năng động, huyện Sông Hình xếp thứ 1 với 10 điểm, TX Đông Hòa thứ 2 với 9,06 điểm. Hai địa phương xếp cuối là huyện Tây Hòa với 2,98 điểm và TX Sông Cầu 2,91 điểm. Như vậy có sự chênh lệch khá lớn giữa các địa phương ở các nhóm, đặc biệt là giữa địa phương xếp đầu với địa phương xếp cuối.



**Hình 33: So sánh chỉ số tính năng động của Địa phương với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

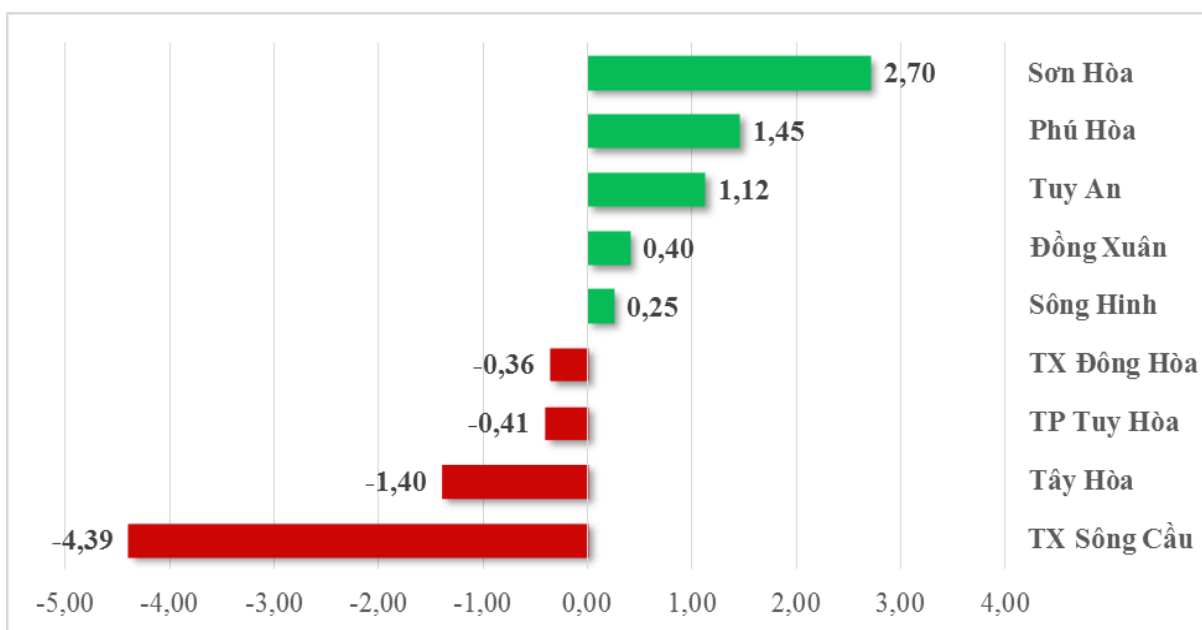
So sánh với trung vị PCI 2019 toàn quốc, có 4/9 địa phương được đánh giá cao hơn nhưng có tới 5/9 địa phương bị đánh giá thấp hơn.

### 3.4. Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của khối Địa phương



**Hình 34: Điểm số và xếp hạng chỉ số chi phí thời gian khối Địa phương**

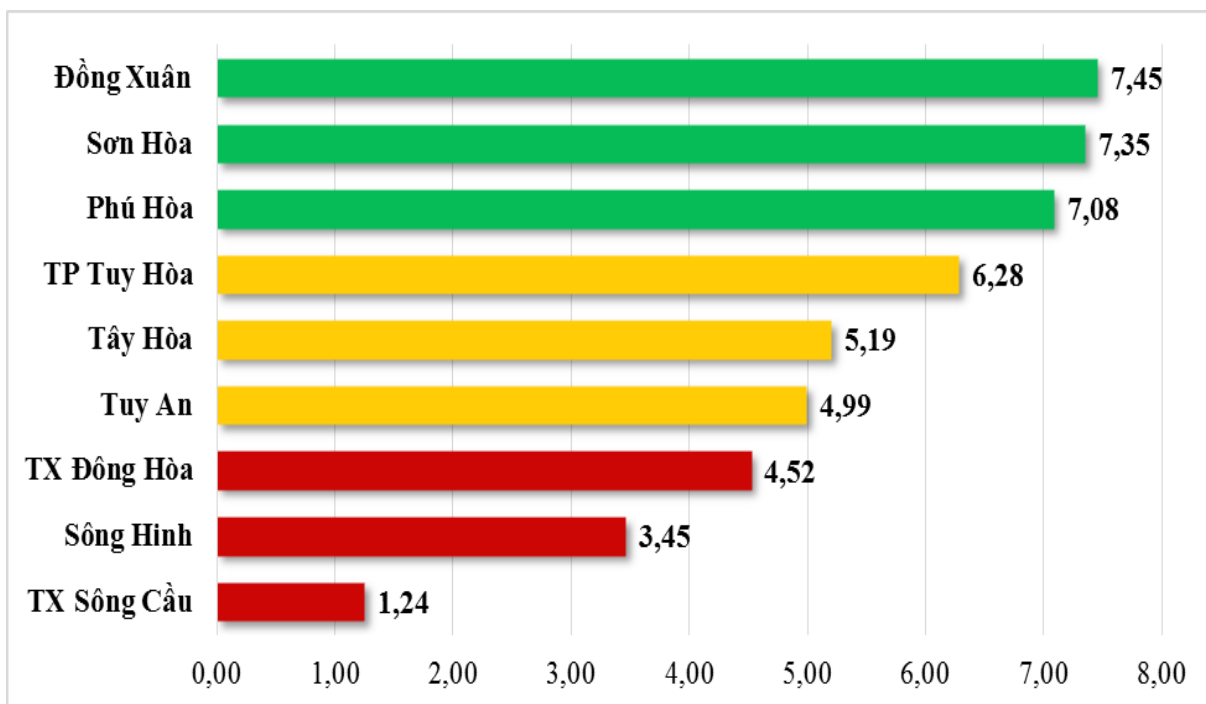
Về chỉ số thành phần Chi phí thời gian, điểm trung bình của chỉ số này đạt 6,8 điểm. Trong đó, huyện Sơn Hòa xếp thứ 1 với 9,57 điểm, huyện Phú Hòa xếp thứ 2 với 8,32 điểm; 2 địa phương xếp cuối là huyện Tây Hòa với 5,47 điểm và thị xã Sông Cầu với 2,48 điểm.



**Hình 356: So sánh chỉ số chi phí thời gian khối Địa phương với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

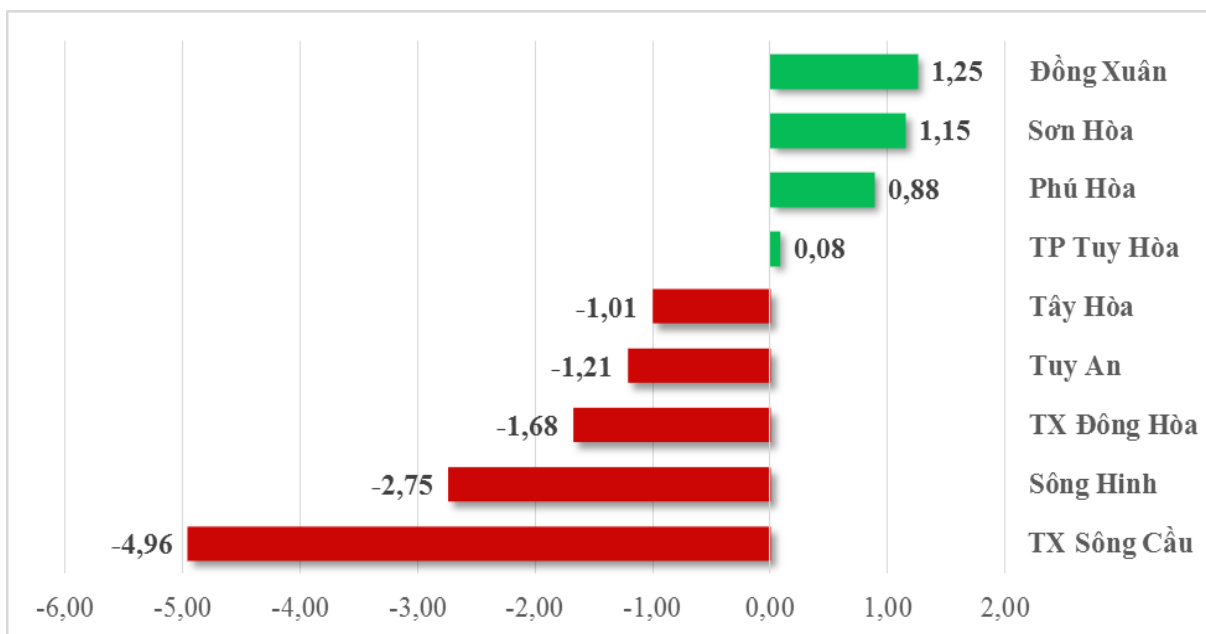
Về chỉ số thành phần Chi phí thời gian có 5/9 địa phương cao hơn trung vị PCI 2019 toàn quốc, 4/9 địa phương còn lại đều thua sút. Trong đó đặc biệt là thị xã Sông Cầu có sự thua sút khá lớn 4,39 điểm.

### 3.5. Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của Địa phương



**Hình 367: Điểm và xếp hạng chỉ số Chi phí không chính thức khối Địa phương**

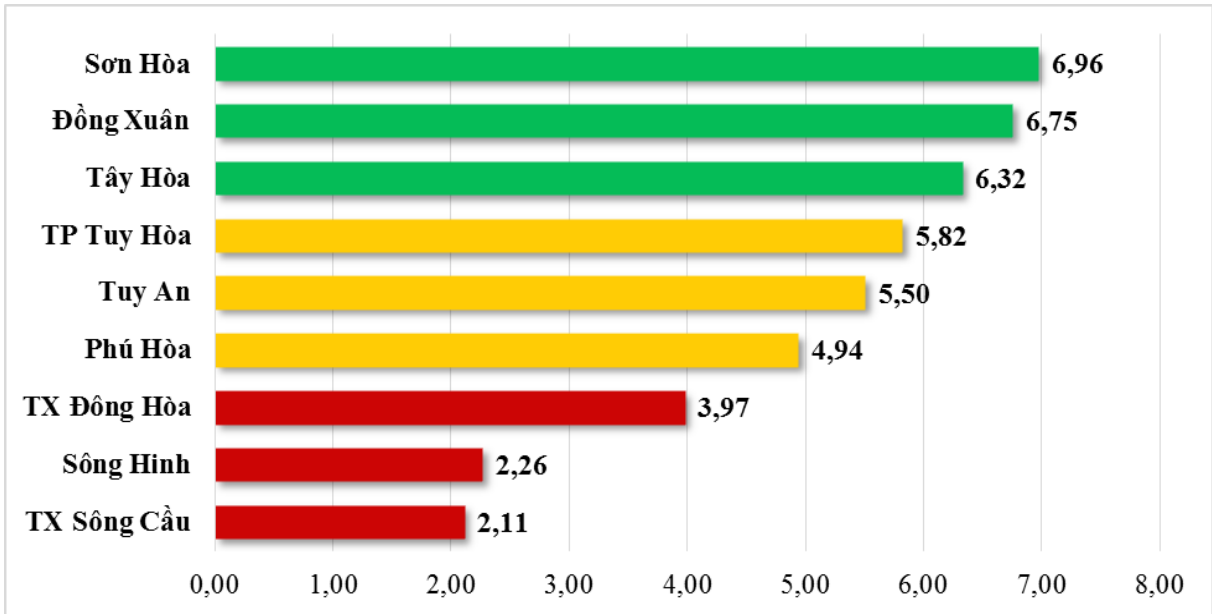
Huyện Đồng Xuân, Sơn Hòa và Phú Hòa là 3 địa phương được cộng đồng DN đánh giá cao nhất trong công tác kiểm soát chi phí không chính thức, đạt điểm trung bình là 7,29 điểm. Xếp 2 vị trí cuối bảng là huyện Sông Hinh với 3,45 điểm và TX Sông Cầu với 1,24 điểm.



**Hình 378: So sánh chỉ số chi phí không chính thức khối Địa phương năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

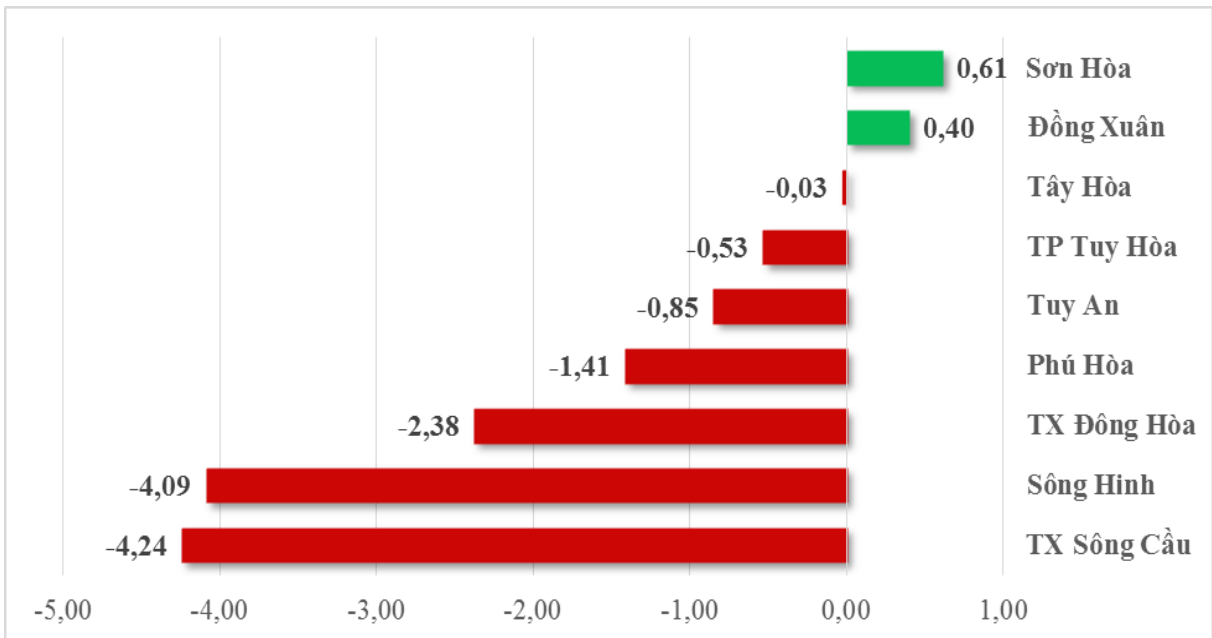
Về chỉ số thành phần Chi phí không chính thức có 5/9 đơn vị có điểm thấp hơn trung vị PCI 2019 cả nước. Đây là điểm đáng lưu ý trong quá trình chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh trong thời gian tới.

### 3.6. Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của khối Địa phương



**Hình 389: Điểm và xếp hạng chỉ số Cạnh tranh bình đẳng khối Địa phương**

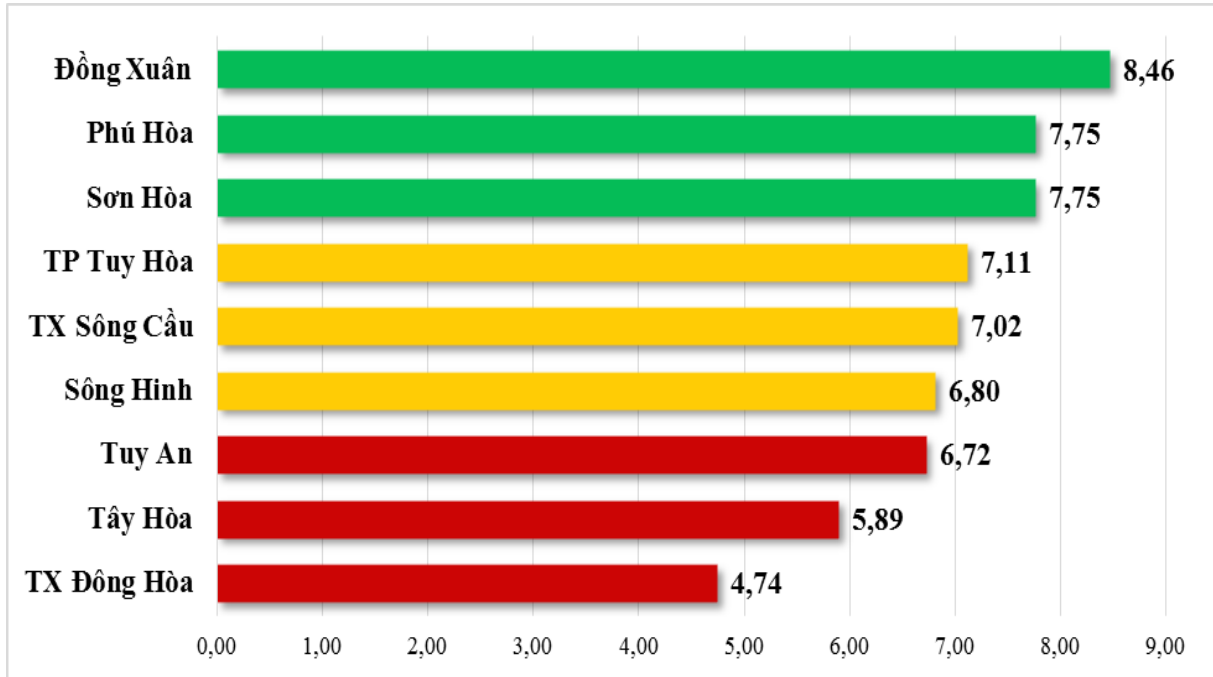
Huyện Sơn Hòa xếp đầu về chỉ số Cạnh tranh bình đẳng với mức điểm trung bình đạt 6,96 điểm. Huyện Đồng Xuân xếp vị trí thứ 2 với 6,75 điểm. 3 địa phương xếp cuối bảng là TX Đông Hòa, Sông Hinh và TX Sông Cầu, điểm trung bình là 2,78 điểm. Chỉ số này là điểm yếu trong tổng thể chỉ số năng lực cạnh tranh của địa phương.



**Hình 40: So sánh chỉ số Cạnh tranh bình đẳng khối Địa phương với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

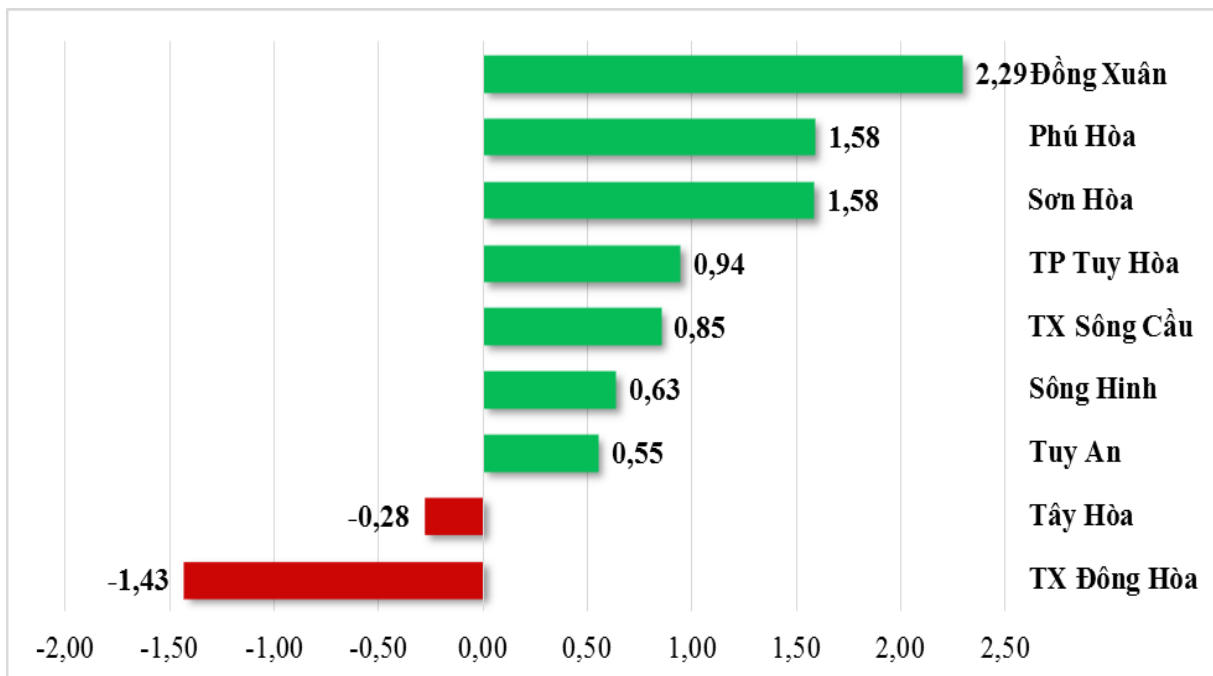
Có 7/9 đơn vị có điểm thấp hơn so với trung vị PCI 2019 cả nước. Trong đó huyện Sông Hinh và TX Sông Cầu có điểm số thấp hơn trên 4 điểm.

### 3.7. Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của khối Địa phương



**Hình 41: Điểm và xếp hạng chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khối Địa phương**

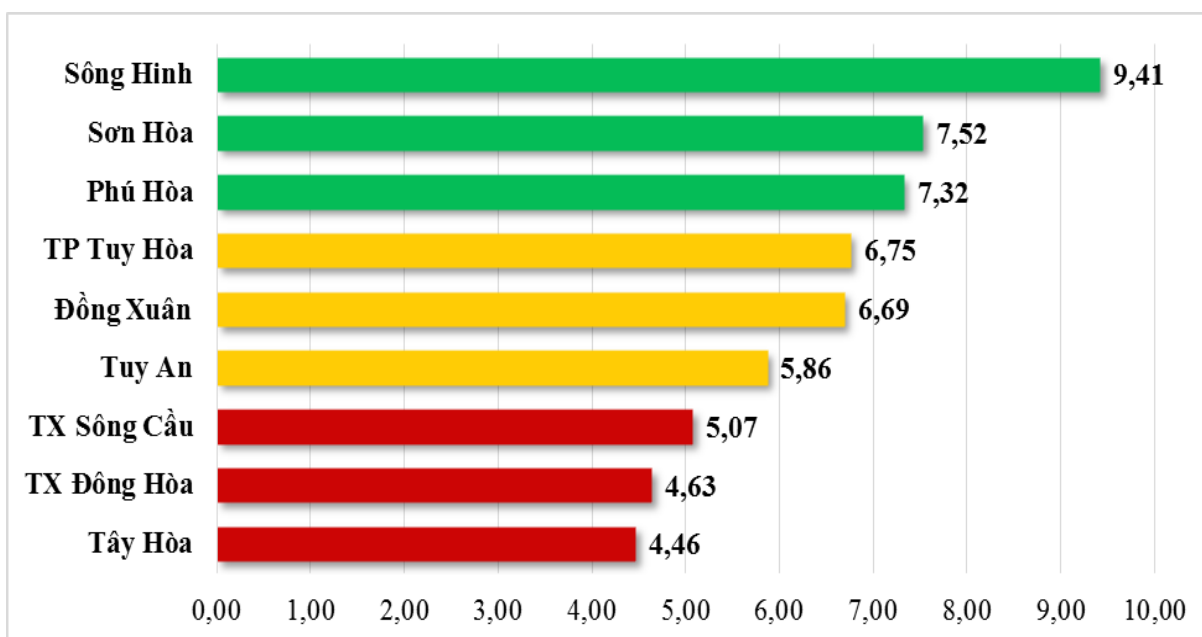
Huyện Đồng Xuân xếp đầu chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp với mức điểm trung bình đạt 8,46 điểm. Huyện Phú Hòa và Sơn Hòa cùng xếp vị trí thứ 2 với 7,75 điểm. 3 địa phương xếp cuối bảng là Tuy An, Tây Hòa và TX Đông Hòa có điểm trung bình là 5,78 điểm.



**Hình 392: So sánh chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khối Địa phương với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

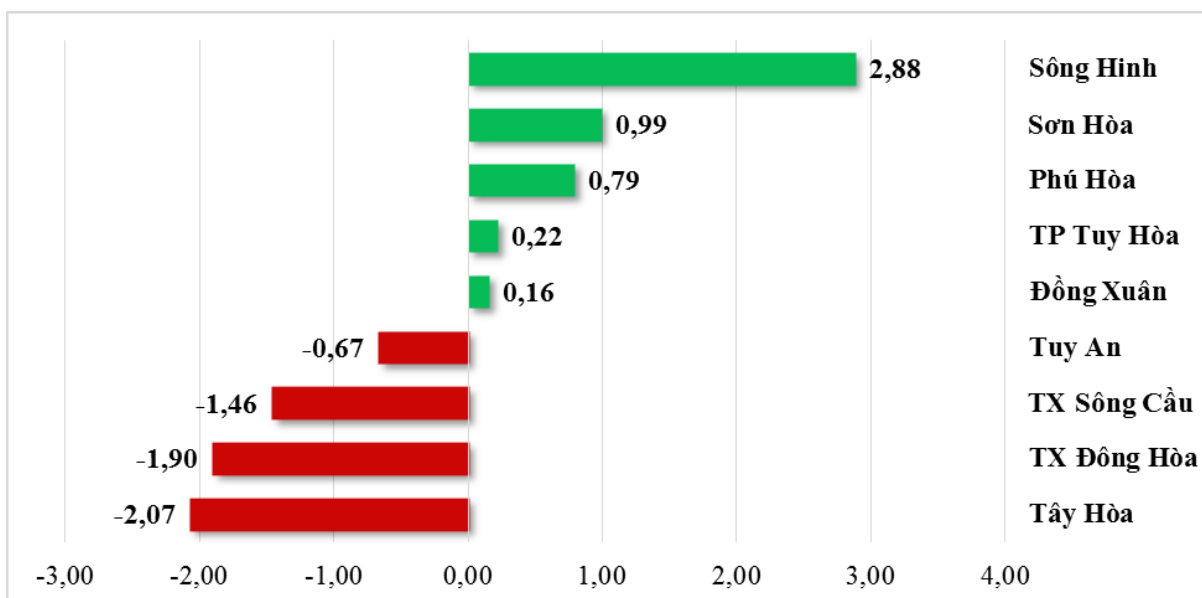
Có 7/9 địa phương có điểm cao hơn so với trung vị PCI 2019 cả nước và 2 địa phương có điểm số thấp hơn gồm huyện Tây Hòa và TX Đông Hòa.

### 3.8. Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của Địa phương



**Hình 403: Điểm và xếp hạng chỉ số Thiết chế pháp lý khối Địa phương**

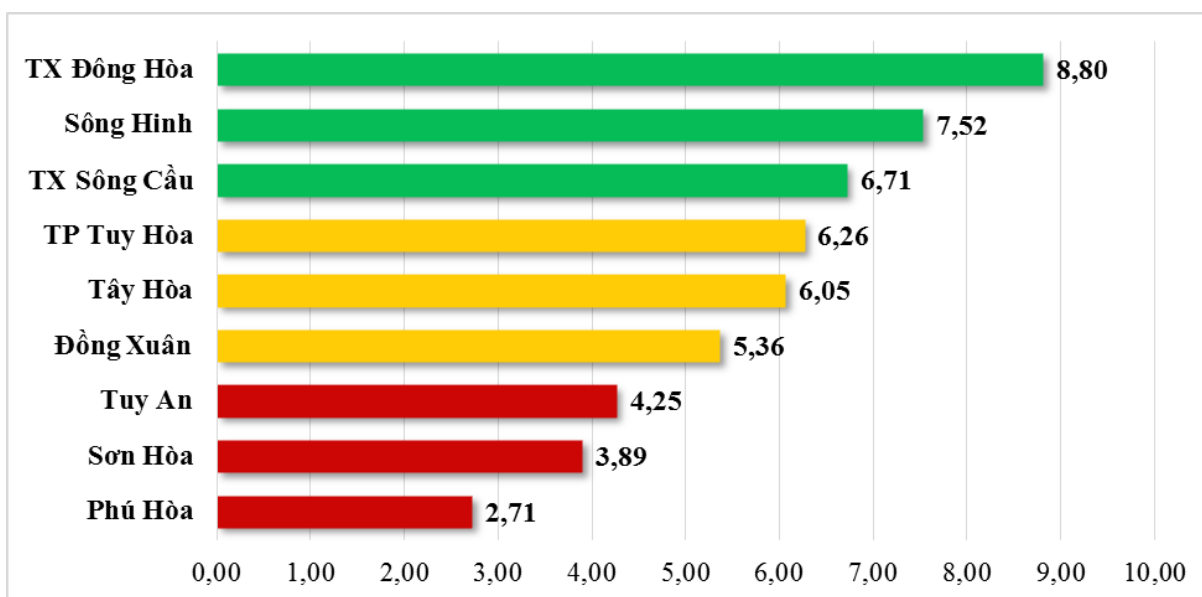
Huyện Sông Hinh xếp đầu chỉ số Thiết chế pháp lý với mức điểm trung bình đạt 9,41 điểm. Huyện Sơn Hòa xếp vị trí thứ 2 với 7,52 điểm. 3 địa phương xếp cuối bảng là TX Sông Cầu, TX Đông Hòa và huyện Tây Hòa có điểm trung bình là 4,72 điểm. Có sự chênh lệch điểm số rất lớn giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng, điểm chênh lệch là 4,95 điểm.



**Hình 414: So sánh chỉ số Thiết chế pháp lý khối Địa phương 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

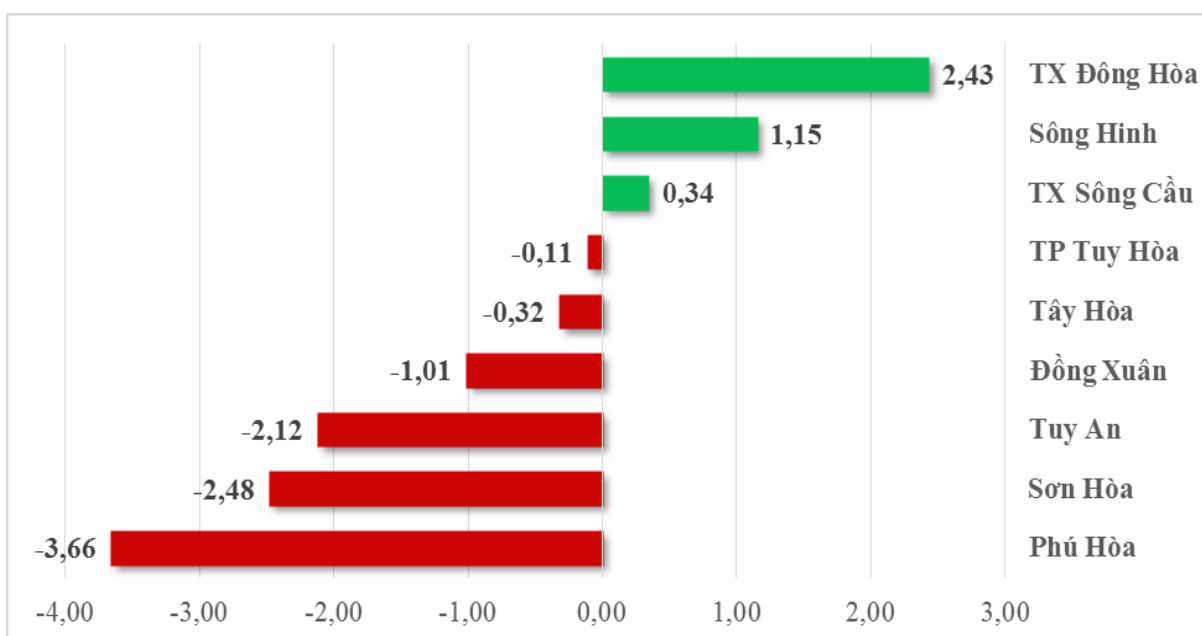
Có 4/9 đơn vị có điểm thấp hơn so với trung vị PCI 2019 cả nước. Trung bình điểm số của chỉ số Thiết chế pháp lý của các địa phương là 6,41 điểm thấp hơn 0,12 điểm so với trung vị PCI 2019 cả nước.

### 3.9. Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu của khối Địa phương



**Hình 425: Điểm và xếp hạng chỉ số Vai trò người đứng đầu khối Địa phương**

Chỉ số thành phần Vai trò người đứng đầu các địa phương TX Đông Hòa, huyện Sông Hinh và TX Sông Cầu được cộng đồng DN đánh giá tích cực nhất với các mức điểm tương ứng 8,8; 7,52 và 6,71. 3 đơn vị xếp cuối bảng là huyện Tuy An, Sơn Hòa và Phú Hòa xếp cuối với mức điểm tương ứng 4,25; 3,89 và 2,71 điểm.

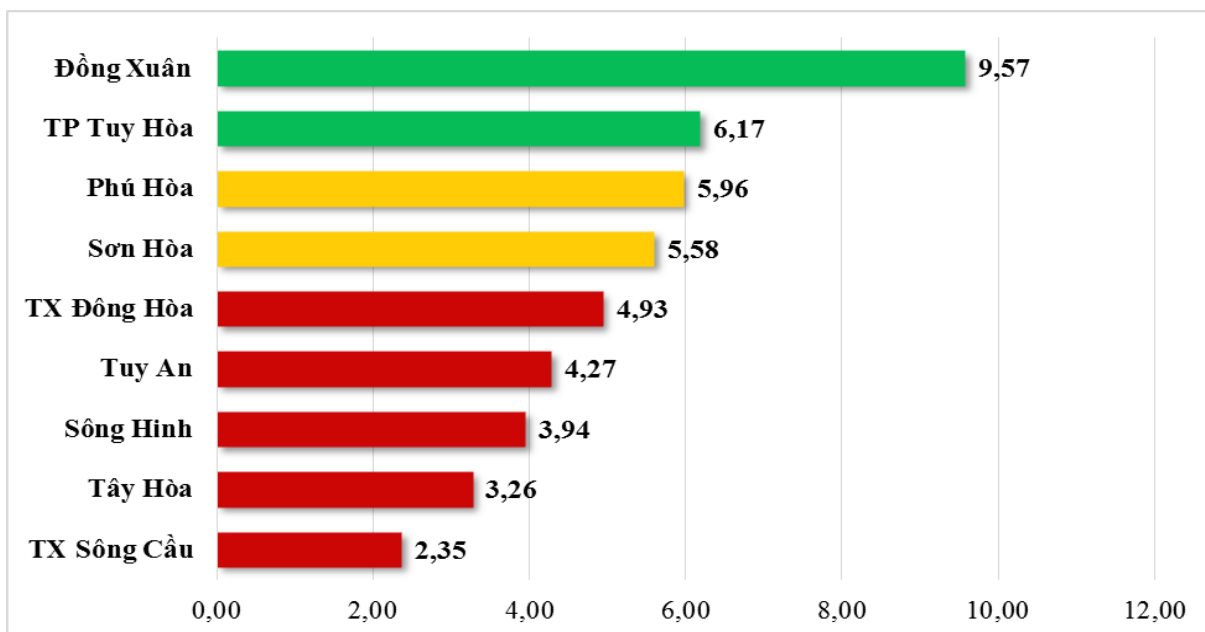


**Hình 436: So sánh chỉ số Vai trò người đứng đầu khối Địa phương 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

Có 6/9 đơn vị có điểm thấp hơn so với trung vị PCI 2019 cả nước. Trong đó, 3 huyện Tuy An, Sơn Hòa và Phú Hòa có mức chênh lệch điểm khá cao, trên

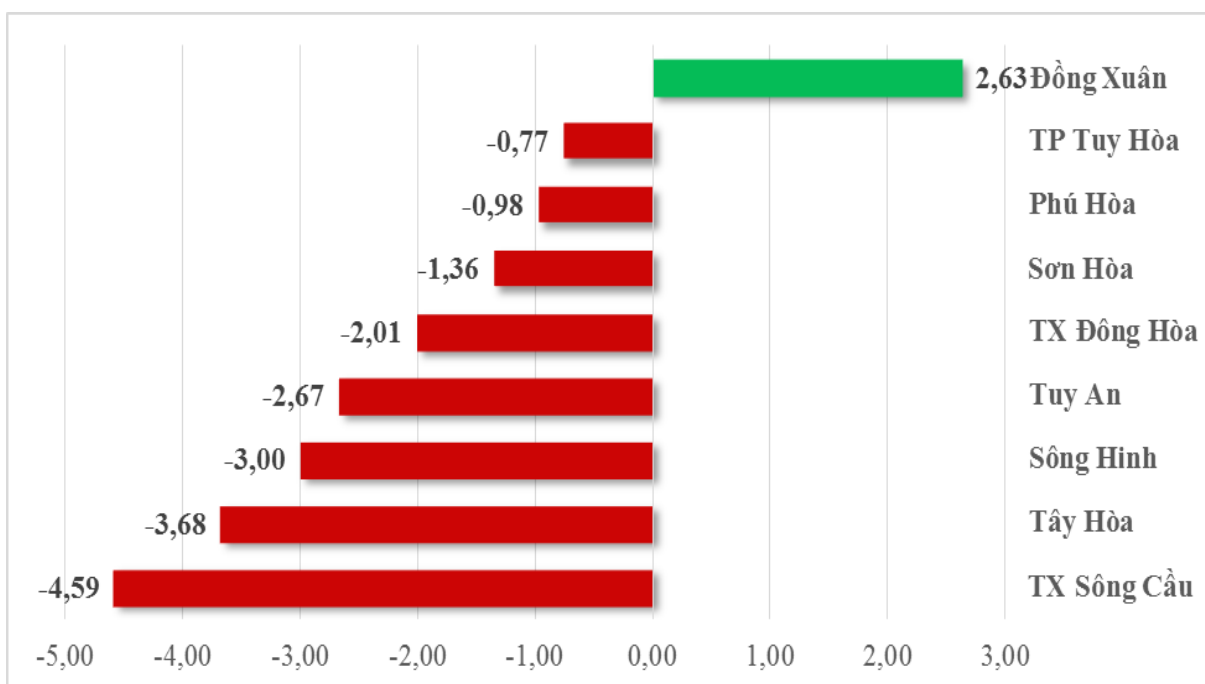
2 điểm, nên trong thời gian tới cần chú trọng cải thiện chỉ số này.

### 3.10. Chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất của khối Địa phương



**Hình 447: Điểm và xếp hạng chỉ số tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất của khối Địa phương**

Huyện Đồng Xuân và thành phố Tuy Hòa xếp đầu bảng xếp hạng với các mức điểm tương ứng 9,57 và 6,17 điểm. Huyện Tây Hòa và TX Sông Cầu xếp cuối với mức điểm trung bình 2,81 điểm.



**Hình 458: So sánh chỉ số Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất của khối Địa phương năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

Có 1 đơn vị dẫn đầu có vượt trội so với PCI 2019 toàn quốc. Đây là điểm



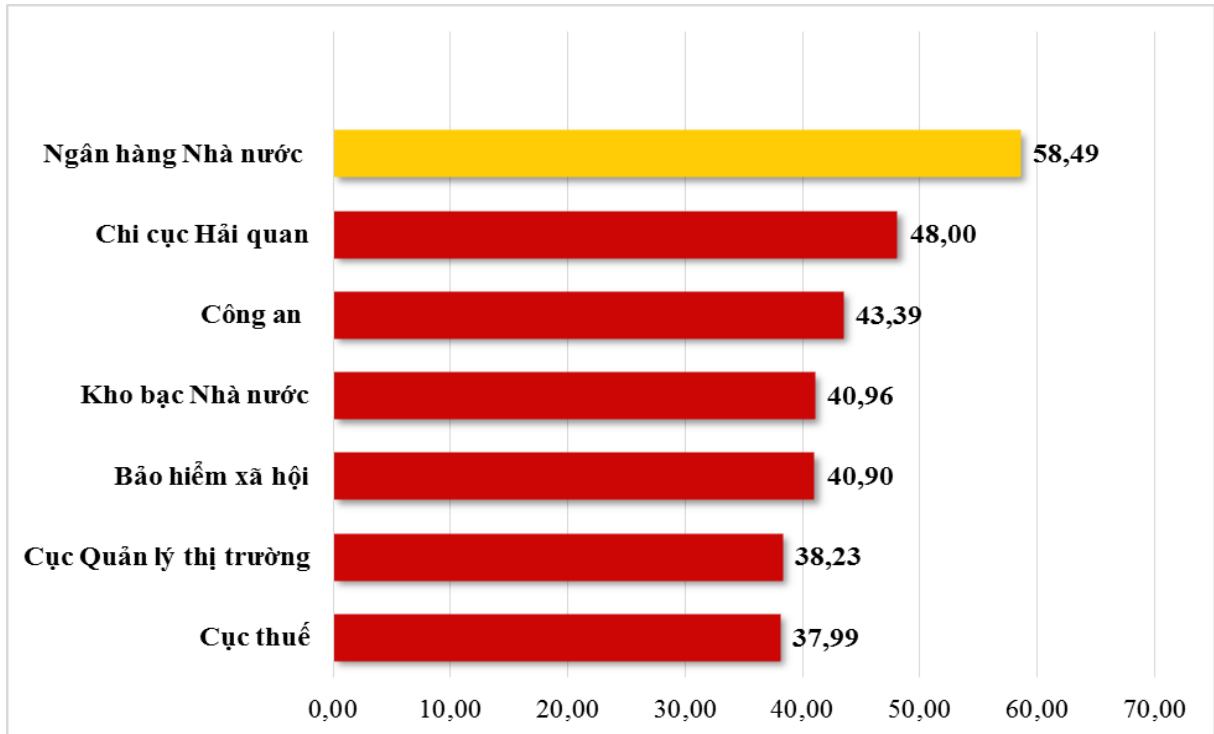
yếu mà địa phương cần hết sức quan tâm cải thiện trong thời gian đến.

#### Chương 4:

### CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH KHỐI CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN NĂM 2020

#### 4.1. Xếp hạng DDCI khối cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh Phú Yên

##### 4.1.1. Tổng điểm và xếp hạng



**Hình 46: Điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI khối cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

Qua bảng xếp hạng cho thấy năng lực cạnh tranh của khối cơ quan Trung ương (CQTW) trên địa bàn có điểm trung vị đạt 40,96 điểm tương đương mức 51,2 điểm (quy chuẩn hệ 10 chỉ số thành phần), cách khá xa mức điểm số PCI 2019 của tỉnh là 64,14 điểm.

Xét về tính đồng đều giữa 7 đơn vị tham gia đánh giá, điểm số của đơn vị dẫn đầu đạt 58,49 điểm và điểm số của đơn vị xếp cuối đạt 37,99 điểm, khoảng cách điểm của đơn vị đứng đầu và cuối chênh lệch 20,5 điểm (tương đương 53,96% điểm tối thiểu). Điều này cho thấy chất lượng điều hành của các đơn vị đang có khoảng cách tương đối lớn từ góc nhìn DN.

Năm 2020 khẳng định sự đánh giá cao của cộng đồng DN với đơn vị dẫn đầu khối Cơ quan Trung ương là Ngân hàng Nhà nước (NHNN) với điểm số 58,49 điểm, chênh lệch tới 14,5 điểm so với mặt bằng chung. 2 đơn vị tiếp theo trong nhóm 3 đơn vị dẫn đầu bảng xếp hạng theo thứ tự là Chi cục Hải Quan (CCHQ) và Công an tỉnh, có mức điểm lần lượt là 48,0 và 43,39 điểm.

4 đơn vị xếp cuối của bảng xếp hạng là Kho bạc Nhà nước (KBNN), Bảo hiểm xã hội (BHXH), Cục Quản lý Thị trường (CQLTT) và Cục thuế với mức

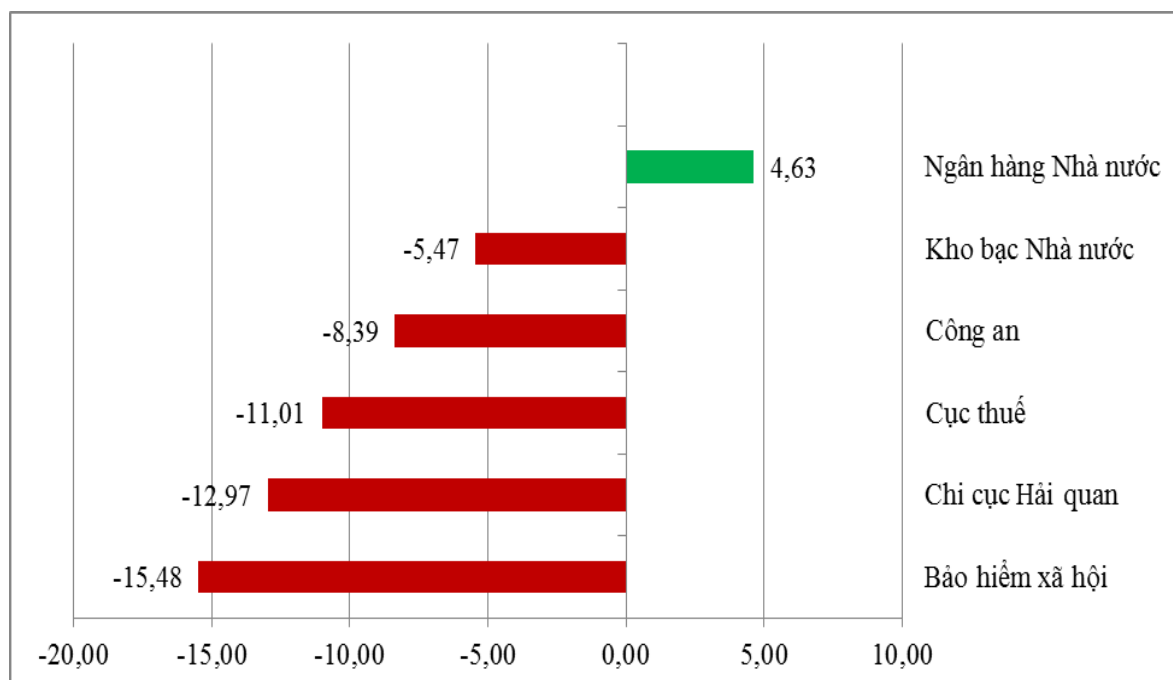
điểm thấp từ 37,99 đến 40,96 điểm trên thang đo 80 điểm.

Các đơn vị xếp cuối cũng là những đơn vị có nhiều các thủ tục và hoạt động có liên quan tới DN phần nào giải thích thứ hạng chưa cao của tỉnh trong bảng xếp hạng PCI quốc gia lĩnh vực thu hút sự quan tâm và thắc mắc của DN trên cả nước và địa bàn tỉnh.

So với năm 2019 điểm số DDCI 5 đơn vị Trung ương trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020 đều giảm và chỉ có Ngân hàng Nhà nước có điểm tăng.

**Bảng 5: Điểm số DDCI khối CQTW năm 2020 với 2019**

Xếp hạng 2020	Huyện/Thị xã/Thành phố	Điểm số DDCI	
		2020	2019
1	Ngân hàng Nhà nước	58,49	53,86
2	Chi cục Hải quan	48,00	60,97
3	Công an	43,39	51,77
4	Kho bạc Nhà nước	40,96	46,43
5	Bảo hiểm xã hội	40,90	56,38
6	Cục Quản lý thị trường	38,23	Không đánh giá
7	Cục thuế	37,99	49,0

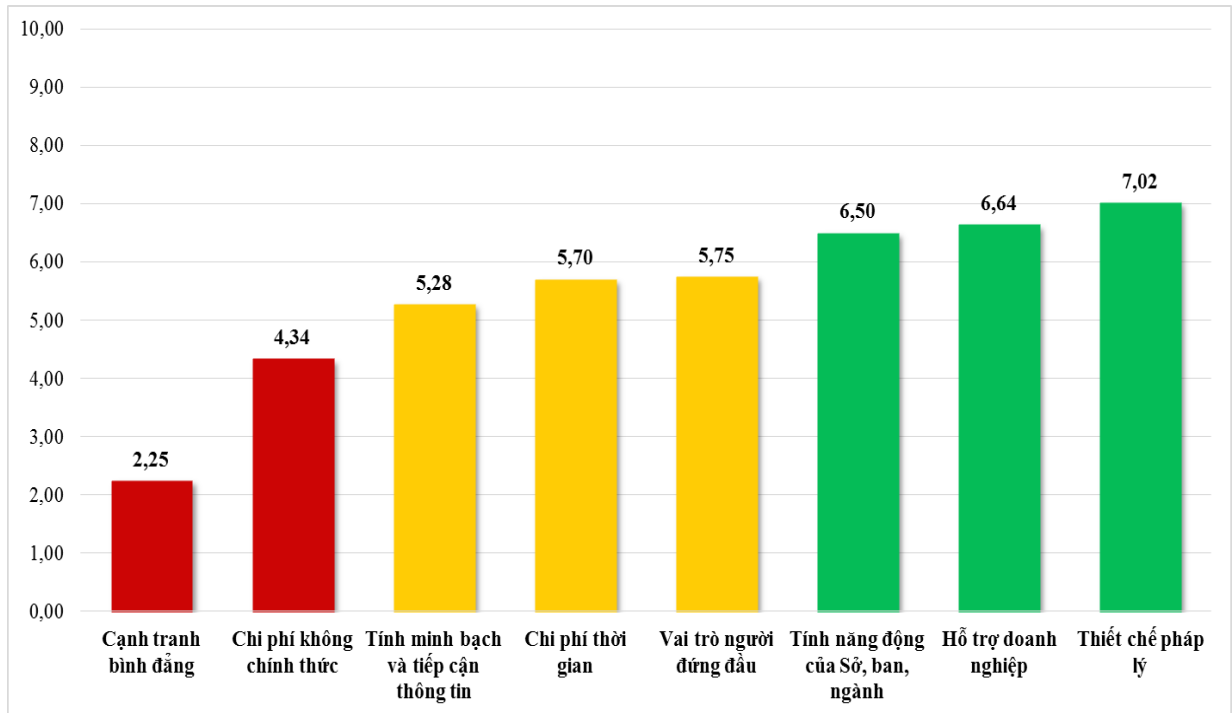


**Hình 47: So sánh điểm số DDCI khối CQTW trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020 với năm 2019**

Như vậy các cơ quan Trung ương có sự giảm sút đáng kể, cần có sự cải thiện mạnh mẽ năng lực và trách nhiệm điều hành trong năm 2021, nhất là các

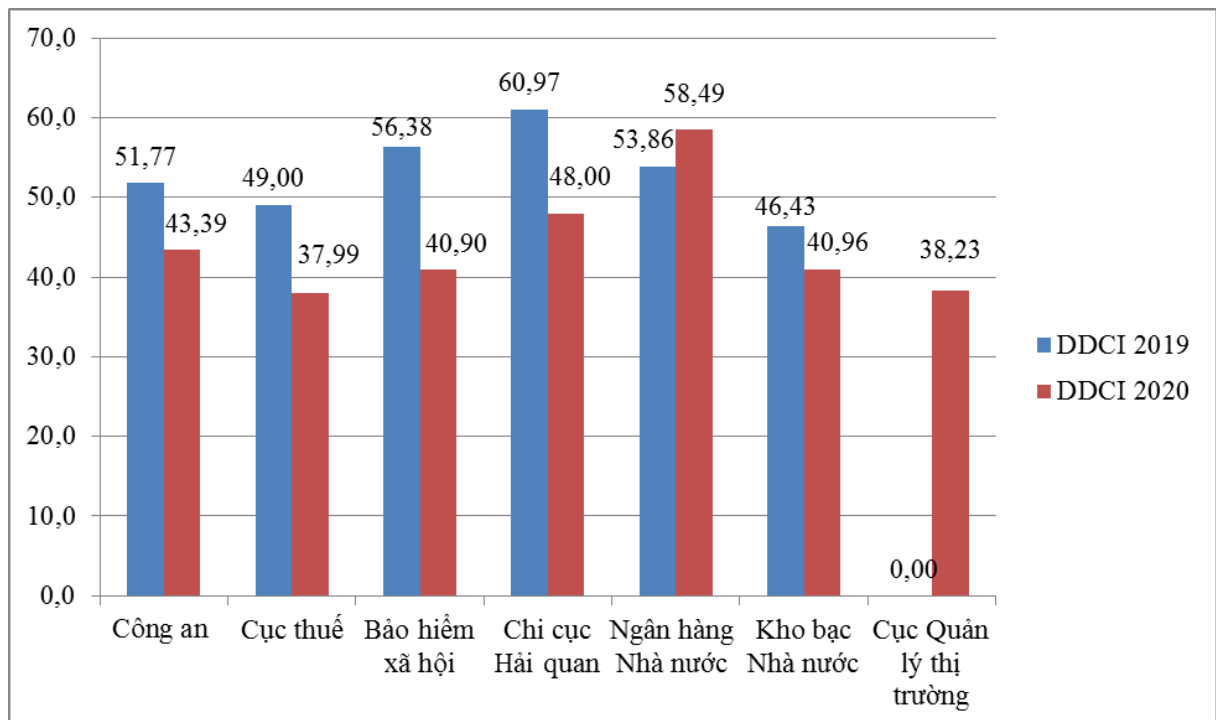
cơ quan Trung ương có điểm giảm sút trên 2 con số.

#### 4.1.2. Điểm các chỉ số thành phần

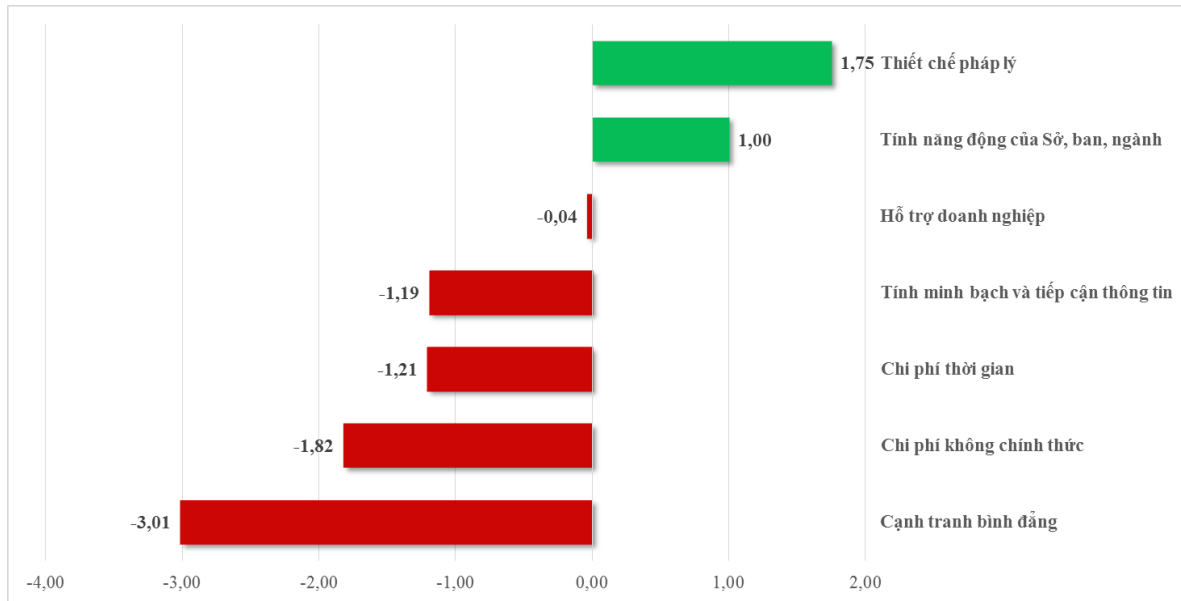


**Hình 48: Chỉ số thành phần DDCI khối CQTW năm 2020**

Điểm các chỉ số thành phần cho thấy chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng”, và “Chi phí không chính thức” có điểm thấp nhất của khối cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020.

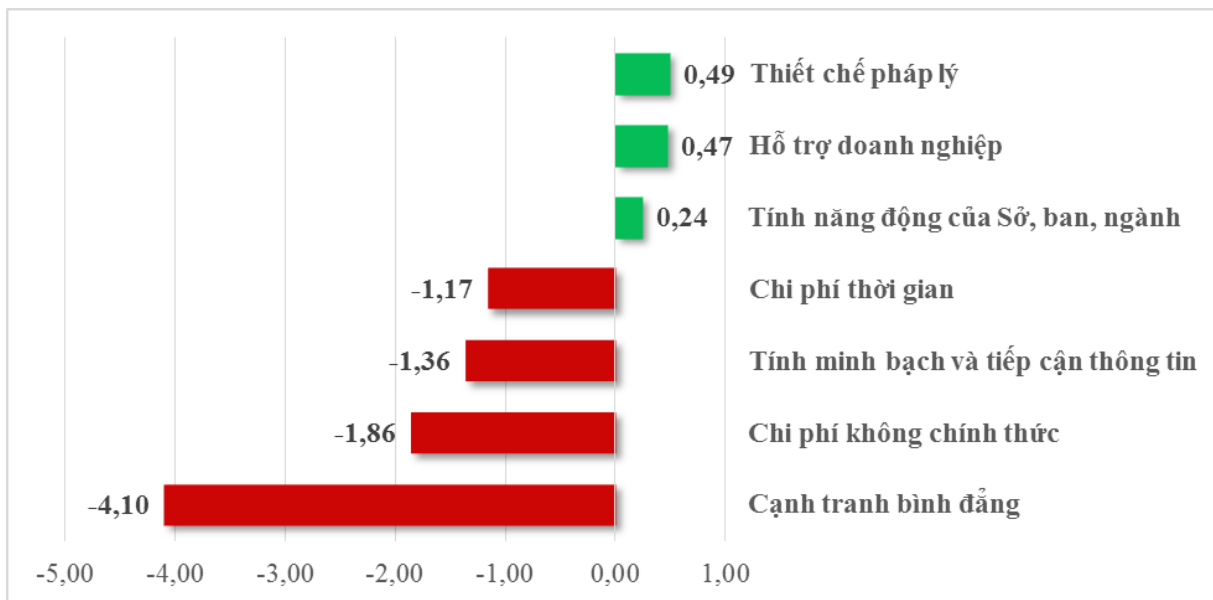


**Hình 49: Điểm số DDCI khối CQTW năm 2020 và năm 2019**



**Hình 50: So sánh 07 chỉ số thành phần của DDCI khối CQTW năm 2020 với điểm PCI Phú Yên 2019**

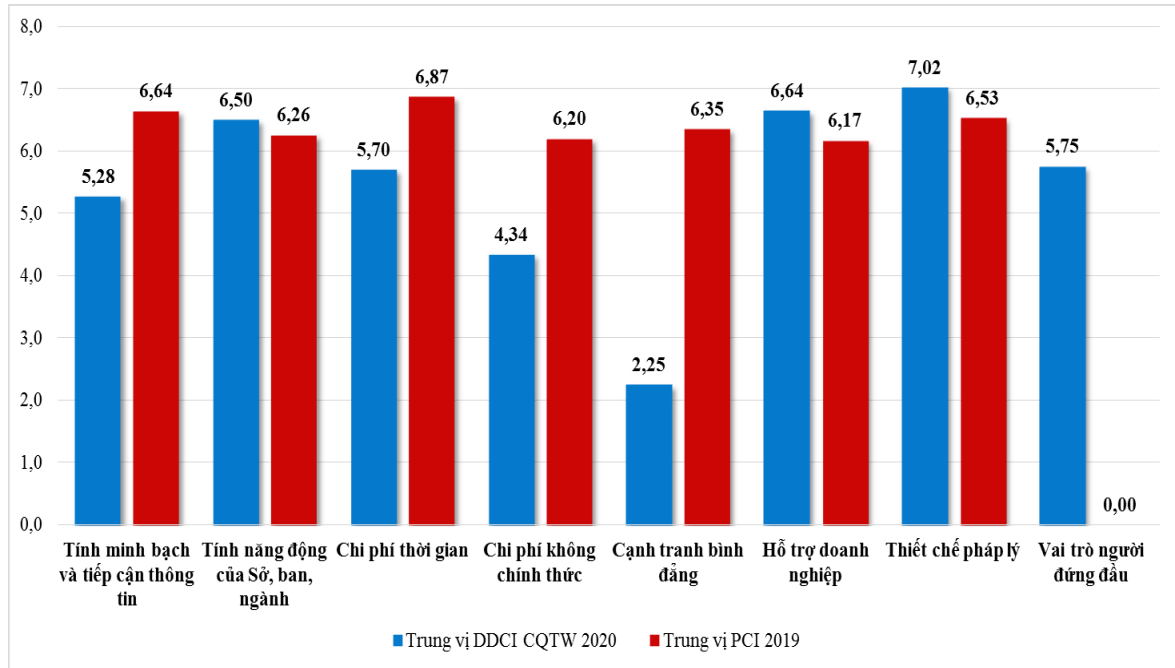
Kết quả cho thấy 2 chỉ số cải thiện so với PCI 2019 tỉnh Phú Yên là: “Thiết chế pháp lý” và “Tính năng động”; trong khi đó “Dịch vụ hỗ trợ DN”, “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Chi phí thời gian”, “Chi phí không chính thức” và “Cạnh tranh bình đẳng” sút giảm so với PCI 2019 tỉnh Phú Yên.



**Hình 51: So sánh 07 chỉ số thành phần của khối CQTW năm 2020 với điểm trung vị PCI 2019 toàn quốc**

So sánh với điểm trung vị của PCI 2019 cả nước với điểm số DDCI 2020 khối CQTW của tỉnh Phú Yên cho thấy chưa có sự cải thiện đáng kể của các chỉ số thành phần. 4 chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”, “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Chi phí không chính thức” và “Cạnh tranh bình đẳng” dưới mức

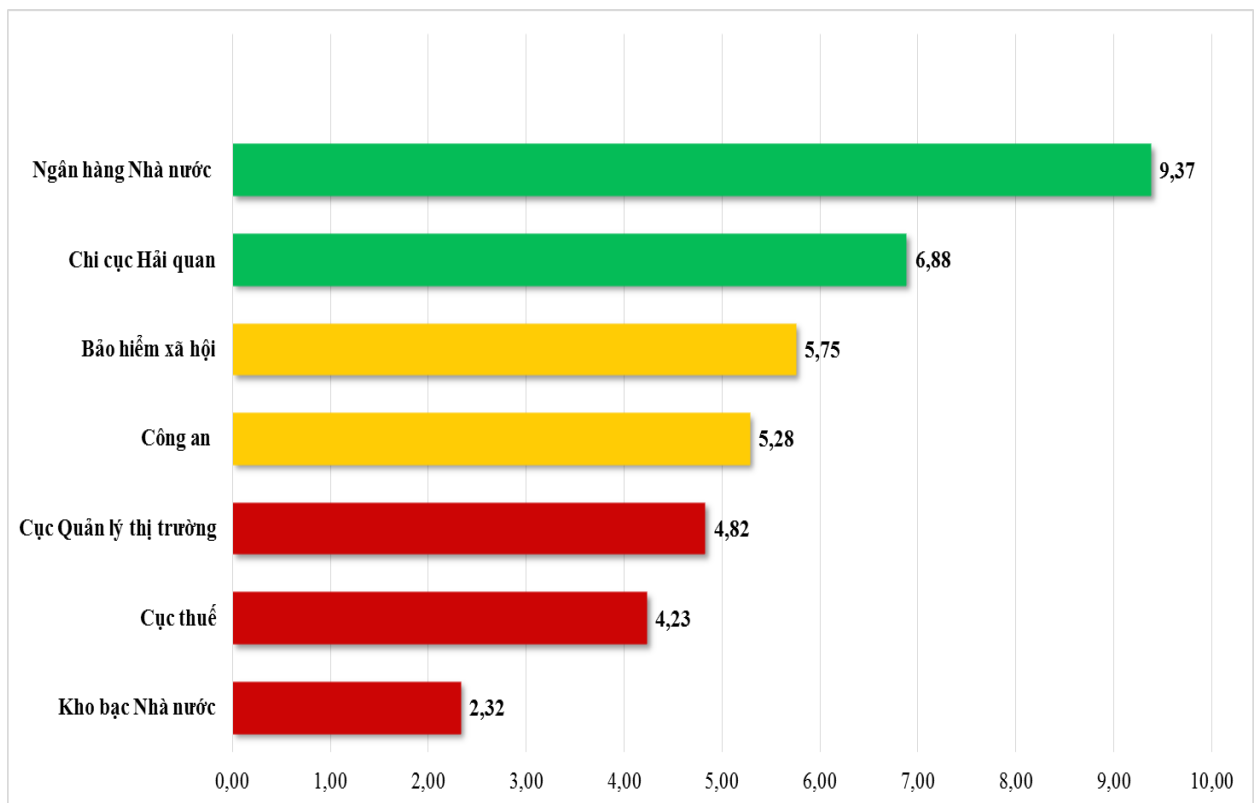
trung vị PCI 2019 cả nước.



**Hình 52: Điểm 07 chỉ số thành phần của DDCI Phú Yên 2020 khối CQTV và điểm trung vị PCI 2019 toàn quốc**

Có 4 chỉ số thành phần của DDCI 2020 khối CQTV thấp hơn so với trung vị PCI 2019 cả nước.

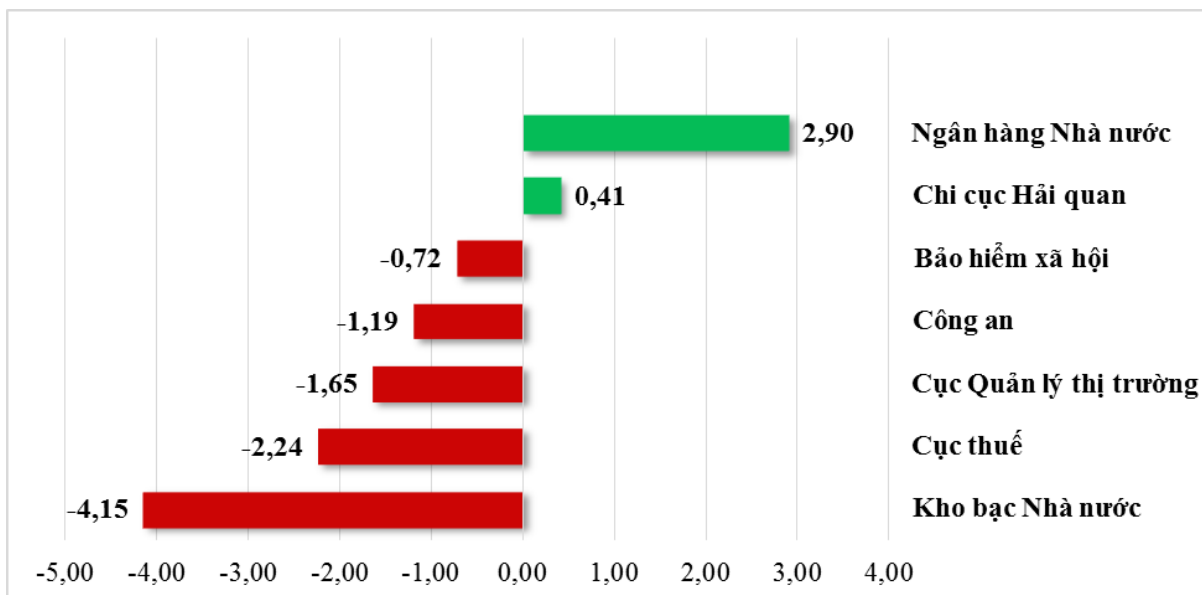
#### 4.2. Chỉ số thành phần Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối CQTV



**Hình 53: Điểm số và xếp hạng chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

Chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” năm 2020 ghi nhận đơn vị dẫn đầu là NHNN với 9,37 điểm. 3 đơn vị xếp cuối có mức điểm thấp từ 2,32 đến 4,82 điểm cho thấy cộng đồng DN không hài lòng về hiệu quả minh bạch, công khai của 3 đơn vị này.

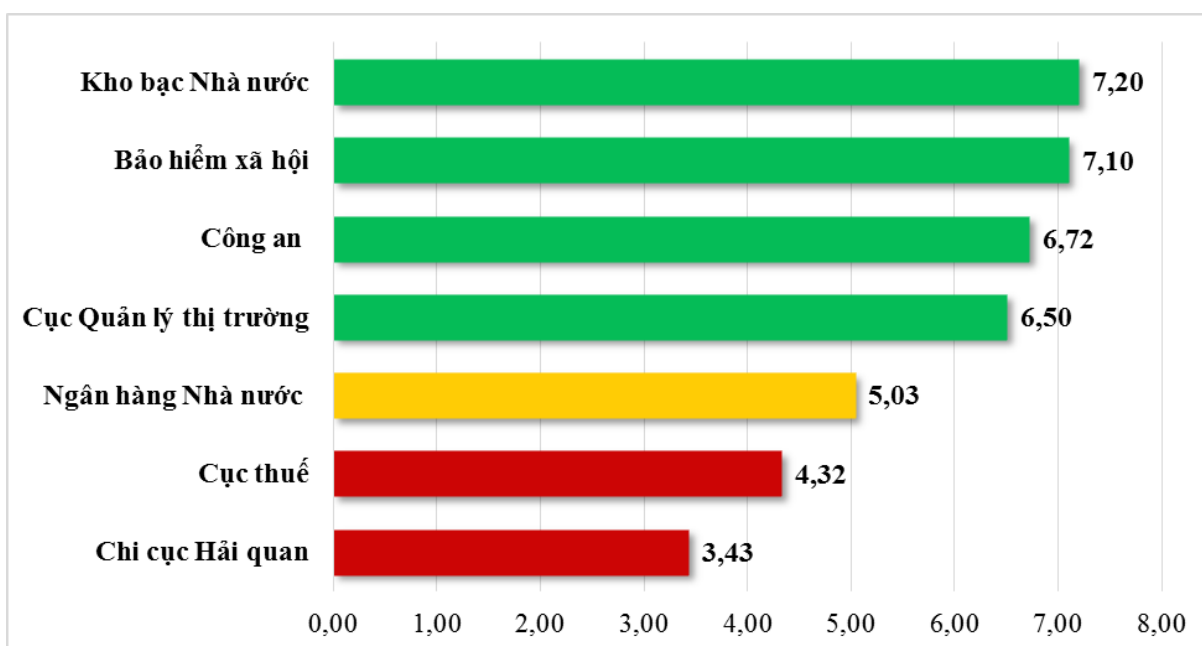
Khoảng cách điểm giữa đơn vị đứng đầu và đơn vị xếp cuối của chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” DDCI 2020 là 7,05 điểm.



**Hình 54: So sánh chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối CQTW năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

Có 5 đơn vị có chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin thấp hơn so với trung vị PCI 2019 cả nước và 2 đơn vị có điểm số cao hơn là NHNN và CCHQ.

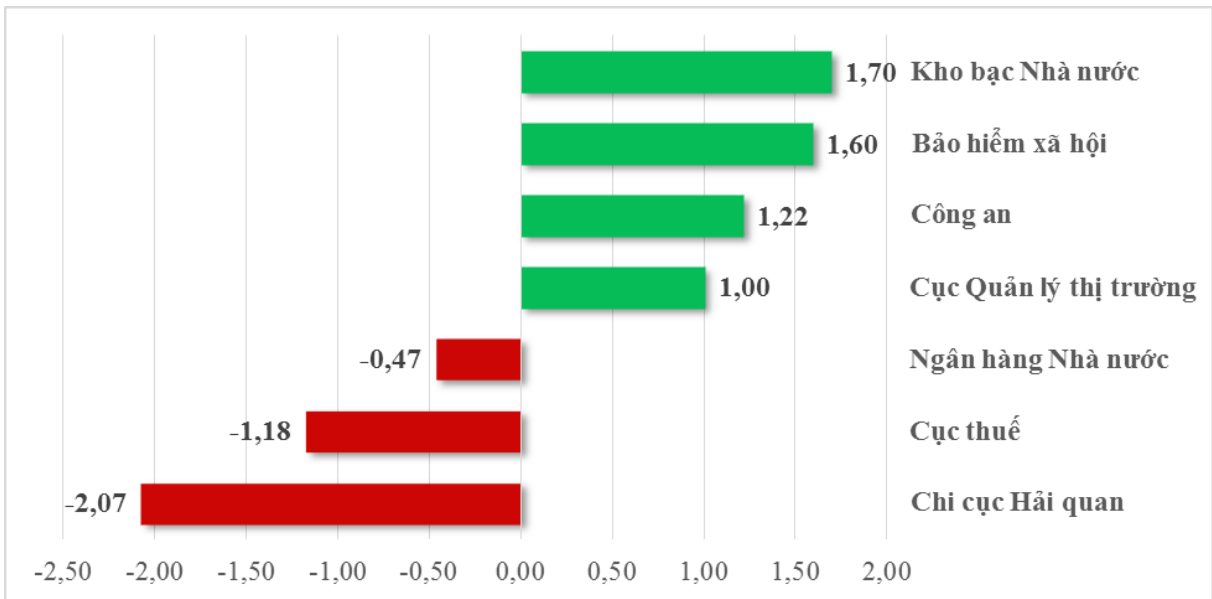
#### 4.3. Chỉ số thành phần Tính năng động khối CQTW



**Hình 55: Điểm số và xếp hạng chỉ số Tính năng động của khối CQTW**

KBNN, BHXH và Công an là 3 đơn vị dẫn đầu xếp hạng chỉ số thành phần

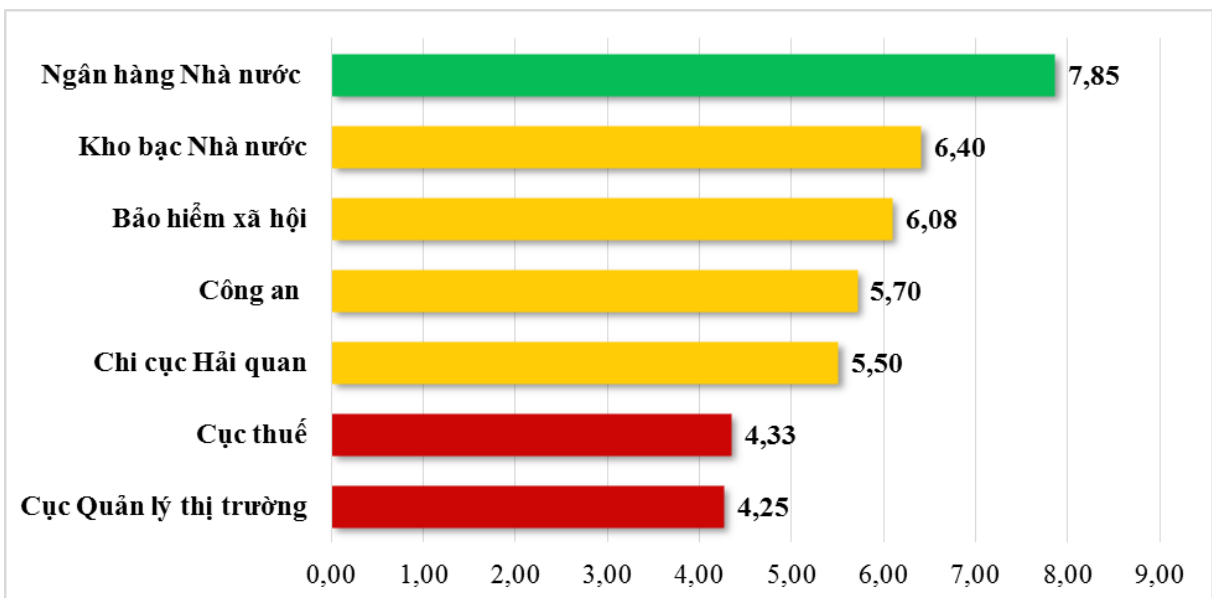
“Tính năng động” của khối CQTW năm 2020. Với nhóm này, điểm số trung bình đạt mức cao trên 7 điểm. Nhóm xếp cuối bao gồm 2 đơn vị gồm Cục thuế và CCHQ có mức điểm trung bình đạt dưới 5 điểm.



**Hình 56: So sánh chỉ số Tính năng động của khối CQTW năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

3/7 đơn vị có điểm số thấp hơn so với trung vị PCI 2019 cả nước về Tính năng động trong năm 2020.

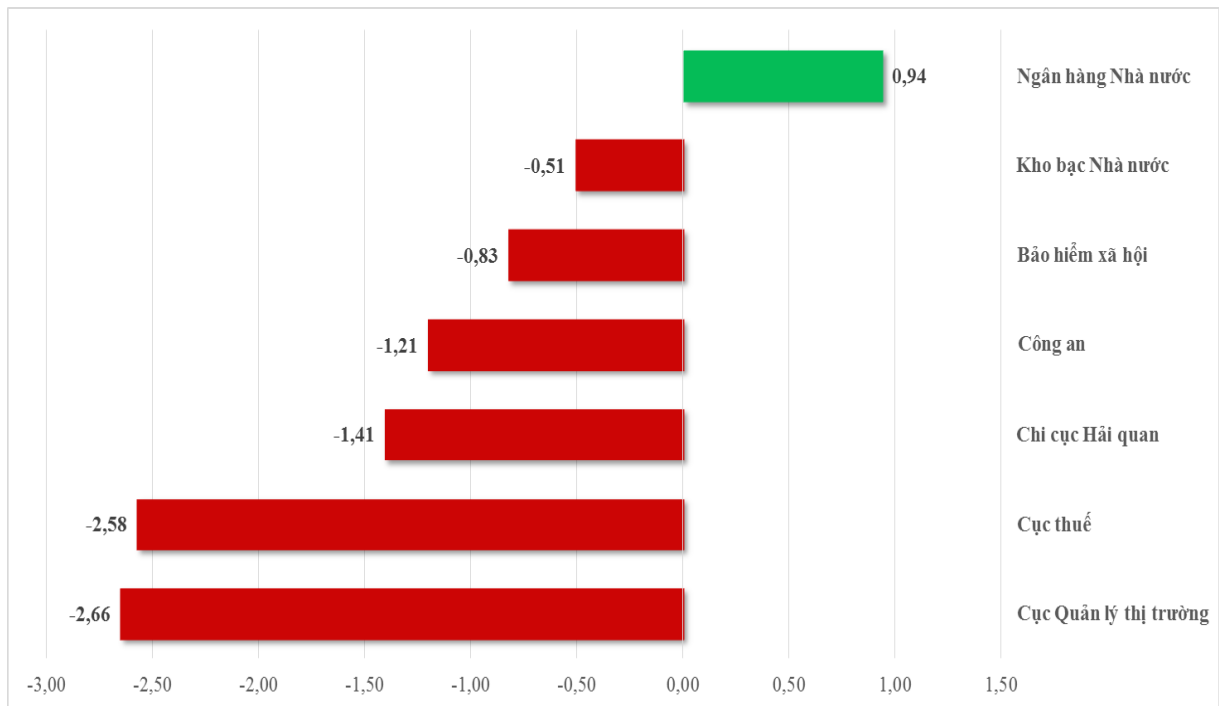
#### 4.4. Chỉ số thành phần Chi phí thời gian khối CQTW



**Hình 57: Điểm số và xếp hạng chỉ số Chi phí thời gian của khối CQTW**

NHNN, KBNN và BHXH là 3 đơn vị dẫn đầu xếp hạng chỉ số “Chi phí thời gian” của khối CQTW năm 2020, với nhóm này điểm số trung bình đạt mức cao trên 6,78 điểm. Nhóm thứ 2 bao gồm 2 đơn vị là Công an và CCHQ với

mức điểm đạt gần 5,6 điểm. Nhóm xếp cuối bao gồm 2 đơn vị gồm Cục thuế và Cục QLTT có mức điểm trung bình đạt dưới 5 điểm.

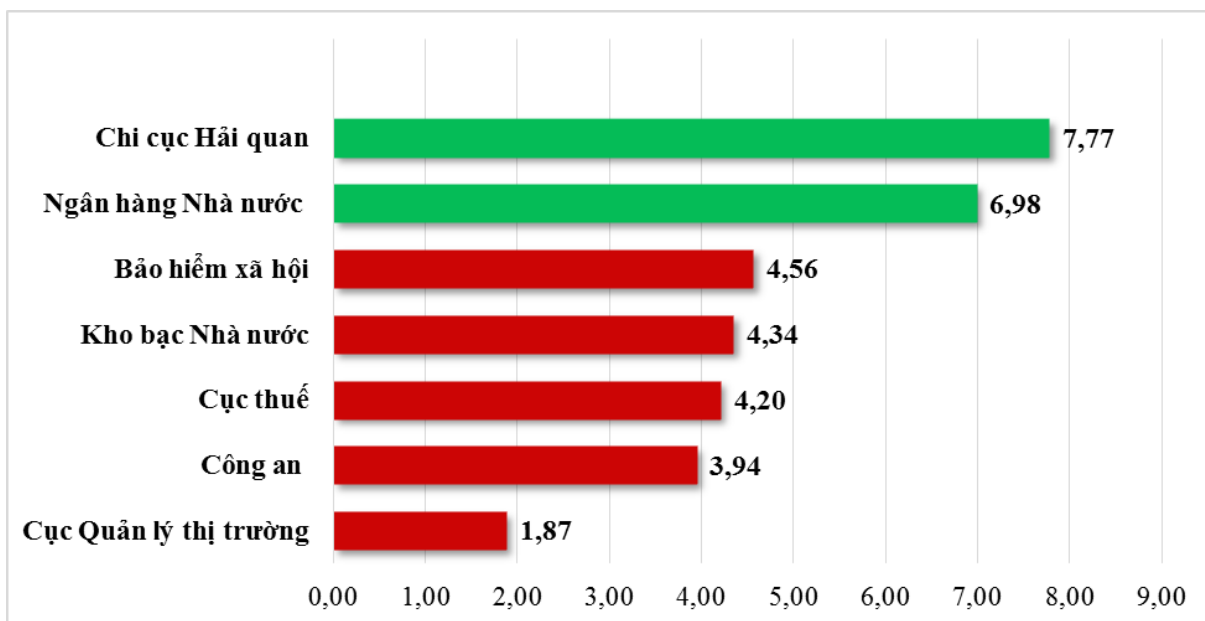


**Hình 58: So sánh chỉ số Chi phí thời gian khối CQTW năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

6/7 đơn vị có điểm số thấp hơn so với trung vị PCI 2019 cả nước về chỉ số Chi phí thời gian trong năm 2020. Điều này cho thấy, trong thời gian tới các đơn vị cần quan tâm cải thiện chỉ số này trong thời gian tới.

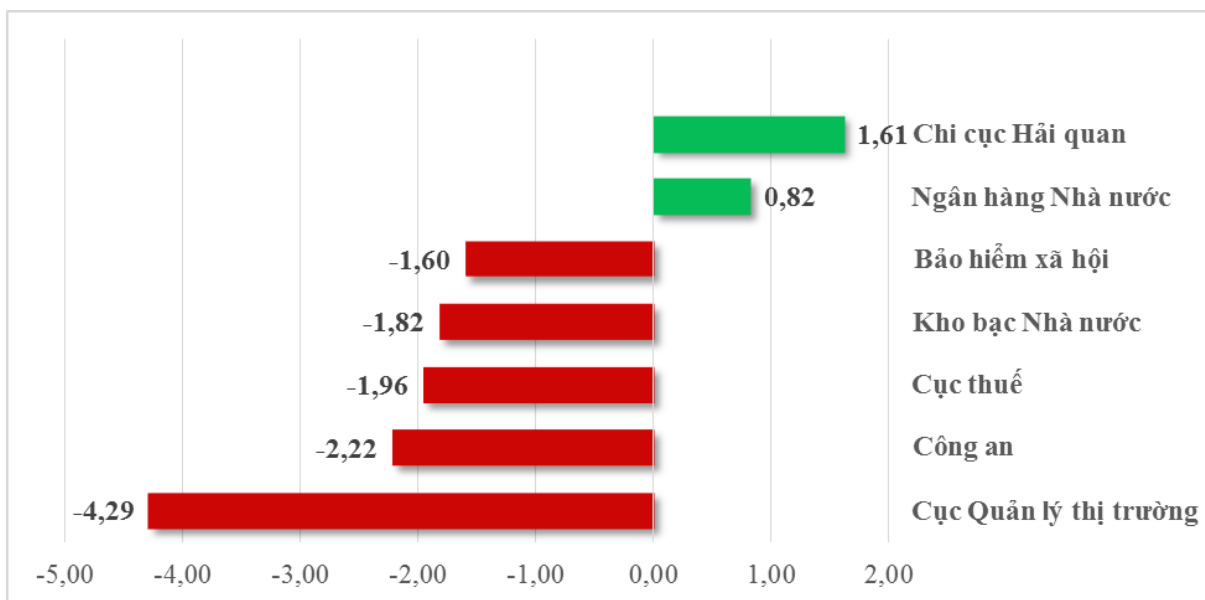


#### 4.5. Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của khối CQTW



**Hình 59: Điểm số và xếp hạng chỉ số Chi phí không chính thức của CQTW**

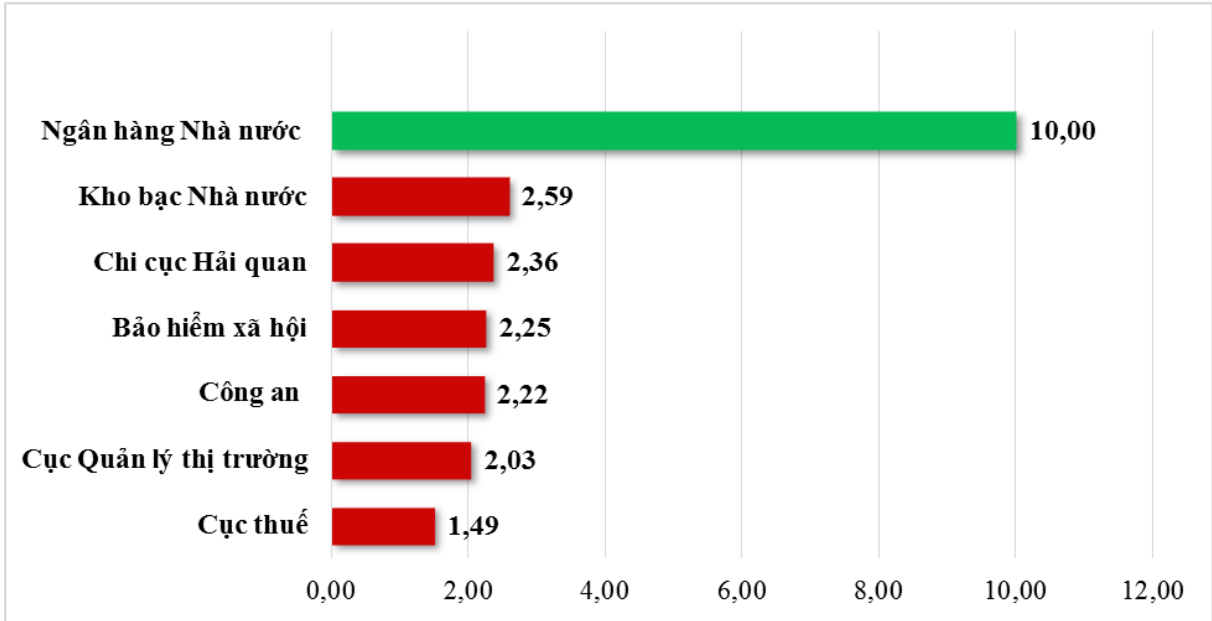
Chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” năm 2020 của khối CQTW ghi nhận 2 đơn vị dẫn đầu là CCHQ và NHNN có điểm trung bình đạt 7,38 điểm. 3 đơn vị xếp cuối là Cục thuế, Công an và Cục QLTT với mức điểm trung bình đạt 3,34 điểm. Trong đó, đáng chú ý là có 5/7 đơn vị có điểm số thấp hơn 5 điểm.



**Hình 60: So sánh chỉ số Chi phí không chính thức khối CQTW năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

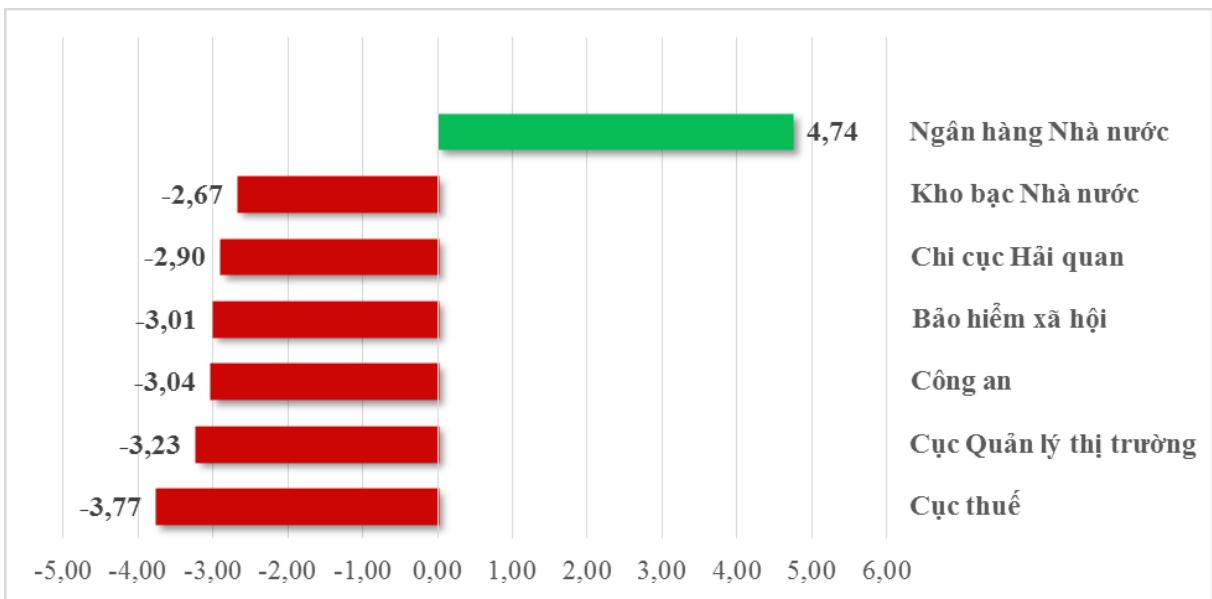
Có 5/7 đơn vị đều có điểm số thấp hơn mức trung vị PCI 2019 cả nước, đây là tín hiệu cảnh báo quá trình điều hành của tỉnh. Do đó, trong thời gian tới tỉnh cần quan tâm hơn nữa chỉ số này.

#### 4.6. Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng khối CQTW



**Hình 61: Điểm số và xếp hạng chỉ số Cạnh tranh bình đẳng khối CQTW**

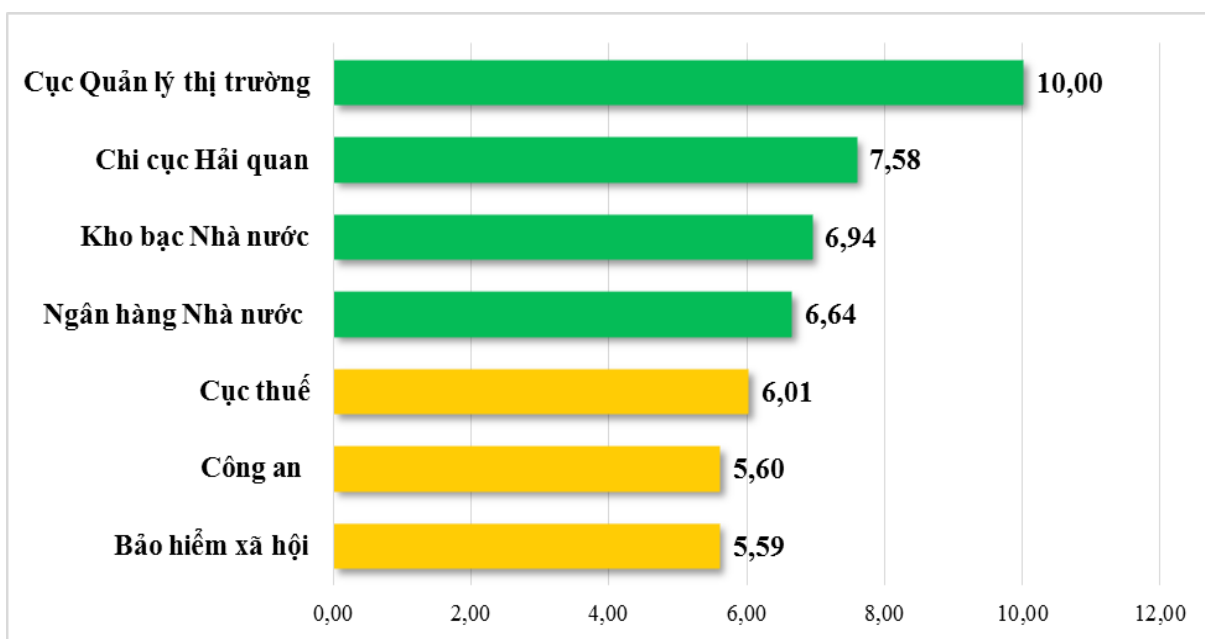
Chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” ghi nhận có sự chênh lệch đáng kể giữa đơn vị dẫn đầu với các đơn vị còn lại, mức chênh lệch gấp gần 4 lần so với điểm trung bình của các đơn vị còn lại. Có thể nói năm 2020, cạnh tranh bình đẳng là một trong những mặt hạn chế của các CQTW trên địa bàn tỉnh Phú Yên.



**Hình 62: So sánh chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối CQTW với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

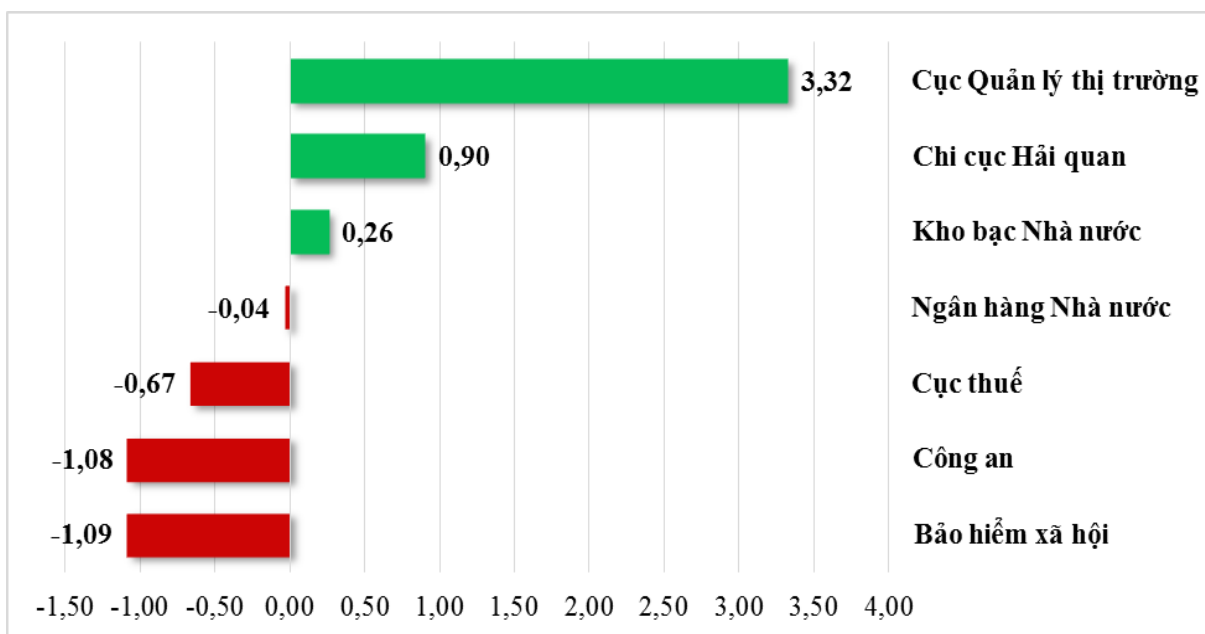
Có 6/7 đơn vị có điểm số thấp hơn trung vị PCI 2019 cả nước.

## 2.7. Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của khối CQTW



**Hình 63: Điểm số và xếp hạng chỉ số Dịch vụ hỗ trợ DN khối CQTW**

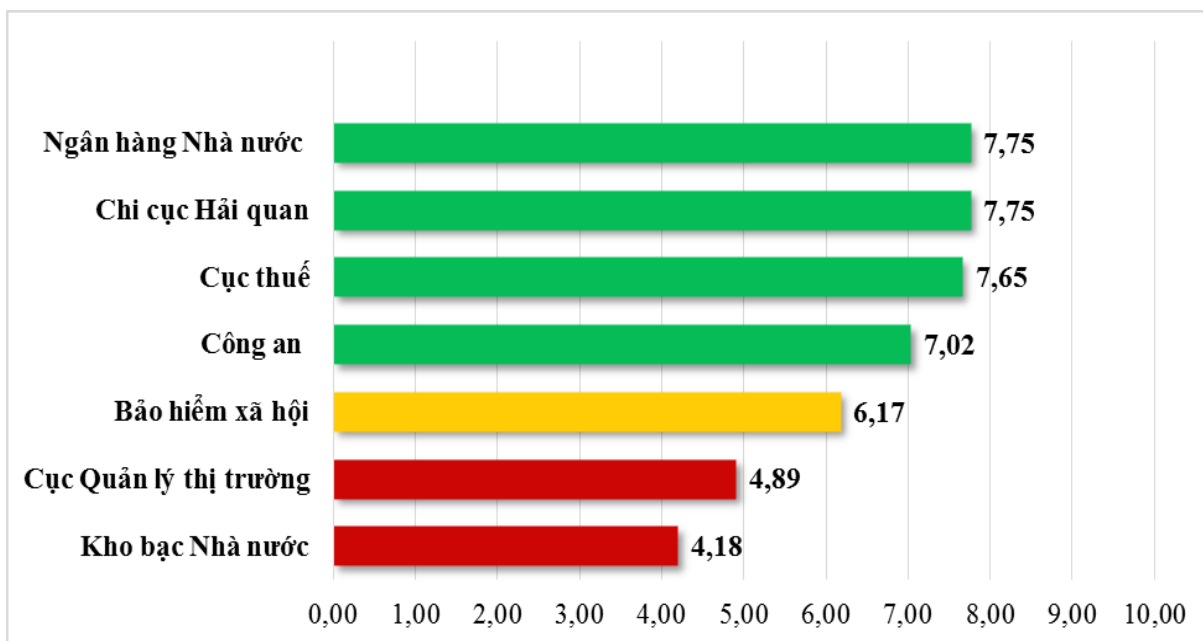
Chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ DN” của khối cơ quan Trung ương năm 2020 ghi nhận hoạt động hỗ trợ DN của các đơn vị: Cục QLTT, CCHQ, KBNN và NHNN ở mức khá đến rất tốt, với mức điểm trung bình đạt 7,79 điểm. Nhóm còn lại bao gồm Cục thuế, Công an và BHXH với mức điểm trung bình đạt 5,73 điểm.



**Hình 64: So sánh chỉ số Dịch vụ hỗ trợ DN khối CQTW năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

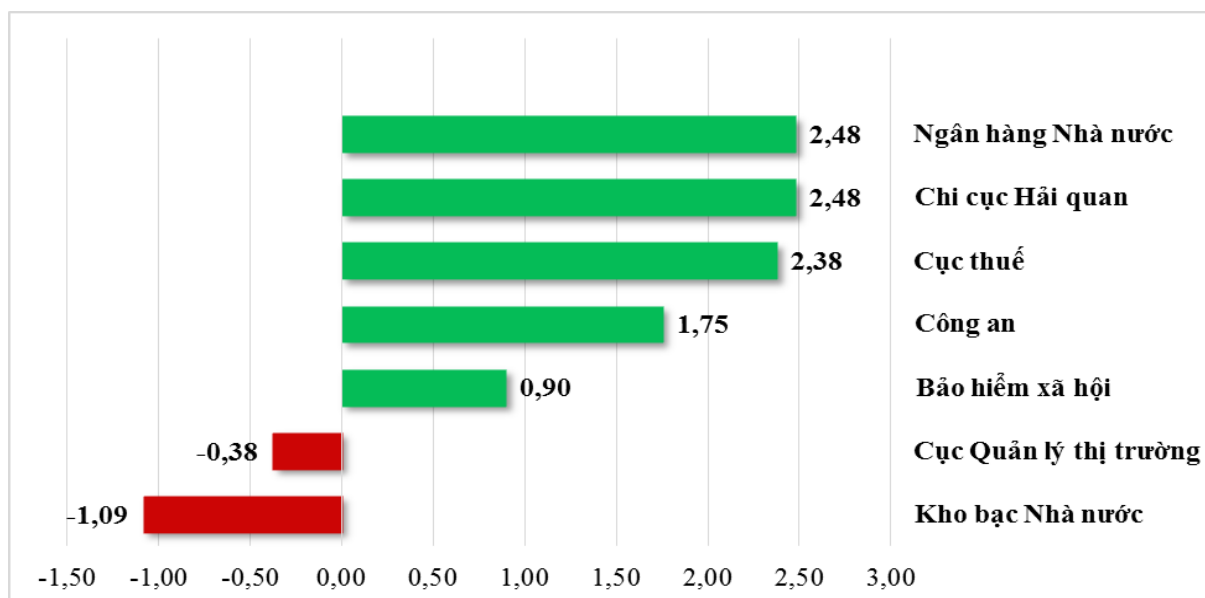
Có 3/7 đơn vị có điểm số cao hơn và 4/7 đơn vị có điểm số thấp hơn mức trung vị PCI 2019 cả nước

#### 4.8. Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý khối CQTW



**Hình 65: Điểm số và xếp hạng chỉ số Thiết chế pháp lý khối CQTW**

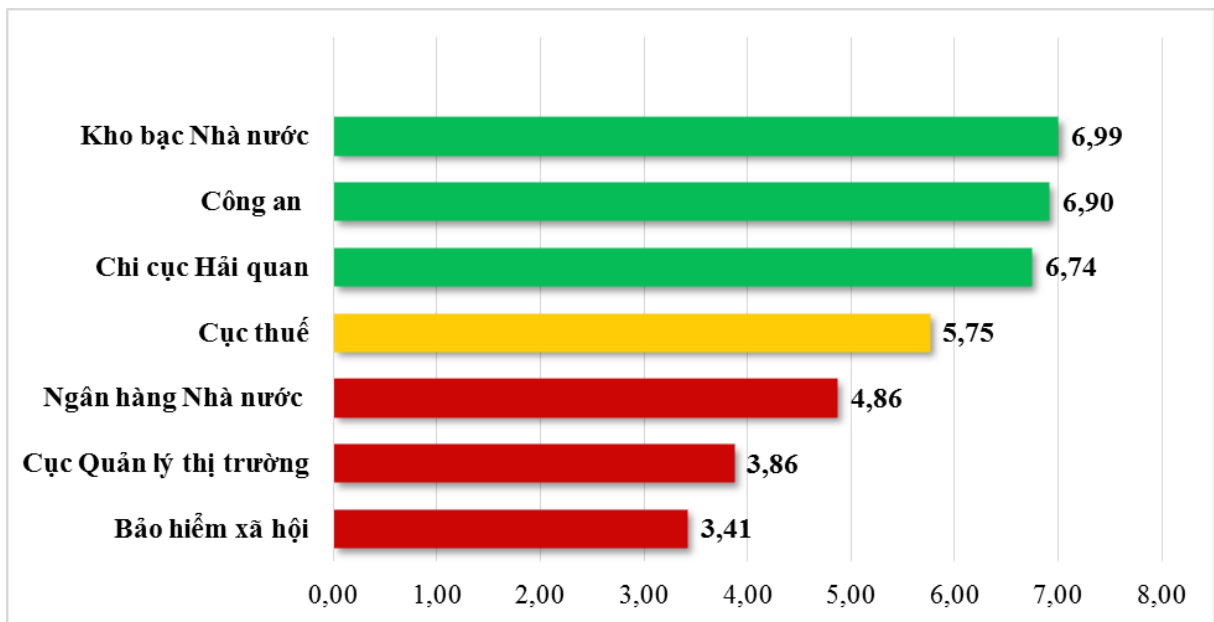
Chỉ số “Thiết chế pháp lý” của khối CQTW năm 2020 được cộng đồng DN ghi nhận ở mức tương đối đồng đều giữa các đơn vị. 3 đơn vị dẫn đầu bảng xếp hạng với điểm trung bình đạt 7,72 điểm gồm NHNN, CCHQ và Cục thuế. Nhóm xếp cuối bao gồm 2 đơn vị Cục QLTT và KBNN với mức điểm trung bình đạt 4,54 điểm.



**Hình 66: So sánh chỉ số Thiết chế pháp lý khối CQTW năm 2020 với trung vị PCI 2019 toàn quốc**

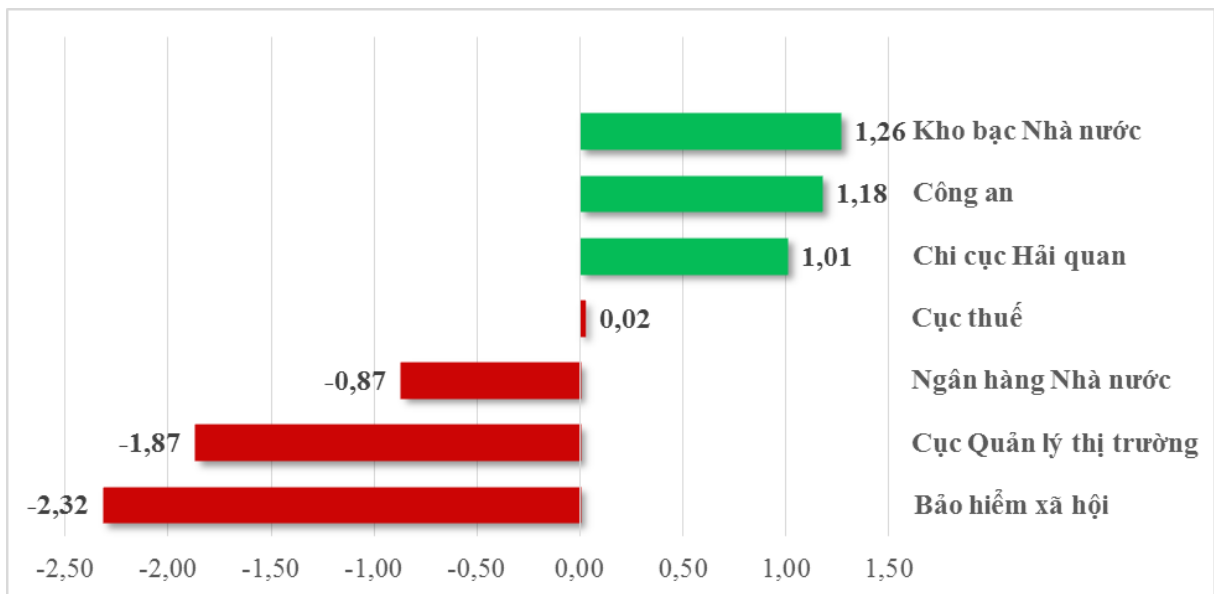
Có 5/7 đơn vị có điểm số cao hơn mức trung vị PCI 2019 cả nước, đây là tín hiệu khả quan trong hoạt động của các CQTW trong năm 2020.

## 2.9. Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu khối CQTW



**Hình 67: Điểm số và xếp hạng chỉ số Vai trò người đứng đầu khối CQTW**

Năm 2020, cộng đồng DN ghi nhận vai trò lãnh đạo của 3 đơn vị đứng đầu, với mức điểm trung bình đạt 6,88 điểm gồm: KBNN, Công an và CCHQ. 3 đơn vị xếp cuối bảng xếp hạng chỉ số thành phần này là NHNN, Cục QLTT và BHXH với trung bình chỉ đạt 4,04 điểm.



**Hình 68: So sánh chỉ số Vai trò người đứng đầu khối CQTW năm 2020 với trung vị DDCI 2019 toàn quốc**

Chia nhóm các vị lãnh đạo 7 cơ quan Trung ương làm 2 nhóm với điểm trung vị ta có thể thấy DN yêu cầu lãnh đạo các đơn vị: NHNN, Cục QLTT và BHXH cần có mức cải thiện năng lực và trách nhiệm điều hành trong năm 2021.

## KẾT LUẬN

1. Kết quả DDCI tỉnh Phú Yên năm 2020 cho thấy tổng thể tỉnh có những hạn chế trong cả 3 khối tham mưu, quản lý cấp Sở, Ban, Ngành và Địa phương.

- Khối Sở, Ban, Ngành có những điểm yếu về **Chi phí không chính thức và Cạnh tranh bình đẳng**.

- Khối Địa phương lộ rõ những hạn chế về **Cạnh tranh bình đẳng, Chi phí không chính thức và Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất đai**.

- Khối cơ quan Trung ương có những điểm yếu về **Chi phí không chính thức và Cạnh tranh bình đẳng**.

Như vậy điểm yếu chung trong cả 3 khối là **Cạnh tranh bình đẳng và Chi phí không chính thức**.

2. Về mức độ hài lòng khối Địa phương được đánh giá cao nhất tiếp đến là khối Sở, Ban, Ngành và cuối cùng là khối cơ quan Trung ương.

- Khối Sở, Ban, Ngành các đơn vị có ít tương tác nhiều với DN được sự đánh giá tích cực của cộng đồng DN, trong khi khối sở ngành tham mưu, phụ trách các nguồn lực tài chính, đất đai, cơ sở hạ tầng được đánh giá ở nhóm xếp cuối. Như vậy, so với năm 2019 chưa có sự cải thiện đáng kể nhóm các Sở, Ban, Ngành có hoạt động tương tác nhiều với DN. Xét tổng thể, điểm DDCI khối Sở, Ban, Ngành năm 2020 thấp hơn so với năm 2019.

- Khối Địa phương, cộng đồng DN đánh giá cao 3 địa phương Sơn Hòa, Đồng Xuân và Tp Tuy Hòa, trong khi Tây Hòa và TX Sông Cầu bị đánh giá thấp và xếp ở nhóm cuối. Như vậy, huyện Sơn Hòa tiếp tục được cộng đồng DN đánh giá cao trong năng lực điều hành kinh tế ở địa phương và dẫn đầu khối Địa phương trong năm 2020. Huyện Sông Hinh và TX Sông Cầu có sự giảm sút so với các địa phương còn lại trong năm 2020. Xét về tổng thể, điểm DDCI khối địa phương năm 2020 thấp hơn so với năm 2019, do vậy các địa phương cần nỗ lực hơn nữa trong thời gian đến.

- Khối cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, cộng đồng DN đánh giá cao NHNN, trong khi đó các đơn vị còn lại chỉ đạt mức trung bình thấp, nhất là 2 đơn vị CQLTT và Cục thuế. Năm đầu tiên thực hiện đánh giá riêng cho các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh nên chưa có cơ sở để so sánh điểm DDCI tổng thể. Nhưng, xét về điểm chi tiết từng đơn vị thì năm 2020 có sự giảm sút so với năm 2019 ở hầu hết các đơn vị.

3. DDCI Phú Yên chỉ rõ vai trò và vị trí của từng đơn vị trong mỗi chỉ số thành phần tạo nên sức cạnh tranh chung của tỉnh Phú Yên. Với cách tiếp cận so sánh với điểm trung vị của chỉ số thành phần PCI toàn quốc, các đơn vị và người đọc đều thấy rõ còn rất nhiều đơn vị có điểm tuyệt đối kém hơn mặt bằng chung cả nước giải thích tình trạng cải thiện chậm của tỉnh./.